

# PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG



Người soạn thảo: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng

# Chương 1: Nhập môn Pháp luật đại cương

- Nghiên cứu giáo trình

## Chương 2: Những vấn đề chung về Nhà nước

- 2.1 Nguồn gốc Nhà nước
- 2.2 Khái niệm và bản chất của Nhà nước
- 2.3 Đặc điểm của Nhà nước
- 2.4 Chức năng của Nhà nước
- 2.5 Hình thức Nhà nước – Chế độ chính trị
- 2.6 Các kiểu Nhà nước trong lịch sử
- 2.7 Bộ máy Nhà nước

# Mối quan hệ hữu cơ giữa nhà nước và pháp luật

- *Quan hệ qua lại*: NN chỉ thực hiện quản lý xã hội theo đường lối của mình bằng hệ thống pháp luật. Pháp luật chỉ có ý nghĩa thực sự khi được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế, tổ chức.....
- *Quan hệ ràng buộc*: Mặc dù pháp luật do Nhà nước đề ra nhưng khi được ban hành, pháp luật tác động trở lại đối với Nhà nước

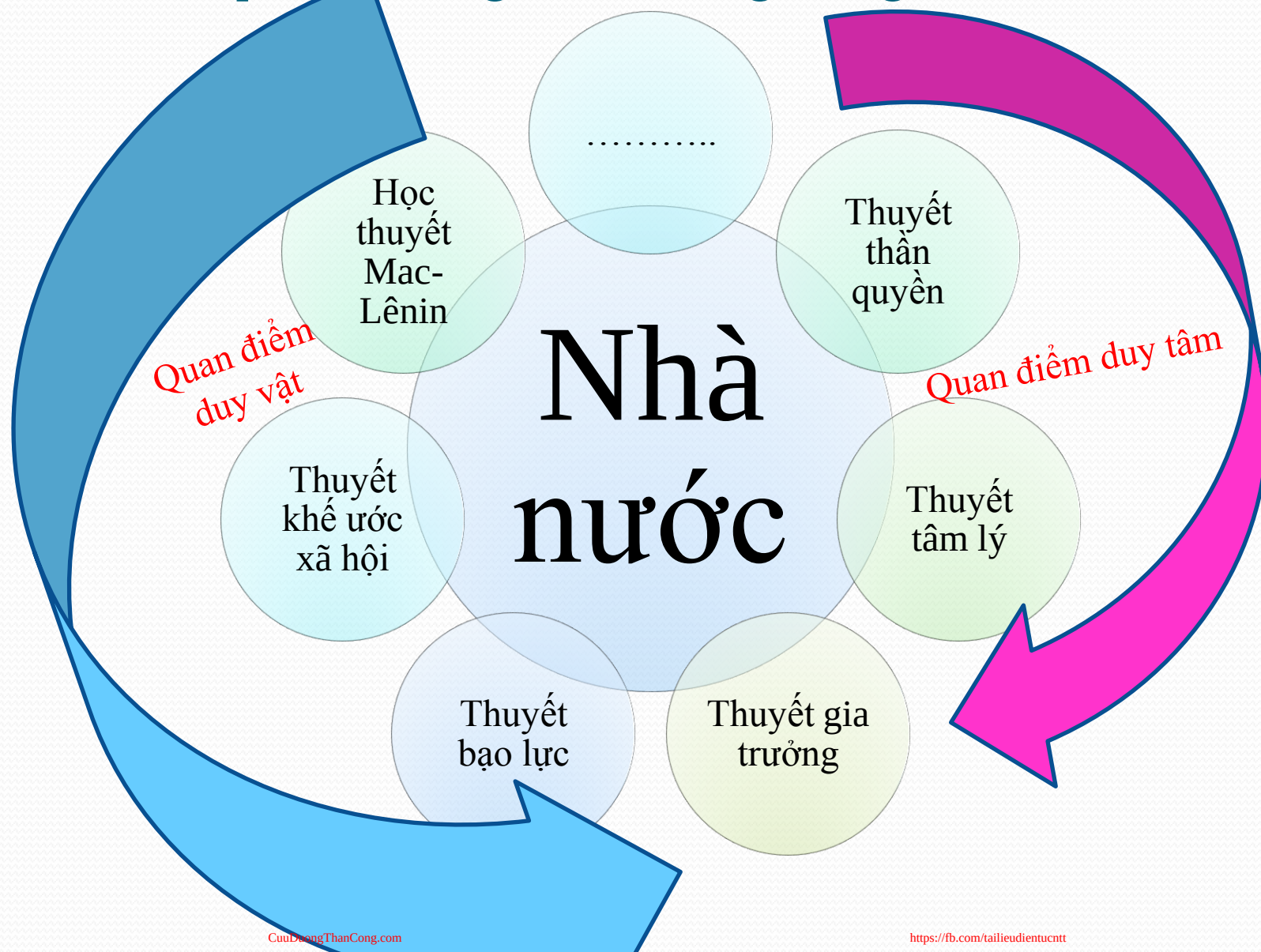




# 2.1. NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Viện KT & QL

## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước



## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

- Thuyết thần quyền

THIÊN TỬ



Thượng đế là người sắp đặt trật tự xã hội

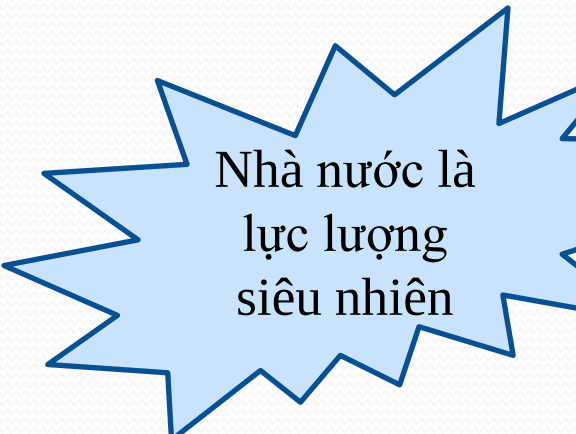
Nhà nước là do thượng đế sáng tạo ra để bảo vệ trật tự chung

Quyền lực nhà nước là vĩnh cửu

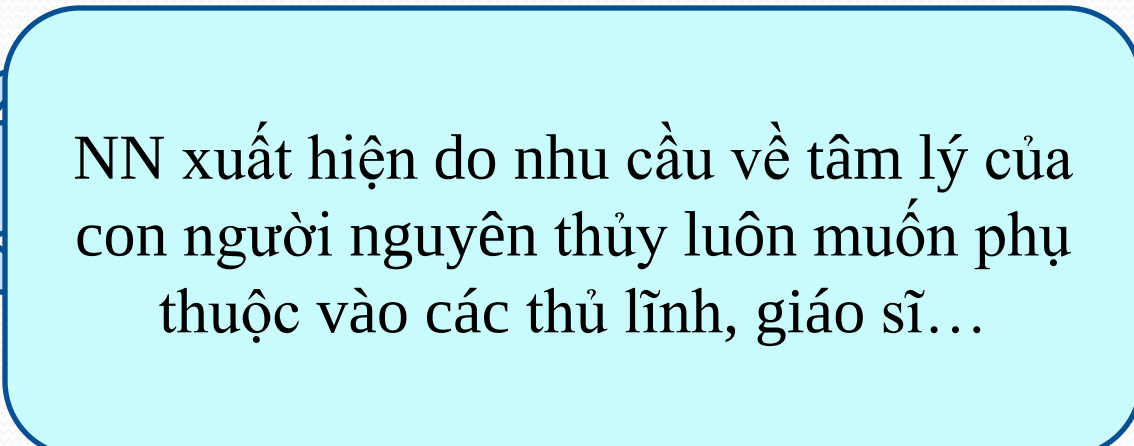
“Vua được tạo ra từ những phần của các vị thánh siêu đẳng.... Người là vị thánh tối cao mang hình người”  
(Bộ luật Manou của Ấn Độ)

## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

- Thuyết tâm lý

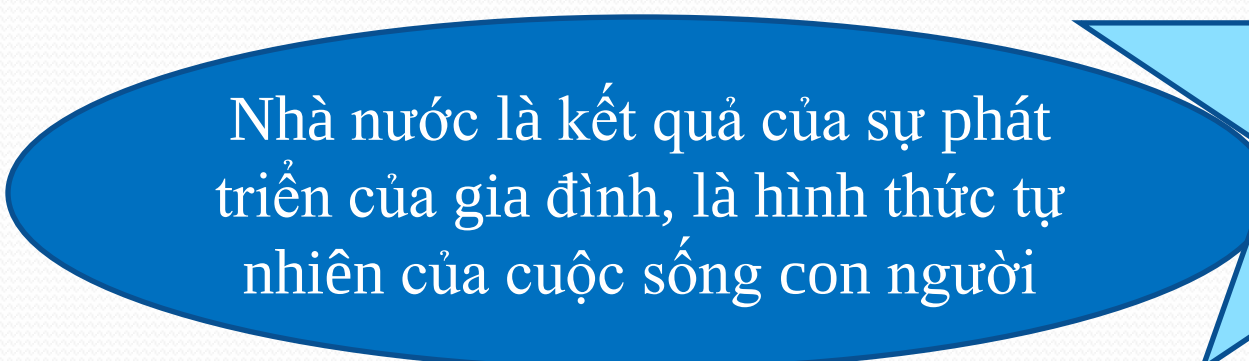


Nhà nước là  
lực lượng  
siêu nhiên

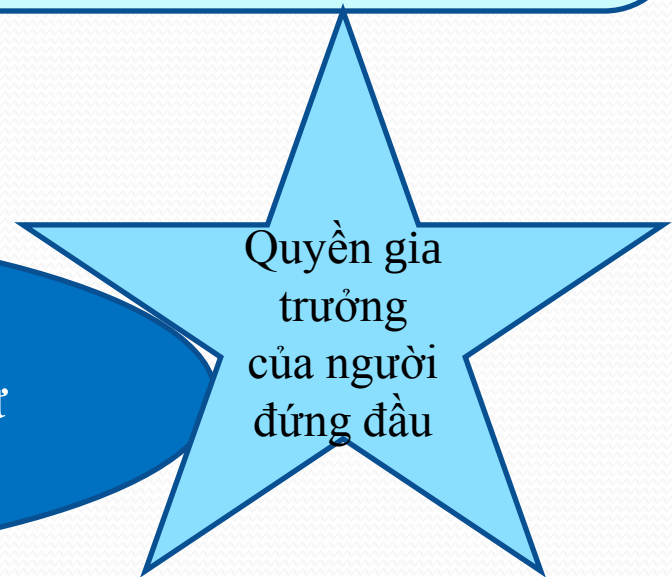


NN xuất hiện do nhu cầu về tâm lý của  
con người nguyên thủy luôn muốn phụ  
thuộc vào các thủ lĩnh, giáo sĩ...

- Thuyết gia trưởng



Nhà nước là kết quả của sự phát  
triển của gia đình, là hình thức tự  
nhiên của cuộc sống con người



Quyền gia  
trưởng  
của người  
đứng đầu

## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

- Thuyết bạo lực

Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ việc sử dụng bạo lực

Nô dịch

Hệ thống cơ quan đặc biệt  
= Nhà nước

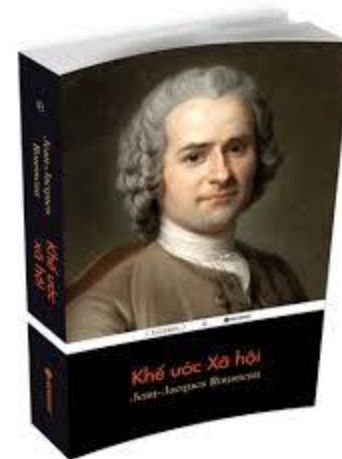
Thị tộc chiến thắng

Thị tộc thất bại



## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

- **Thuyết khế ước xã hội:** NN là sản phẩm của một khế ước được ký kết giữa những người sống trong trạng thái tự nhiên không có nhà nước, dựa trên cơ sở mỗi người tự nguyện nhượng một phần trong số các quyền tự nhiên vốn có của mình giao cho một tổ chức đặc biệt là nhà nước nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng.



Người dân

Tự do, tiền bạc, vật chất,.....

Nhà nước

Bảo vệ kẻ yếu,, kiểm soát kẻ mạnh

Làm cho người có quyền được hưởng, người có nghĩa vụ phải thực thi





## 2.1.1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

- **Học thuyết Mac- Lê Nin:** Nhà nước chỉ xuất hiện khi đời sống xã hội phát triển đến trình độ nhất định, sản phẩm xã hội dư thừa làm nảy sinh chế độ tư hữu và phân hóa xã hội thành giai cấp, khiến cho mâu thuẫn giữa các giai cấp trở nên đối kháng và **nhà nước là sản phẩm ra đời khi những đối kháng giai cấp không thể điều hòa được**

Tiền đề kinh tế  
(Chế độ tư hữu)

Nhà nước có quá trình xuất hiện, tồn tại, phát triển và diệt vong, không phải là một hiện tượng bất biến. Nhà nước nảy sinh từ xã hội, là sản phẩm có điều kiện của xã hội loài người.

Tiền đề xã hội (Phân hóa giai cấp  
→ mâu thuẫn, đối kháng)

Nguyên nhân sâu xa

Nguyên nhân trực tiếp

Nhà nước



3 lần đại phân công lao động xã hội,



1. Ngành chăn nuôi tách ra khỏi trồng trọt



2. Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp



3. Thương mại phát triển, xuất hiện giai cấp không tgia sản xuất nhưng có quyền lãnh đạo và bắt người sản xuất phải phụ thuộc vào mình

Cộng sản nguyên thủy:

- sở hữu chung về tư liệu sản xuất;
- xã hội phân chia thành thị tộc, bộ lạc

**Nhà nước**



## 2.1.3 Các hình thức xuất hiện nhà nước trong lịch sử

- **Nhà nước A Ten**

- Ra đời trực tiếp từ mâu thuẫn giai cấp ngay trong lòng xã hội thị tộc



- **Nhà nước Rôma (La Mã cổ đại)**

- Xuất hiện từ sự đấu tranh của thường dân chống lại giới quý tộc của thị tộc La Mã



- **Nhà nước Giec Mạnh**

- Thành lập sau khi người Giec Mạnh xâm chiếm vùng lãnh thổ rộng lớn của đế chế La Mã cổ đại



- **Nhà nước Phương Đông cổ đại**

- Thiết lập từ 2 nhu cầu chính là trị thủy và chống ngoại xâm.





## 2.2 Khái niệm và bản chất của nhà nước

### 2.2.1 Khái niệm

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.



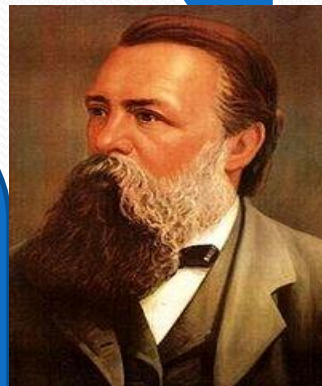
## 2.2.2 Bản chất của Nhà nước



1. Bộ máy duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác

Nhà nước

2. Tổ chức quyền lực công



*“Nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy trấn áp của một giai cấp này đối với giai cấp khác, điều đó trong chế độ cộng hòa dân chủ cũng hoàn toàn giống như trong chế độ quân chủ vậy”*  
– Ph.Ăng-ghe-n.

*“Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác, và theo đúng nghĩa của nó, là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với một giai cấp khác”*  
– V.I. Lê Nin

*“Ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó”*  
– Ph. Ăng ghen

## 2.2.2 Bản chất của Nhà nước

### Tính giai cấp

- Nhà nước chỉ ra đời và tồn tại trong xã hội có giai cấp
- Nhà nước do giai cấp thống trị tổ chức nên
- Nhà nước sinh ra để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị
- Chỉ thông qua nhà nước, giai cấp thống trị mới:
  - + Có thể duy trì quan hệ bóc lột về kinh tế
  - + Tổ chức và thực hiện được quyền lực chính trị của mình
  - + Xây dựng được hệ tư tưởng của mình trở thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.

# Bản chất giai cấp của Nhà nước



Đàn áp là một trong những biểu hiện quan trọng của bản chất giai cấp



Nhà tù – công cụ trấn áp của Nhà nước



## 2.2.2 Bản chất của nhà nước

### Tính xã hội

- Ban hành pháp luật và có các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật.
- Ban hành các chính sách kinh tế vĩ mô, điều tiết, điều phối các chính sách kinh tế xã hội, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường.
- Đầu tư, cung cấp hàng hoá dịch vụ xã hội cơ bản (cấp phép, kiểm dịch, kiểm định, giám sát, kiểm tra các lĩnh vực.v.v...)
- Giữ vai trò là người bảo vệ những nhóm người yếu thế và dễ bị tổn thương trong xã hội (người già, trẻ em, người tàn tật.v.v...)
- Hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, giao thông; phòng chống thiên tai, bão lụt.v.v...





## 2.3. Đặc điểm của Nhà nước

1

- Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt, không còn hòa nhập hoàn toàn với dân cư.

2

- Nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ, tổ chức thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia

3

- Nhà nước là tổ chức quyền lực mang chủ quyền quốc gia

4

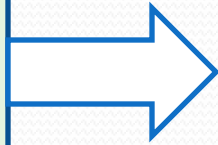
- Nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật bằng tất cả sức mạnh của mình, đặc biệt là sức mạnh cưỡng chế

5

- Nhà nước quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc

## 2.3.1. THIẾT LẬP QUYỀN LỰC CÔNG CỘNG ĐẶC BIỆT

**Quyền lực xã hội  
(Công sản nguyên thủy)**



**Quyền lực nhà nước – Quyền lực công cộng đặc biệt**

Tách khỏi xã hội

Mang tính giai cấp sâu sắc

Độc quyền sử dụng sức mạnh bạo lực thông qua lực lượng vũ trang

Lớp người đặc biệt chuyên làm nhiệm vụ quản lý



### Quyền lực xã hội

### Quyền lực công cộng đặc biệt

Gắn liền với dân cư

Tách khỏi xã hội, ko hòa nhập hoàn toàn với dân cư

Xuất phát từ xã hội

Xuất phát từ giai cấp thống trị

Phục vụ cho toàn bộ xã hội

Phục vụ cho quyền lợi của giai cấp thống trị

Chủ thể là toàn bộ dân cư

Chủ thể là giai cấp thống trị

Không cần bộ máy cưỡng chế

Được đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế

## 2.3.2. Phân chia và quản lý dân cư theo lãnh thổ

- Lãnh thổ và dân cư là các yếu tố cấu thành quốc gia
- Nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ thành các **đơn vị hành chính**
- Không phụ thuộc vào chính kiến, huyết thống, nghề nghiệp, giới tính,... mà theo địa bàn cư trú
- Khác biệt hoàn toàn với các tổ chức khác trong xã hội
- Mối quan hệ giữa người dân và nhà nước: chế định **quốc tịch**



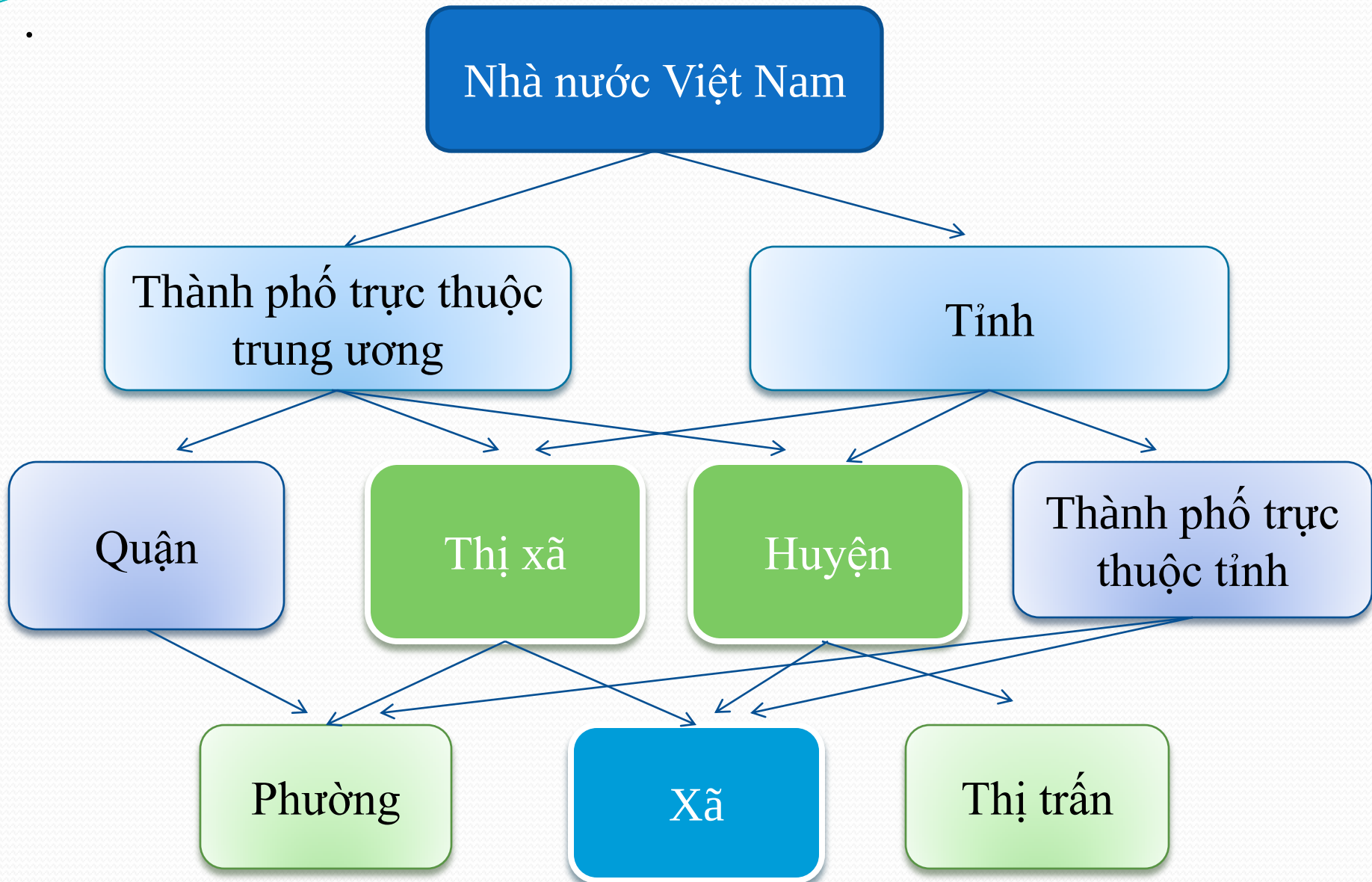
# Lãnh thổ Việt Nam<sup>2</sup>

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Viện KT & QL

- Việt Nam: 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc trung ương.
- Lưu ý: Vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính.



# Sơ đồ bộ máy hành chính





## 2.3.3. LÀ TỔ CHỨC MANG CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

-Duy nhất!

-Không thể chia cắt.

Quyền tối cao  
về đối nội

Tính độc lập  
về đối ngoại

Khả năng  
và mức  
độ thực  
hiện  
quyền lực  
của nhà  
nước trên  
cư dân và  
lãnh thổ.

# Chủ quyền quốc gia

## Tính tối cao

- Quyền lực nhà nước có hiệu lực trên toàn lãnh thổ đất nước, đối với toàn bộ dân cư
- Các công cụ tác động của quyền lực nhà nước ko một tổ chức quyền lực xã hội nào có được

## Tính độc lập

- Quyền tự quyết của nhà nước trong việc đề ra các chính sách
- Không phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài

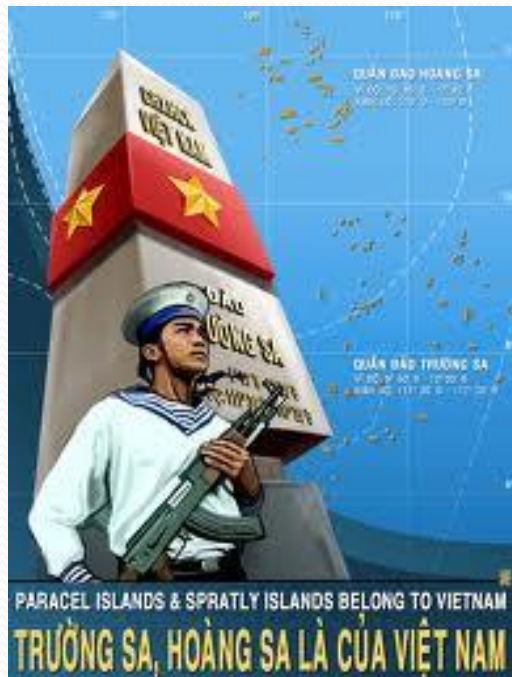
## Biên giới

- Trên bộ
- Trên không
- Trên biển

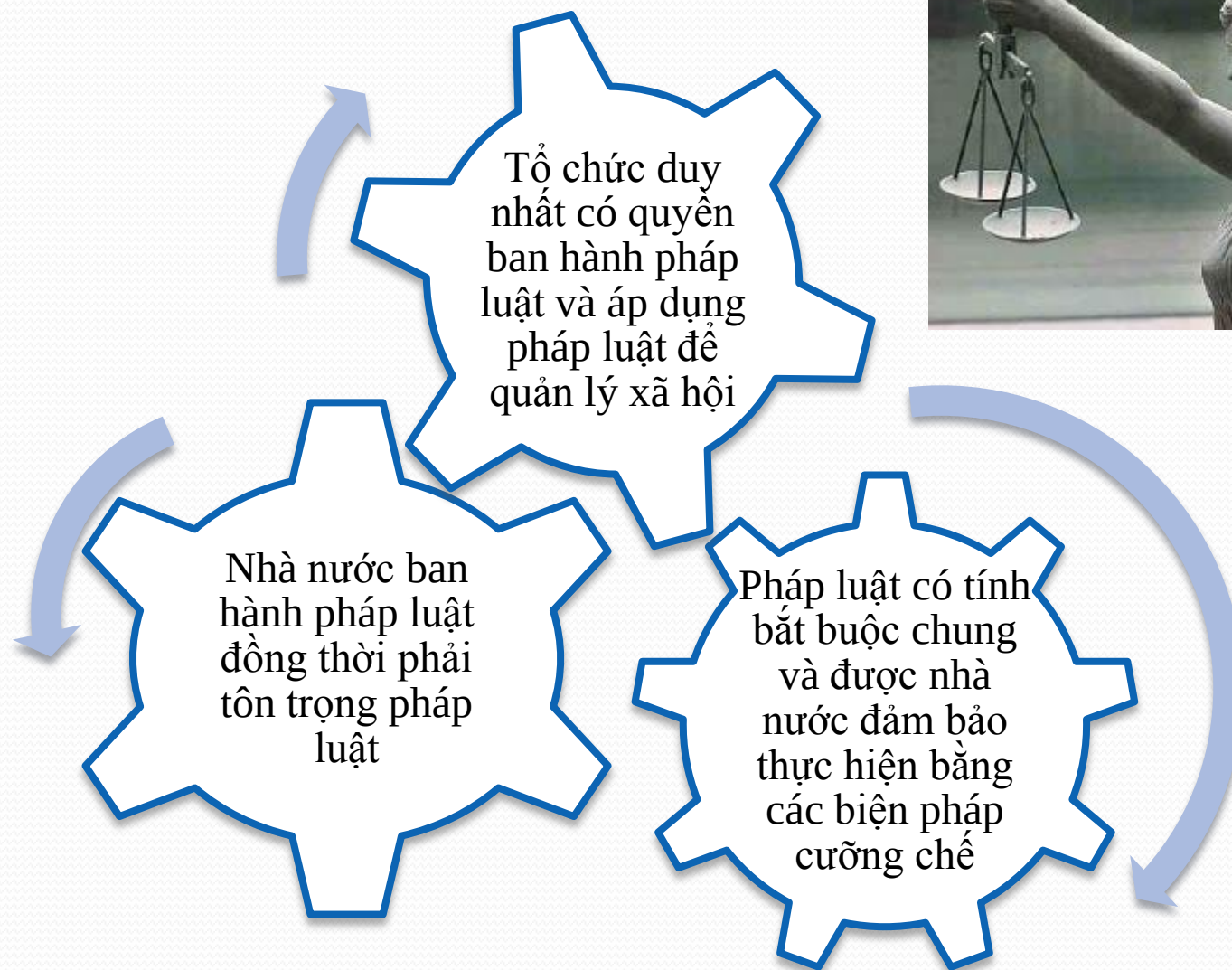


# Chủ quyền quốc gia

- Vấn đề biển Đông
- Các quốc gia đặc biệt như Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), Crum...



## 2.3.4 BAN HÀNH PHÁP LUẬT VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN





## 2.3.5. QUY ĐỊNH VÀ THU CÁC LOẠI THUẾ



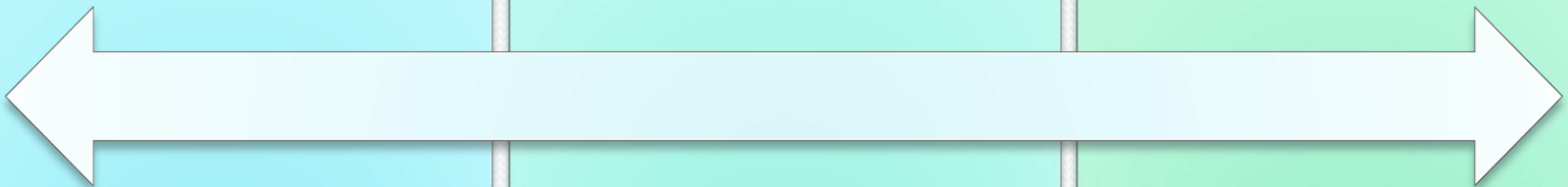
Thuế là nguồn thu chủ yếu của nhà nước



Mục đích: nuôi dưỡng bộ máy nhà nước



Chỉ có nhà nước mới có độc quyền quy định các loại thuế và thu thuế





## 2.4 Chức năng của nhà nước

- *Chức năng của nhà nước là phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra cho nhà nước.*
- *Chức năng đối nội là những mặt hoạt động chủ yếu trong nội bộ đất nước như: Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trấn áp những phần tử chống đối, quản lý các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội...*
- *Chức năng đối ngoại thể hiện những mặt hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước trên thế giới và các dân tộc khác như: Phòng thủ đất nước, thiết lập mối bang giao với các quốc gia khác.*

# Hình thức thực hiện chức năng

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Chính phủ → Ủy ban → Quốc Hội

Thực hiện pháp luật

- Nhân dân: sử dụng, tuân thủ, thi hành pháp luật
- Các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền: tổ chức và giám sát thực hiện

Bảo vệ pháp luật

- Tòa án: Xét xử

# Chức năng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Chức năng kinh tế
- Chức năng xã hội
- Chức năng đối ngoại

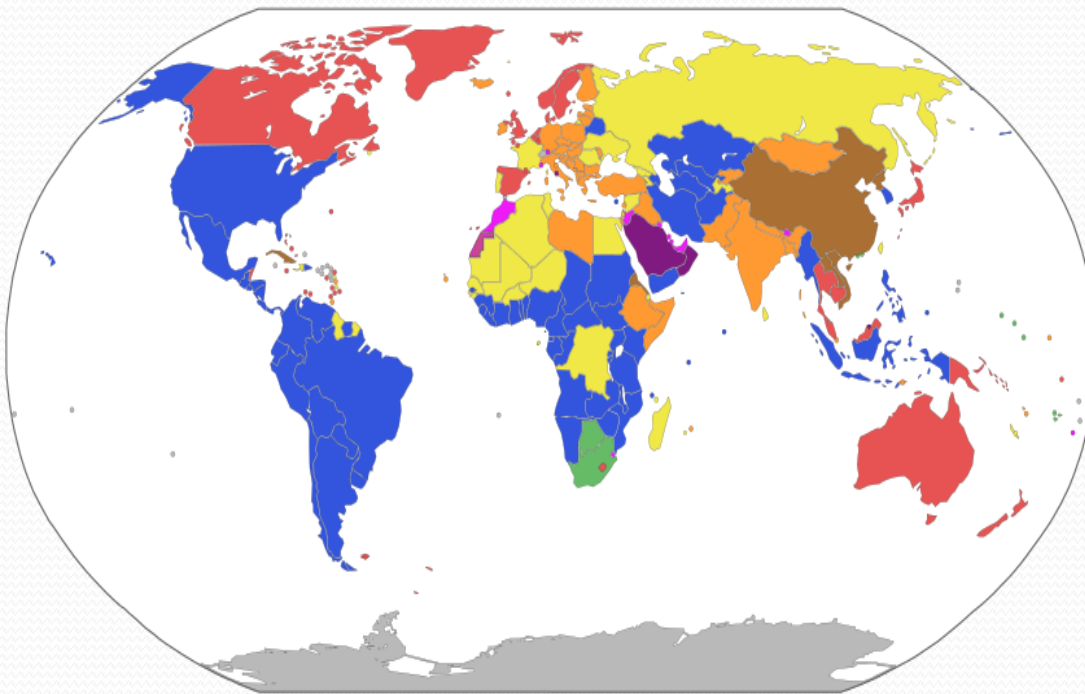
## 2.5 Hình thức Nhà nước

- Hình thức nhà nước là:
  - Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước
  - Phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước
- Hình thức nhà nước bao gồm hai yếu tố chủ yếu: hình thức chính thể và hình thức cấu trúc.
- Ngoài ra, chế độ chính trị cũng là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hình thức nhà nước.



## 2.5.1 Hình thức chính thể

- Phản ánh cách thức thành lập và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước cũng như thái độ của các cơ quan ấy đối với nhân dân.
1. Chính thể quân chủ: người đứng đầu được lập nên qua hình thức thừa kế
  2. Chính thể cộng hòa: cơ quan quyền lực cao nhất được lập nên thông qua bầu cử



Các hình thức chính thể tính đến tháng 5/2010

-  Cộng hòa tổng thống đầy đủ.
-  Cộng hòa tổng thống tồn tại chức vị tổng thống và thủ tướng.
-  Nửa cộng hòa tổng thống
-  Cộng hòa nghị viện
-  Quân chủ lập hiến nghị viện: vua không trực tiếp điều hành đất nước.
-  Quân chủ lập hiến nghị viện: vua trực tiếp điều hành đất nước.
-  Quân chủ tuyệt đối
-  Chính thể độc đảng
-  Những nước có cơ quan lập hiến tạm thời ngừng hoạt động.



# Chính thể quân chủ

- Quân chủ tuyệt đối:
  - Quyền lực tập trung trong tay người đứng đầu
  - Mô hình tiêu biểu của xã hội phong kiến
  - Ví dụ: Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản thời trung đại



# Chính thể quân chủ

- Quân chủ hạn chế:
  - Quyền lực tối cao của nhà nước được trao một phần cho người đứng đầu nhà nước, còn một phần được trao cho một cơ quan cao cấp khác (như nghị viện trong nhà nước tư sản hoặc hội nghị đại diện đẳng cấp trong nhà nước phong kiến). Chính thể quân chủ hạn chế trong các nhà nước tư sản gọi là quân chủ lập hiến (quân chủ đại nghị).
  - Ví dụ: Anh, Bỉ, Đan Mạch, Canada, Tây Ban Nha, Luxemburg, Nhật Bản, New Zealand....



# Chính thể cộng hòa

- Chính thể cộng hoà có hai hình thức chủ yếu là cộng hoà quý tộc và cộng hoà dân chủ.
- **Cộng hoà quý tộc:**
  - Là hình thức chính thể trong đó cơ quan đại diện do giới quý tộc bầu ra.
  - Ví dụ: Nhà nước Aten cổ đại, Nhà nước Cộng hoà quý tộc chủ nô Spac,...



*Thành bang Aten Cổ đại*

# Chính thể cộng hòa

- *Cộng hoà dân chủ là hình thức chính thể, trong đó người đại diện là do dân bầu ra.*

Được chia làm 2 loại:

- Nhà nước tư sản : CH tổng thống, CH đại nghị, CH lưỡng tính
- Nhà nước XHCN: Công xã Paris (1789), CM tháng 10 Nga (1917), Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

# Cộng hòa tổng thống

- Nguyên thủ quốc gia (Tổng thống) do dân bầu. Thực tế quyền lực của Tổng thống giống một ông vua, nhưng không do thế tập truyền ngôi mà do bầu cử.
- Tổng thống vừa là người đứng đầu nhà nước, đại diện cho đất nước về mặt đối nội đối ngoại, đồng thời cũng là người đứng đầu chính phủ. Tổng thống sẽ bổ nhiệm các thành viên của chính phủ
- Áp dụng triệt để học thuyết Tam quyền phân lập.
- Ví dụ: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Uruguay, Brazil, Afghanistan, Colombia, Indonesia, Iran, Chile, Paraguay, Venezuela, Mexico, Nigeria, Philippines... Mỹ là điển hình cho loại hình chính thể này.

## Cộng hòa tổng thống:

Cơ quan lập pháp và hành pháp do dân bầu, độc lập và không chịu trách nhiệm lẫn nhau

**Nghị viện**



**Nhân dân**

**Nguyên thủ quốc gia**



**Nhân dân**



**Chính phủ**



# Cộng hòa đại nghị

- Nguyên thủ quốc gia (tổng thống) do nghị viện bầu. Nguyên thủ quốc gia được Hiến pháp quy định rất nhiều quyền hạn nhưng thực tế không trực tiếp tham gia vào các công việc của nhà nước.
- Chính phủ được thành lập từ đảng chiếm đa số ghế trong nghị viện và chịu trách nhiệm trước nghị viện. Nghị viện có quyền bất tín nhiệm chính phủ (thành lập chính phủ mới) và ngược lại chính phủ có quyền đề nghị nguyên thủ quốc gia giải tán nghị viện.
- Ví dụ: Đức, Áo, Séc, Italia, Singapore, Nam Phi...

## Cộng hòa đại nghị:

Chính phủ chịu trách nhiệm trước nghị viện

**Nghị viện**

**Thủ tướng**

**Nhân dân**

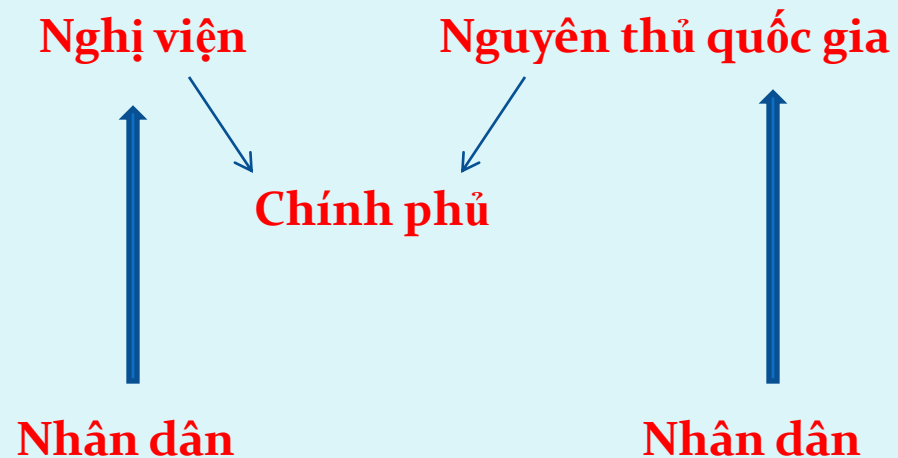
**Chính phủ**

# Cộng hòa lưỡng tính

- Cộng hoà “lưỡng tính” nghĩa là vừa mang tính chất cộng hoà đại nghị, vừa mang tính chất cộng hoà tổng thống.
- Nguyên thủ quốc gia do dân bầu.
- Nghị viện có quyền bất tín nhiệm chính phủ và chính phủ cũng có quyền đề nghị nguyên thủ quốc gia giải tán nghị viện.
- Ví dụ: Pháp, Nga...

## Cộng hòa lưỡng tính:

Chính phủ vừa chịu trách nhiệm trước Nghị viện vừa chịu trách nhiệm trước nguyên thủ quốc gia



## 2.5.2 Hình thức cấu trúc nhà nước

- Là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với các cơ quan nhà nước ở địa phương.
- Có 2 loại:
  - Nhà nước đơn nhất
  - Nhà nước liên bang

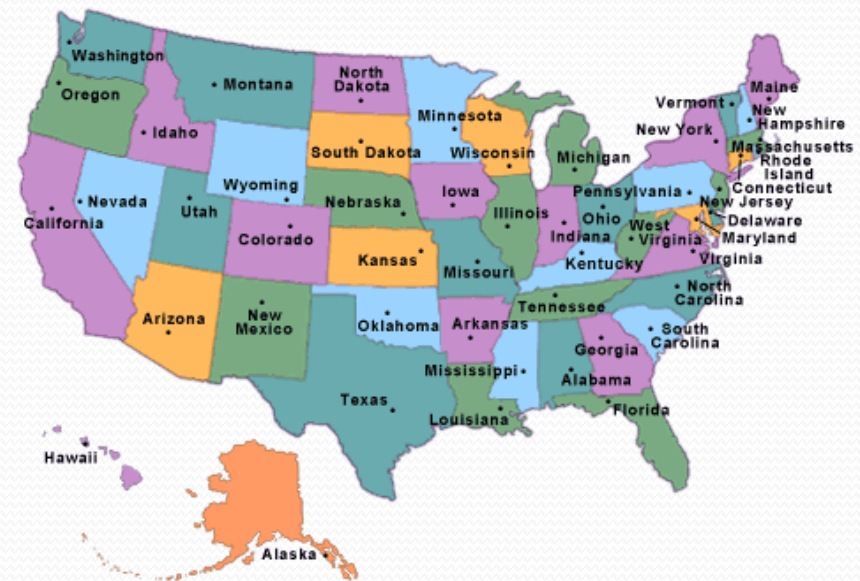
# Nhà nước đơn nhất

1. Có chủ quyền chung
  2. Có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất
  3. Các bộ phận hợp thành nhà nước không có chủ quyền riêng
  4. Có 1 hệ thống cơ quan thống nhất từ trung ương đến địa phương
  5. Có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia
  6. Công dân thường có 1 quốc tịch
- Ví dụ: Việt Nam, Trung Quốc, Pháp, Anh ...



# Nhà nước liên bang

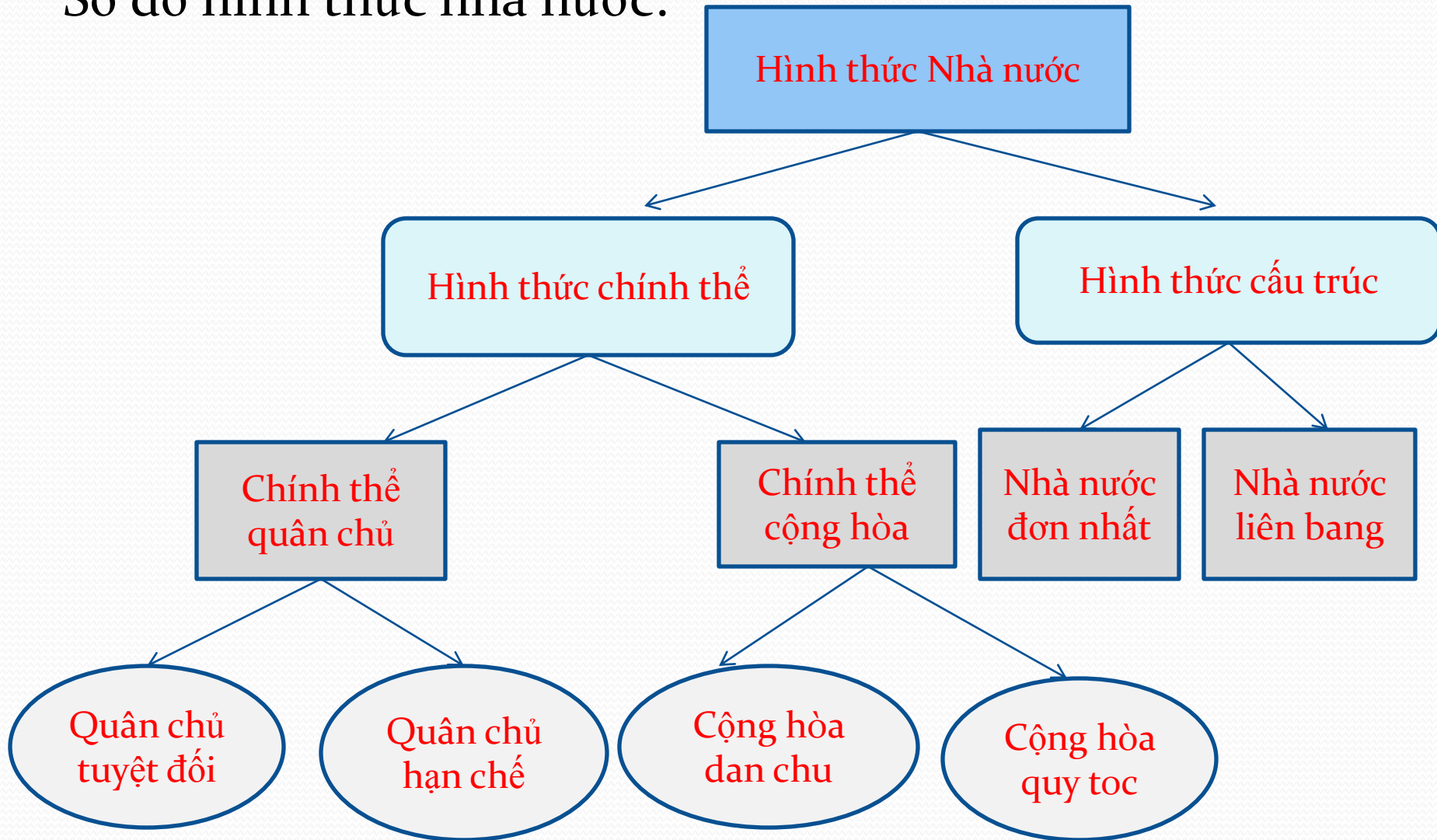
1. Được thiết lập từ hai hay nhiều nhà nước thành viên
2. Có chủ quyền chung nhưng mỗi nước thành viên đều có chủ quyền riêng
3. Có 2 hệ thống các cơ quan nhà nước ( liên bang, nước thành viên)
4. Có 2 hệ thống pháp luật
5. Công dân mang hai quốc tịch
  - Ví dụ: hiện có khoảng 28 nhà nước liên bang như Mỹ, Đức, Áo, Ấn Độ, Mexico, Brazil,..
  - Nhà nước liên bang cũng có thể tan rã thành các quốc gia độc lập như Nam Tư (1945-1992), Tiệp Khắc (1969-1992) và Liên Xô cũ (1922-1991).





# Hình thức nhà nước

Sơ đồ hình thức nhà nước:



## 2.5.3 Chế độ chính trị

- *Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, cách thức, phương tiện mà cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.*
- Chế độ chính trị của các nhà nước trong lịch sử rất đa dạng nhưng tựu trung lại thì có hai loại chính:
- Chế độ phản dân chủ (chế độ chuyên chế của chủ nô và phong kiến, chế độ phát xít)
- Chế độ dân chủ (chế độ dân chủ quý tộc, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa).

# Phương pháp dân chủ

- Là những cách thực hiện quyền lực NN, trong đó đảm bảo được địa vị làm chủ của nhân dân đối với quyền lực của NN, thể hiện qua các quyền của nhân dân trong việc hình thành bộ máy của nhà nước, tham gia vào các hoạt động của NN, kiểm tra, giám sát hoạt động của Bộ máy NN...
- Tương ứng là chế độ dân chủ: Chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ Phong kiến, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ XHCN.



# Phương pháp phản dân chủ

- Là những cách thức thực hiện quyền lực NN trong đó KHÔNG đảm bảo được quyền tự do của công dân, nguyên tắc NN thuộc về nhân dân.
- Tương ứng là chế độ phản dân chủ (chế độ độc tài chuyên chế chủ nô; chế độ độc tài chuyên chế phong kiến.....)



- Hình thức chính thể:
- HP 1946: VNDCCH (pt điểm giống với Cộng hòa Đại nghị và CH Tổng thống trước khi đi đến kết luận chính thể HP 1946 là gần giống với CH làng tính)
- HP 1959: VNDCCH (Chế định nguyên thủ quốc gia đã thay đổi ntn? Vai trò lãnh đạo của ĐCSVN lúc này đã được ghi nhận trong lời nói đầu của HP)
- HP 1980: CHXHCN ( Nguyên thủ quốc gia tập thể = Hội đồng nhà nước, Vai trò lãnh đạo của Đảng được “luật hóa”)
- HP 1992: CHXHCN (Vai trò lãnh đạo của Đảng tiếp tục được khẳng định tại điều 4 HP, thừa nhận sự tồn tại của hình thức sở hữu tư nhân, HĐNN tách ra thành UBTVQH và Chủ tịch nước, HĐBT được đổi thành Chính phủ, vai trò, trách nhiệm cá nhân được xác định cụ thể rõ ràng, ghi nhận 5 đặc trưng của chính thể Hp 1992)
- HP 2013: giữ nguyên
- Hình thức cấu trúc: Nhà nước CHXHCNVN là nhà nước đơn nhất



## 2.6 Kiểu nhà nước

- *Kiểu nhà nước là tổng thể các dấu hiệu cơ bản đặc thù của NN, thể hiện bản chất và những điều kiện tồn tại và phát triển của NN trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.*
- Lịch sử xã hội có bốn kiểu NN - kiểu NN chủ nô, phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa.



## 2.7 BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

- Bộ máy nhà nước đối với từng kiểu Nhà nước
- Bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

## Chương 3: Nhà nước CHXHCN Việt Nam

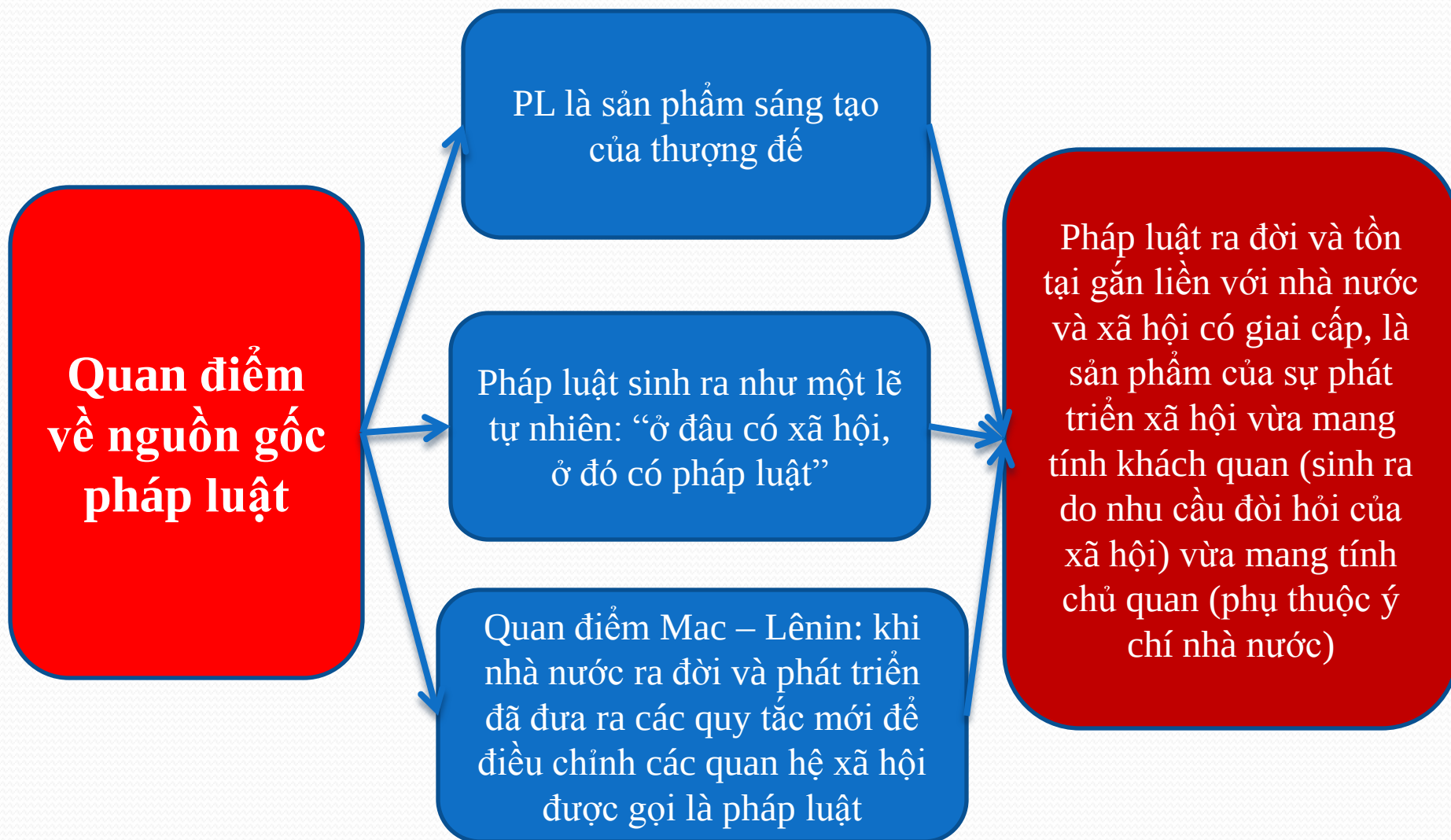
- Đọc giáo trình
- Liên hệ tương ứng từng vấn đề Nhà nước

# Chương 4: Những vấn đề chung về Pháp luật

- 4.1 Nguồn gốc của pháp luật
- 4.2 Khái niệm pháp luật
- 4.3 Bản chất, chức năng và các thuộc tính cơ bản của pháp luật
- 4.4 Các mối liên hệ của pháp luật
- 4.5 Các kiểu pháp luật trong lịch sử
- 4.6 Hình thức pháp luật
- 4.7 Quan hệ pháp luật
- 4.8 Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật
- 4.9 Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
- 4.10 Ý thức pháp luật và pháp chế



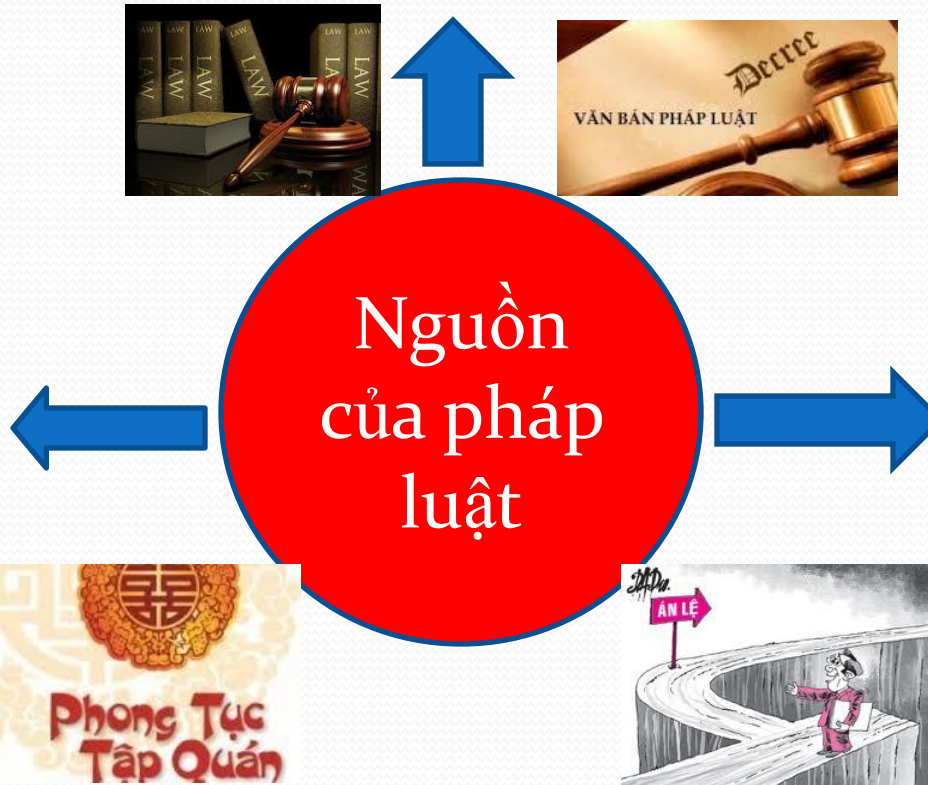
## 4.1 Nguồn gốc pháp luật





Quy tắc xử sự mới (hệ thống văn bản pháp luật): Những quyết định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được thể hiện dưới hình thức văn bản theo những trình tự, thủ tục nhất định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính bắt buộc chung và được nhà nước đảm bảo thực hiện.

Tập quán pháp: những quy tắc xử sự do con người đặt ra để điều chỉnh hành vi của con người được truyền từ đời này sang đời khác trở thành những xử sự quen thuộc được nhà nước thừa nhận là pháp luật.

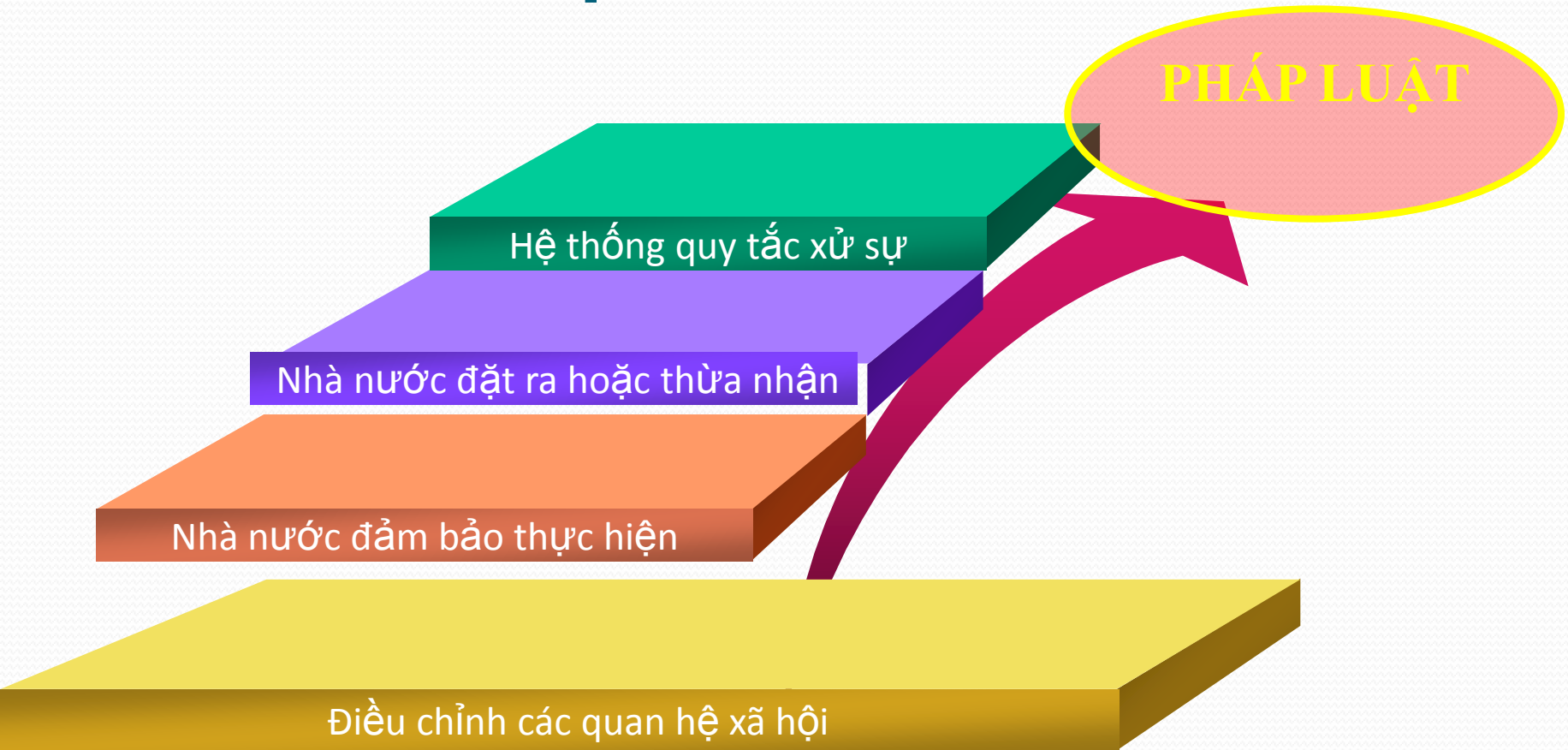


Tiền lệ pháp: Những quyết định hành chính hoặc những bản án của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trở thành khuôn mẫu để giải quyết những vụ việc tương tự.

# Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta

- Add clip “Bộ luật Hình thư”

## 4.2 Khái niệm



Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội phát triển theo ý chí của nhà nước.

## 4.3 Bản chất, thuộc tính và chức năng

### 4.3.1 Bản chất

Bản  
chất  
giai  
cấp

- Phản ánh ý chí của giai cấp thống trị
- Được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị
- Nâng ý chí của giai cấp thành ý chí nhà nước
- Cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật
- Thể hiện khác nhau trong các kiểu pháp luật khác nhau

- Công cụ ghi nhận, bảo vệ lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác
- “nhà nước hóa” những nhu cầu, đòi hỏi mang tính khách quan của các quan hệ xã hội cơ bản
- Công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội, hành vi của con người
- Quy phạm pháp luật xét đến cùng là sự ghi nhận cách xử sự hợp lý, được đa số cá nhân trong xã hội thừa nhận, phù hợp với số đông

Tính  
xã hội

Tính dân tộc, tính mở, tính nhân loại

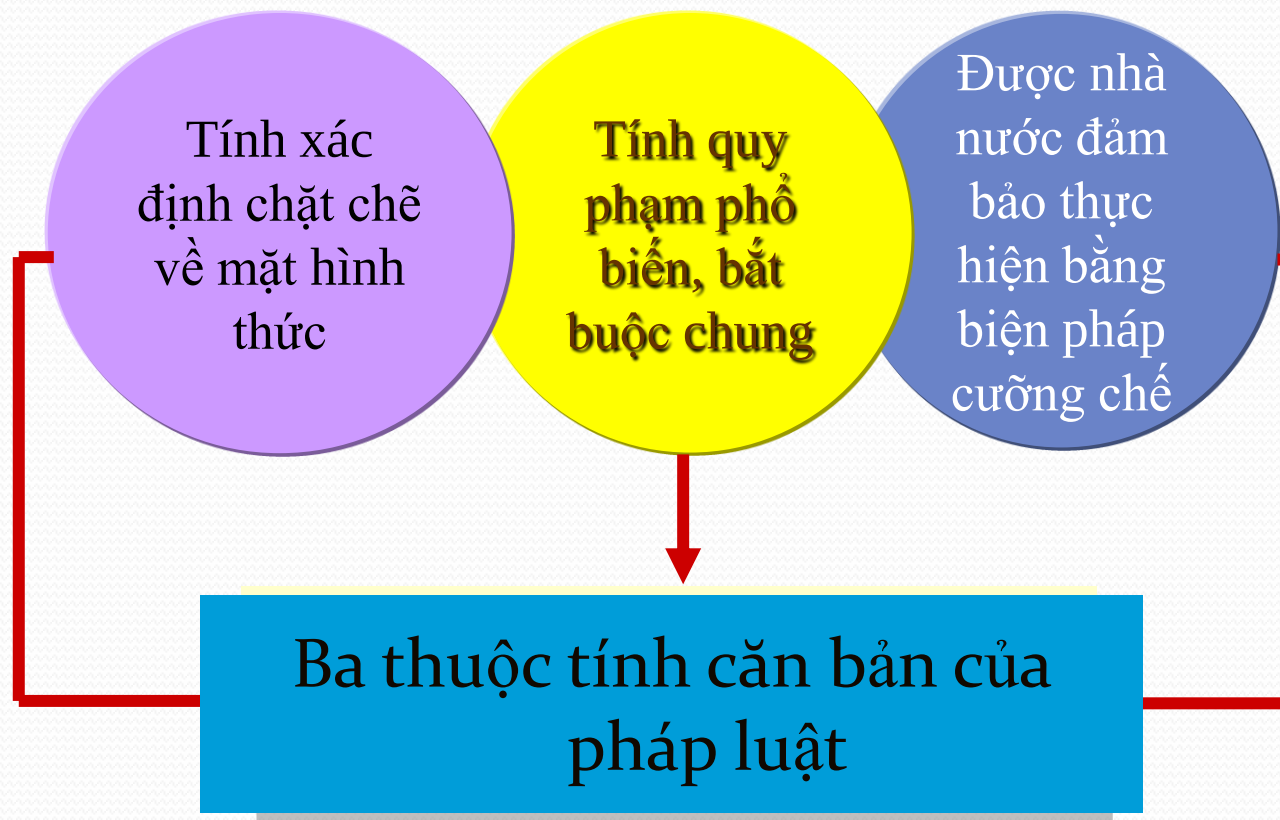
# Bản chất pháp luật XHCN

- Pháp luật XHCN là một hệ thống quy tắc xử sự có tính thống nhất nội tại cao, cao hơn bất kỳ một kiểu pháp luật nào khác, bởi nó được xây dựng trên cơ sở của quan hệ kinh tế XHCN định hướng XHCN.
- Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động
- Do nhà nước XHCN – nhà nước dân chủ, thể hiện quyền lực đông đảo của nhân dân lao động ban hành và đảm bảo thực hiện. Trong xã hội chỉ có duy nhất 1 hệ thống pháp luật. Chủ yếu sử dụng biện pháp giáo dục, thuyết phục bên cạnh biện pháp cưỡng chế.
- Có quan hệ chặt chẽ với chế độ kinh tế XHCN; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; các quy phạm xã hội khác.



## 4.3.2 Thuộc tính của pháp luật

Thuộc tính của pháp luật là những dấu hiệu đặc trưng riêng có của pháp luật để qua đó phân biệt pháp luật với các hiện tượng xã hội khác như đạo đức, tập quán, tôn giáo..., là sự biểu hiện sức mạnh, uy thế của pháp luật trong hệ thống các loại công cụ điều chỉnh xã hội.





# Ba thuộc tính của pháp luật

## 1) Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

Nội dung của pháp luật phải được thể hiện dưới những hình thức nhất định, bằng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác

Do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận

Là điều kiện để phân biệt giữa pháp luật với những quy định ko phải là pháp luật

## 2) Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung

Quy phạm là tế bào của pháp luật, chứa đựng những thuộc tính, khuôn mẫu, mô hình xử sự chung được xã hội thừa nhận

- Quy phạm pháp luật được áp dụng nhiều lần, chỉ bị điều chỉnh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ sửa đổi, bổ sung

- Quy phạm pháp luật không phải xuất phát từ 1 trường hợp cụ thể mà là sự khái quát hóa từ rất nhiều những trường hợp có tính phổ biến trong xã hội, làm cho quy định pháp luật có tính khái quát cao, phổ biến

- Trong cùng 1 phạm vi không gian, thời gian mà pháp luật tác động thì bất cứ cá nhân, tổ chức nào cũng đều chịu sự chi phối của pháp luật, không có ngoại lệ

### 3) Được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế

Cưỡng chế nhà nước là sử dụng sức mạnh của nhà nước để buộc các cá nhân, tổ chức trong xã hội phục tùng ý chí nhà nước.

- Cưỡng chế mang tính trừng phạt
- Cưỡng chế ko mang tính trừng phạt

Pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nên được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước, có như vậy pháp luật mới trở thành quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung và là công cụ hữu hiệu trong tay nhà nước để quản lý xã hội

### 4.3.3

**Chức năng của pháp luật** là những phương diện (mặt) tác động của pháp luật tới các quan hệ xã hội quan trọng nhất mà pháp luật điều chỉnh, thể hiện bản chất, điều kiện tồn tại thực tế và giá trị xã hội của pháp luật

#### **Chức năng điều chỉnh**

- Tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định.
- Pháp luật làm nhiệm vụ trật tự hóa các quan hệ xã hội
- Pháp luật tác động đến hành vi con người

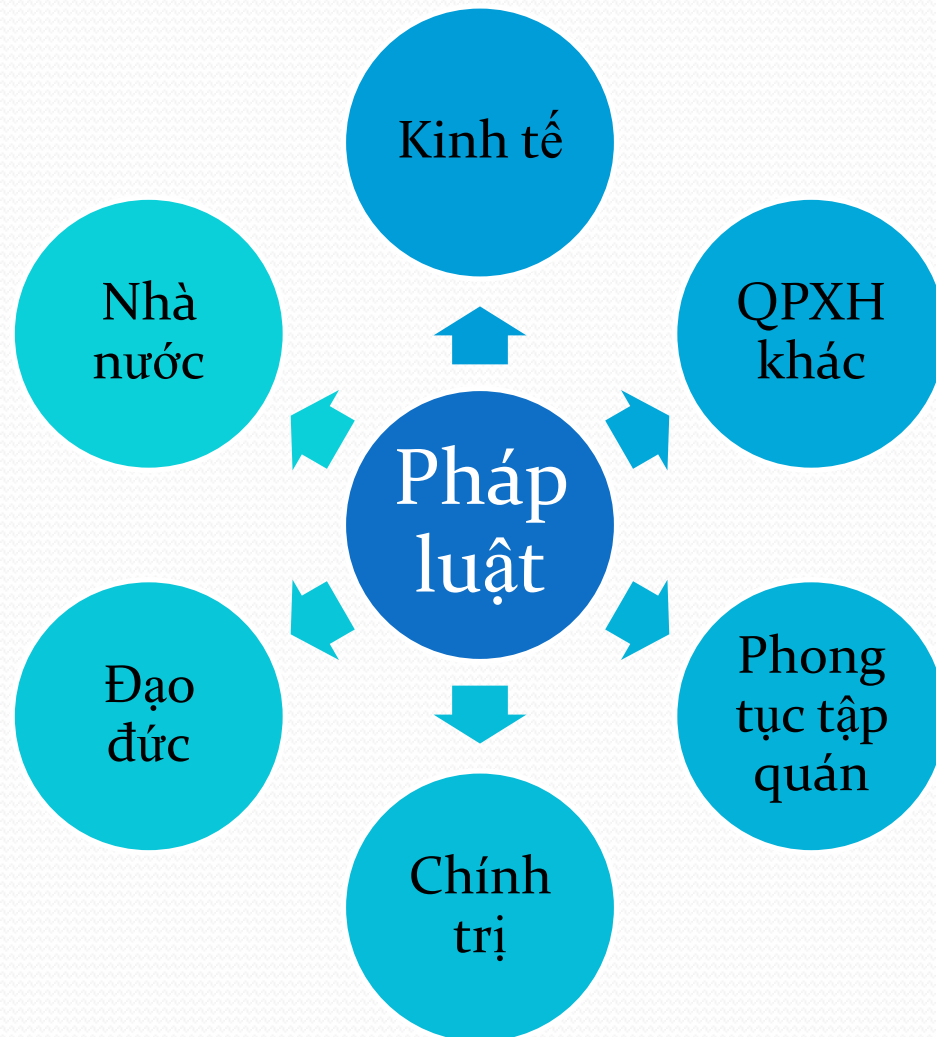
#### **Chức năng bảo vệ**

- Bảo đảm trật tự hệ thống các quan hệ xã hội
- Quy định những phương tiện nhằm mục đích bảo vệ các quan hệ xã hội

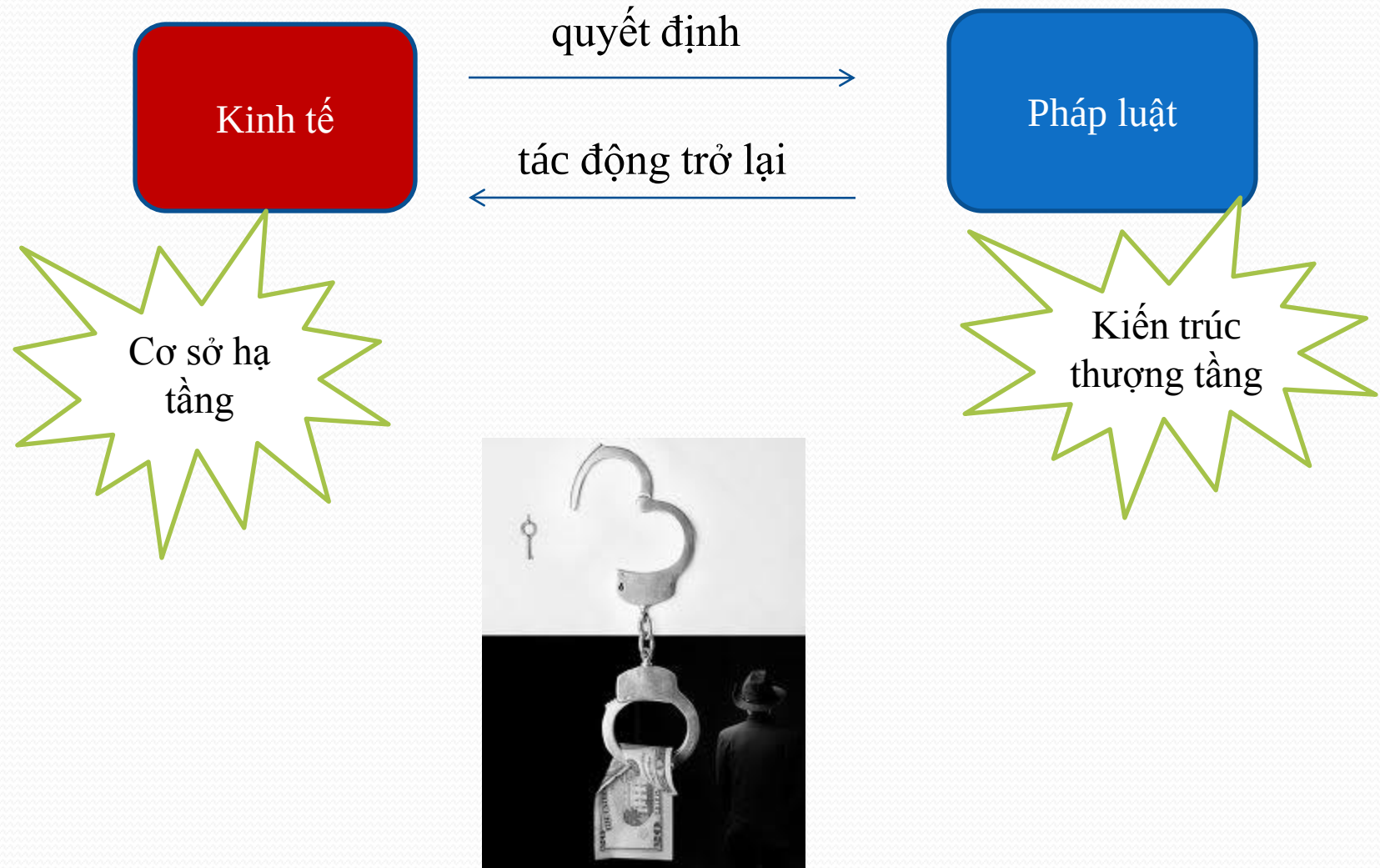
#### **Chức năng giáo dục**

- Tác động tới ý thức và tâm lý con người
- Hình thành tư duy pháp lý và nhân sinh quan pháp lý phù hợp yêu cầu pháp luật

## 4.4 Các mối liên hệ của pháp luật

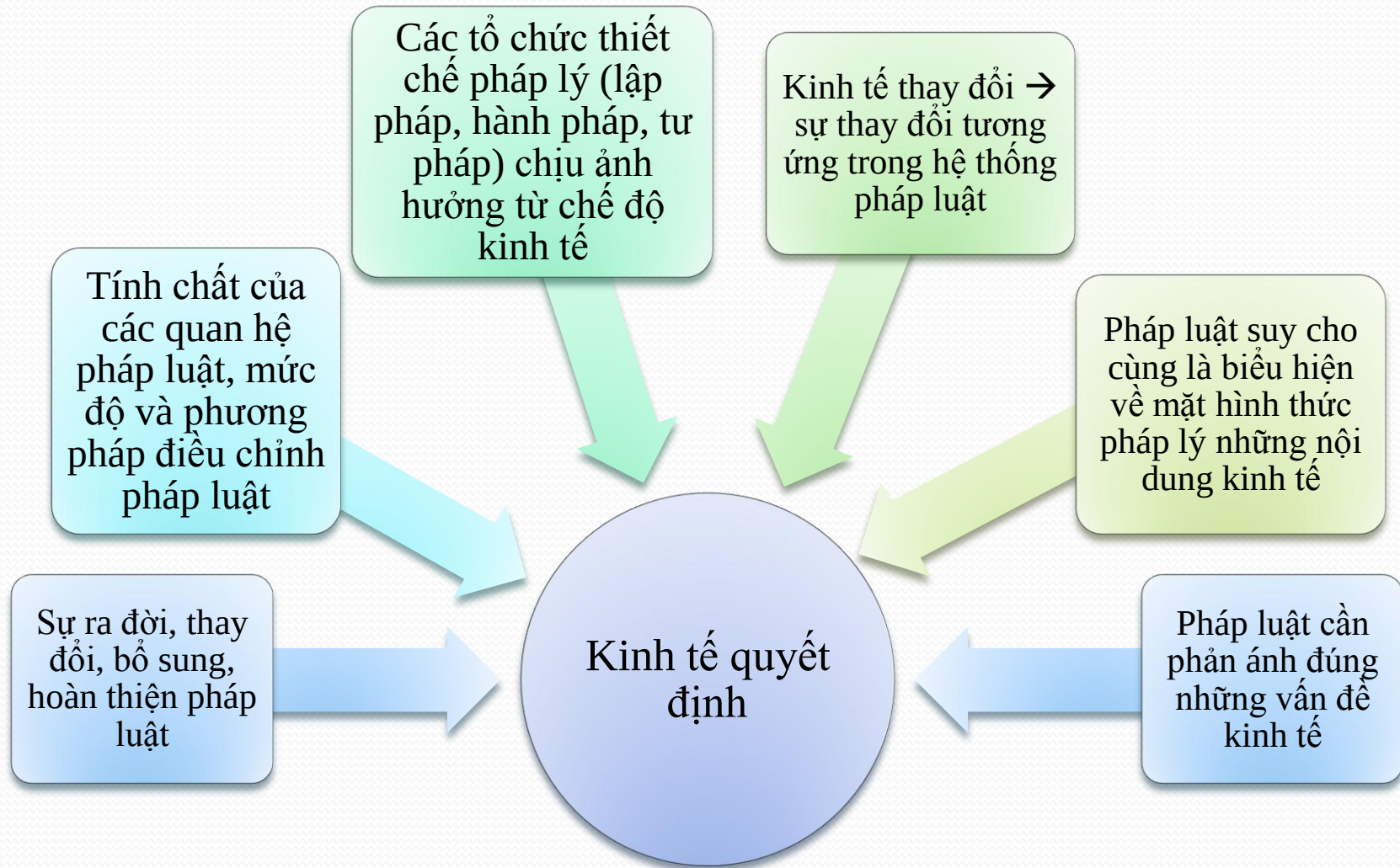


## 4.4.1 Pháp luật và Kinh tế

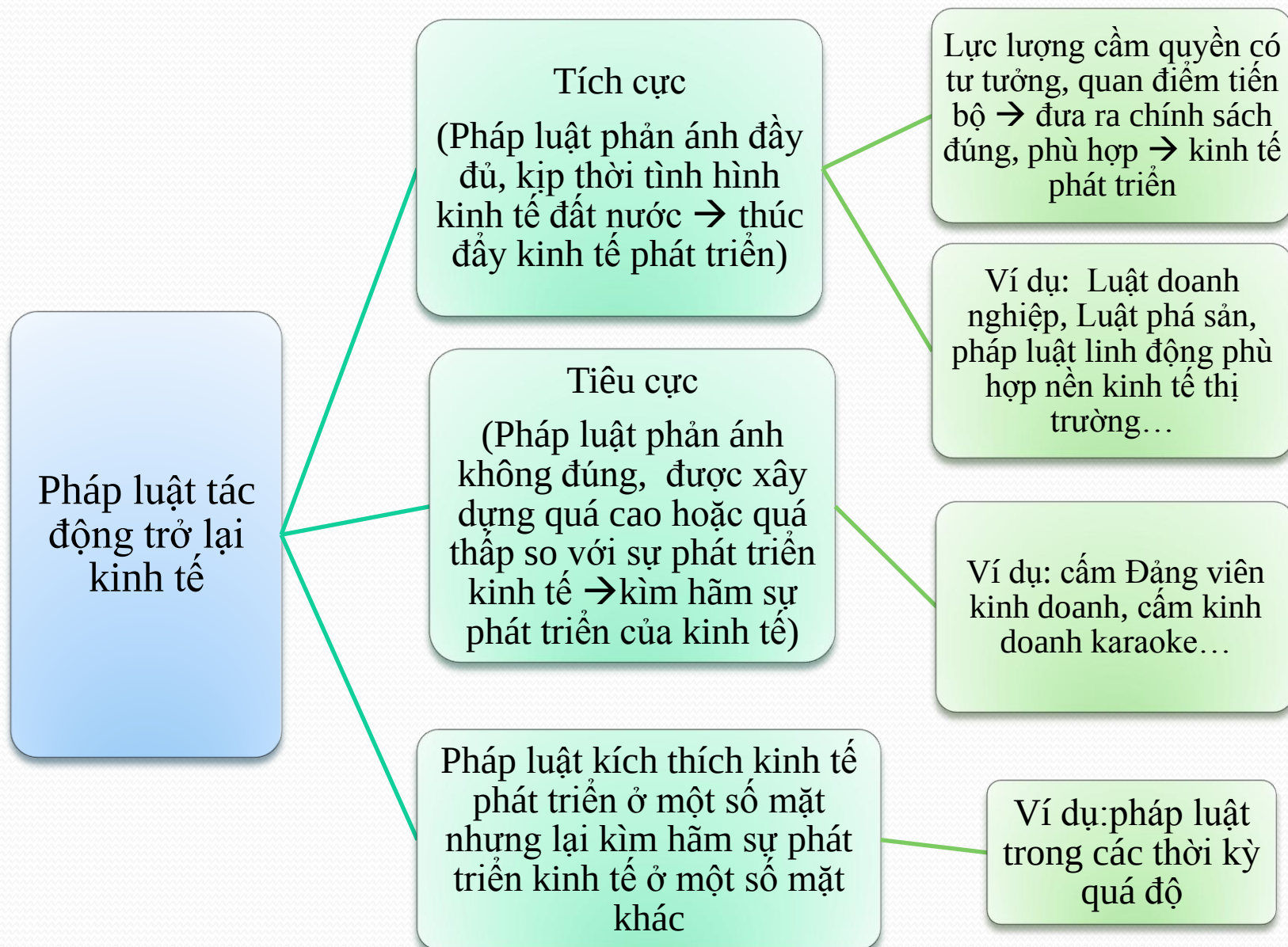




## 4.4.1 Pháp luật và kinh tế

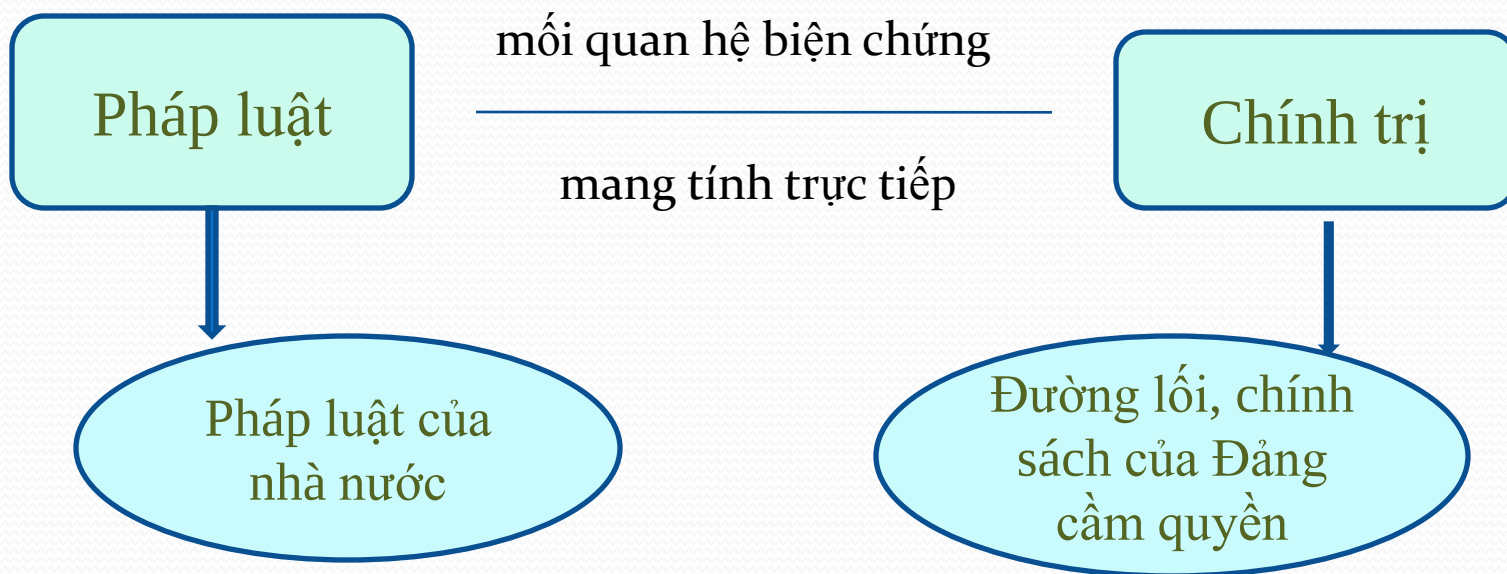


## 4.4.1 Pháp luật và kinh tế



## 4.4.2 Pháp luật và chính trị

Chính trị là toàn bộ hoạt động liên quan đến giành, giữ, tổ chức quyền lực.



## 4.4.2 Pháp luật và chính trị

Chính trị giữ vai trò chỉ đạo đối với nội dung và phương hướng phát triển của pháp luật

- Chính trị là khâu trung gian để chuyển tải những nhu cầu, đòi hỏi của kinh tế đến với pháp luật.
- Hệ thống pháp luật chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hệ thống chính trị của quốc gia đó, đặc biệt đối với các ngành luật như hiến pháp, hình sự, hành chính
- Phương hướng phát triển của pháp luật cũng do đường lối chính sách của lực lượng cầm quyền chỉ đạo, chính là do chính trị chỉ đạo

Chính trị thay đổi thì pháp luật thay đổi

- Sự thay đổi của chính trị sớm hay muộn đều dẫn đến sự thay đổi trong pháp luật vì pháp luật là một trong những hình thức thể hiện đường lối, chính sách của các lực lượng chính trị cầm quyền trong đất nước

Pháp luật là một hình thức biểu hiện tập trung của chính trị và là phương tiện để thực hiện hóa mục tiêu, chính sách của lực lượng cầm quyền

- PL ghi nhận yêu cầu, nội dung chính trị của giai cấp cầm quyền
- **Sự gắn bó mật thiết giữa pháp luật với nhà nước chính là biểu hiện sự liên hệ giữa pháp luật và chính trị**
- PL thể hiện đường lối chính trị thông qua việc ghi nhận các chính sách, mục tiêu của lực lượng chính trị
- **PL quy định địa vị thống trị của lực lượng cầm quyền, sự liên minh giữa các giai cấp tầng lớp trong xã hội**
- Dưới hình thức pháp luật, đường lối chính trị trở thành phổ biến, có tính bắt buộc chung đối với toàn xã hội và được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp nhà nước

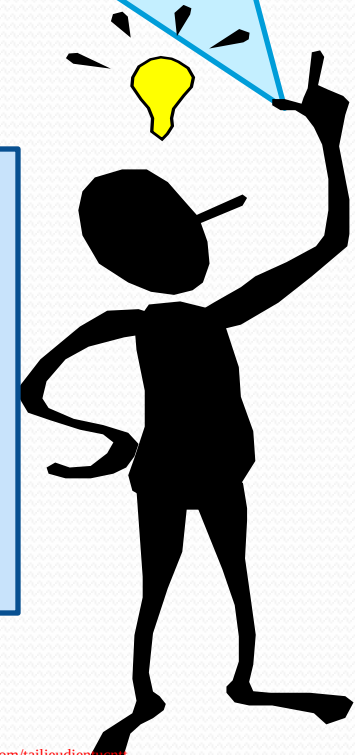
### 4.4.3 Pháp luật với đạo đức

Đạo đức là gì?

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những quy tắc, chuẩn mực nhằm hướng con người tới chân, thiện, mỹ chống lại cái xấu, cái ác.

Giống nhau:

- Pháp luật và đạo đức đều là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng, cùng điều chỉnh hành vi của xã hội, mang tính giai cấp, tính dân tộc và tính thời đại.





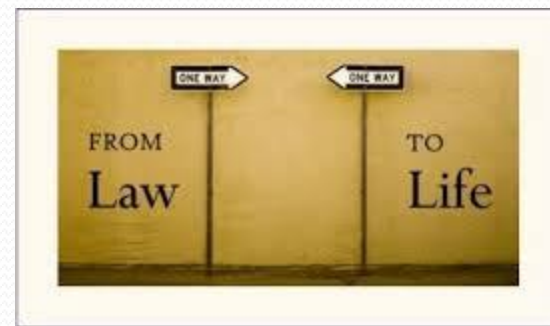
## 4.4.3 Pháp luật với đạo đức

| Tiêu chí                      | Đạo đức                                                                                                                                                                                               | Pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Về nguồn gốc                  | Đạo đức xuất hiện trước pháp luật, là những quy tắc hành vi tồn tại tự nhiên trong đời sống xã hội trên cơ sở mối quan hệ giữa người với người.                                                       | Pháp luật xuất hiện muộn hơn, là những quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận để điều chỉnh các quan hệ xã hội.                                                                                                                                                                                        |
| Về xu hướng vận động          | Luôn có sự đánh giá, sàng lọc, tẩy chay của dư luận xã hội                                                                                                                                            | Luôn luôn được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Về phạm vi điều chỉnh         | Phạm vi điều chỉnh rộng hơn.<br><br>Điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trên cơ sở tình cảm, luân lý xã hội, ví dụ: tình bạn, tình yêu, sự giúp đỡ lẫn nhau ...                                         | Điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng, mang ý nghĩa quốc gia. Ví dụ: quy định, trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc...                                                                                                                                                                          |
| Về hình thức, mức độ thể hiện | - Thường được thể hiện qua ca dao, tục ngữ, thông qua cảm xúc, quan niệm, chuẩn mực là cái tâm ở đời<br><br>- Không thể cân đo đong đếm được, mỗi người có thể có một quan niệm khác nhau về đạo đức. | Được quy định bằng điều tiết, chủ yếu thể hiện trong các điều luật, các quy phạm rõ ràng thể hiện quy tắc xử sự mà nhà nước đặt ra yêu cầu mọi người phải tuân theo.<br><br>- Luôn được thể hiện một cách rõ ràng, chính xác, đảm bảo 3 thuộc tính cơ bản, tạo nên một hệ thống pháp luật thống nhất, chặt chẽ. |
| Phương pháp bảo đảm thực hiện | Kích thích nội tâm, dựa vào sức mạnh của dư luận xã hội, trên cơ sở các điều cấm kỵ, các lễ nghi tôn giáo nguyên thủy.                                                                                | Được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước, căn cứ vào thời hạn, thời hiệu, các chế tài, mức độ vi phạm...                                                                                                                                                                                |



## 4.4.4 Pháp luật với nhà nước

- Mỗi quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập tương đối
- Là 2 yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng, chúng có cùng những nguyên nhân, tiền đề xã hội cho sự hình thành, vận động và phát triển
- Nhà nước và pháp luật là 2 hiện tượng không thể tồn tại thiếu nhau, là tiền đề của nhau
- Bản chất của luật pháp phản ánh bản chất của Nhà nước đặt ra nó. Nhà nước kiểu nào thì pháp luật kiểu đó.
- Nhà nước ban hành hay thừa nhận pháp luật nhưng nhà nước lại phải tôn trọng pháp luật, đặt mình dưới pháp luật. NN ban hành PL phải tính đến sự chi phối của các nhân tố khác như các vấn đề về mặt kinh tế, chính trị, xã hội, ko thể ban hành PL tùy tiện theo ý chủ quan của mình
- Việc hoàn thiện bộ máy nhà nước phải song song với việc hoàn thiện pháp luật
- Pháp luật là công cụ sắc bén nhất trong quản lý xã hội của Nhà nước



## 4.4.5 Pháp luật và các quy phạm xã hội khác

### **Pháp luật và phong tục, tập quán**

- Pháp luật tiến bộ sẽ ảnh hưởng tích cực đến tập quán. Ngược lại pháp luật lạc hậu sẽ ảnh hưởng xấu đến tập quán.
- Phong tục, tập quán tiến bộ có giá trị chung được pháp luật thừa nhận. Phong tục, tập quán lạc hậu được pháp luật điều chỉnh

### **Pháp luật và quy phạm của các tổ chức xã hội**

Quy phạm của các tổ chức xã hội như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội trong nội bộ của mỗi tổ chức, chúng chịu sự chi phối của pháp luật, phải phù hợp và không được trái với pháp luật vì pháp luật mang ý chí chung của nhà nước. Mặt khác, quy phạm của các tổ chức xã hội cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với pháp luật.

## 4.5 Kiểu pháp luật

Là tổng thể các dấu hiệu cơ bản của pháp luật thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội và những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.



### Sự thay thế các kiểu pháp luật

- Thể hiện quá trình tiến hóa của xã hội,
- Được thực hiện bằng một cuộc cách mạng
- Kiểu pháp luật sau bao giờ mang tính kế thừa kiểu pháp luật cũ



## Pháp luật chủ nô

- Công khai bảo vệ, củng cố quyền tư hữu chủ nô
- Bảo vệ ách thống trị về CT, tư tưởng của giai cấp chủ nô
- Quy định, củng cố tình trạng bất bình đẳng trong XH, người gia trưởng
- Hình thức mang nặng dấu ấn của QPXH của chế độ CSNT

## Pháp luật phong kiến

- Bảo vệ chế độ tư hữu của giai cấp phong kiến
- Bảo vệ chế độ đẳng cấp và đặc quyền của giai cấp phong kiến
- Hợp thức hóa bạo lực và sự chuyên quyền tùy tiện của GCPK
- Quy định những hình phạt rất tàn bạo
- Chịu ảnh hưởng lớn của tôn giáo, đạo đức
- Hình thức tàn bạo, không thống nhất

## Pháp luật tư sản

- Bảo vệ chế độ tư hữu tư sản
- Lần đầu tiên xuất hiện khái niệm “công dân”, quy định các quyền tự do dân chủ
- Tuyên bố nguyên tắc tự do hợp đồng
- Nguyên tắc pháp chế lần đầu tiên được thể hiện
- Văn bản pháp luật tư sản rất phát triển cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp

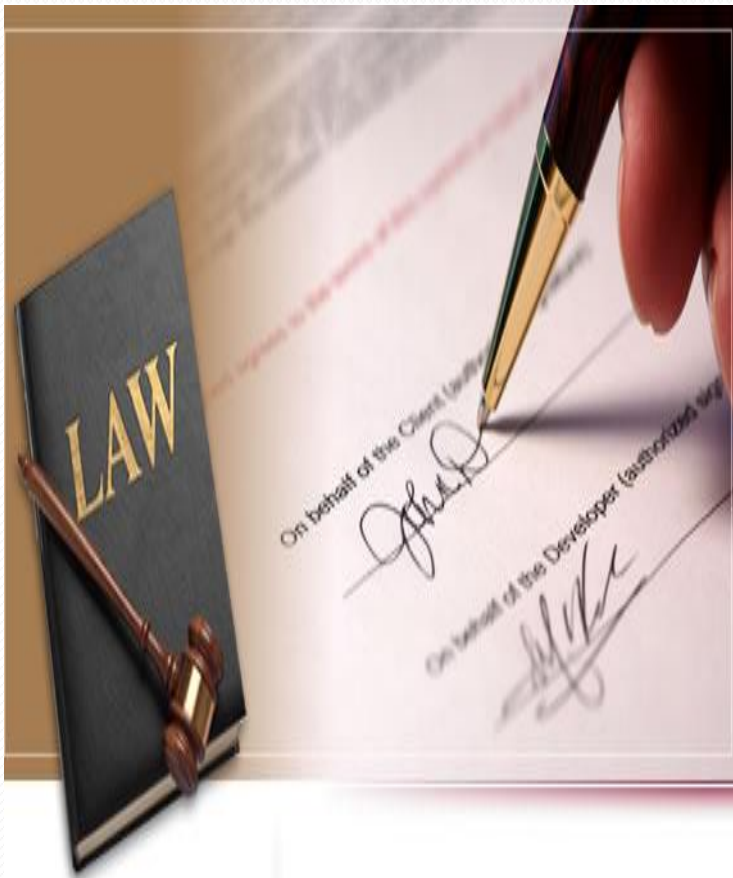
## Pháp luật Việt Nam XHCN

- Mang tính nhân dân sâu sắc
- Tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần
- Tính cưỡng chế mang nội dung mới
- Quan hệ mật thiết với các QPXH khác
- Hình thức: PLVN phân chia thành các ngành luật, VBQPPL là nguồn chủ đạo



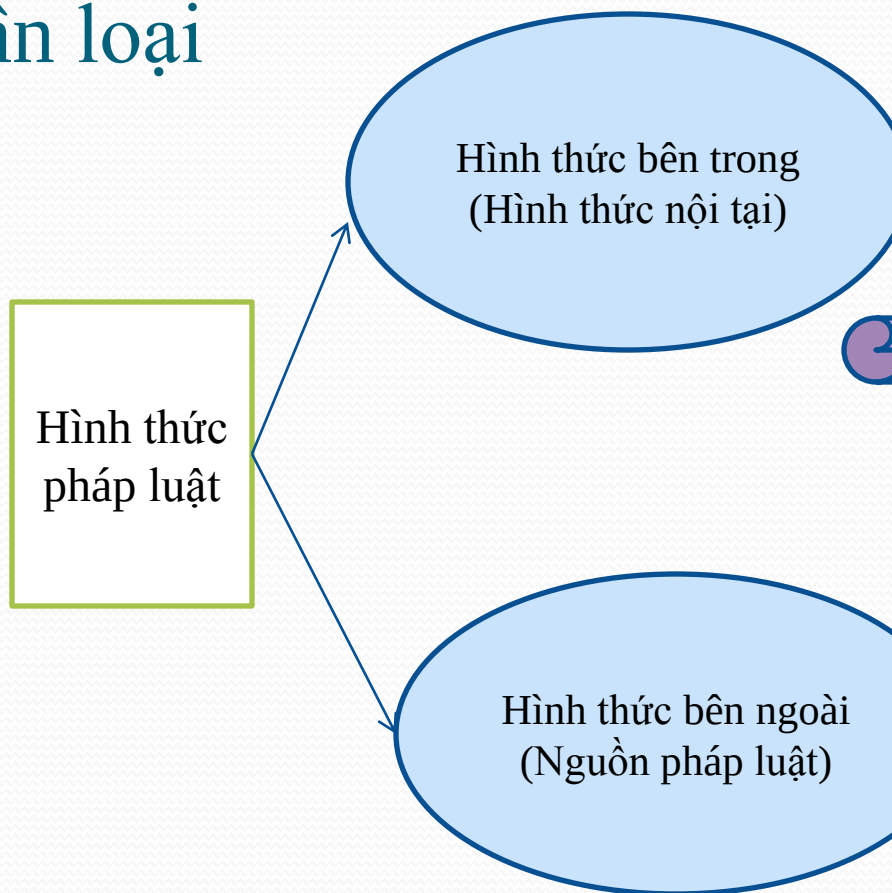
## 4.6 Hình thức của pháp luật

- Dùng để chỉ ranh giới tồn tại của pháp luật trong hệ thống các quy phạm xã hội
- Là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật
- Là phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế của pháp luật



# Hình thức pháp luật

## Phân loại



- Các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật

- Bao gồm:

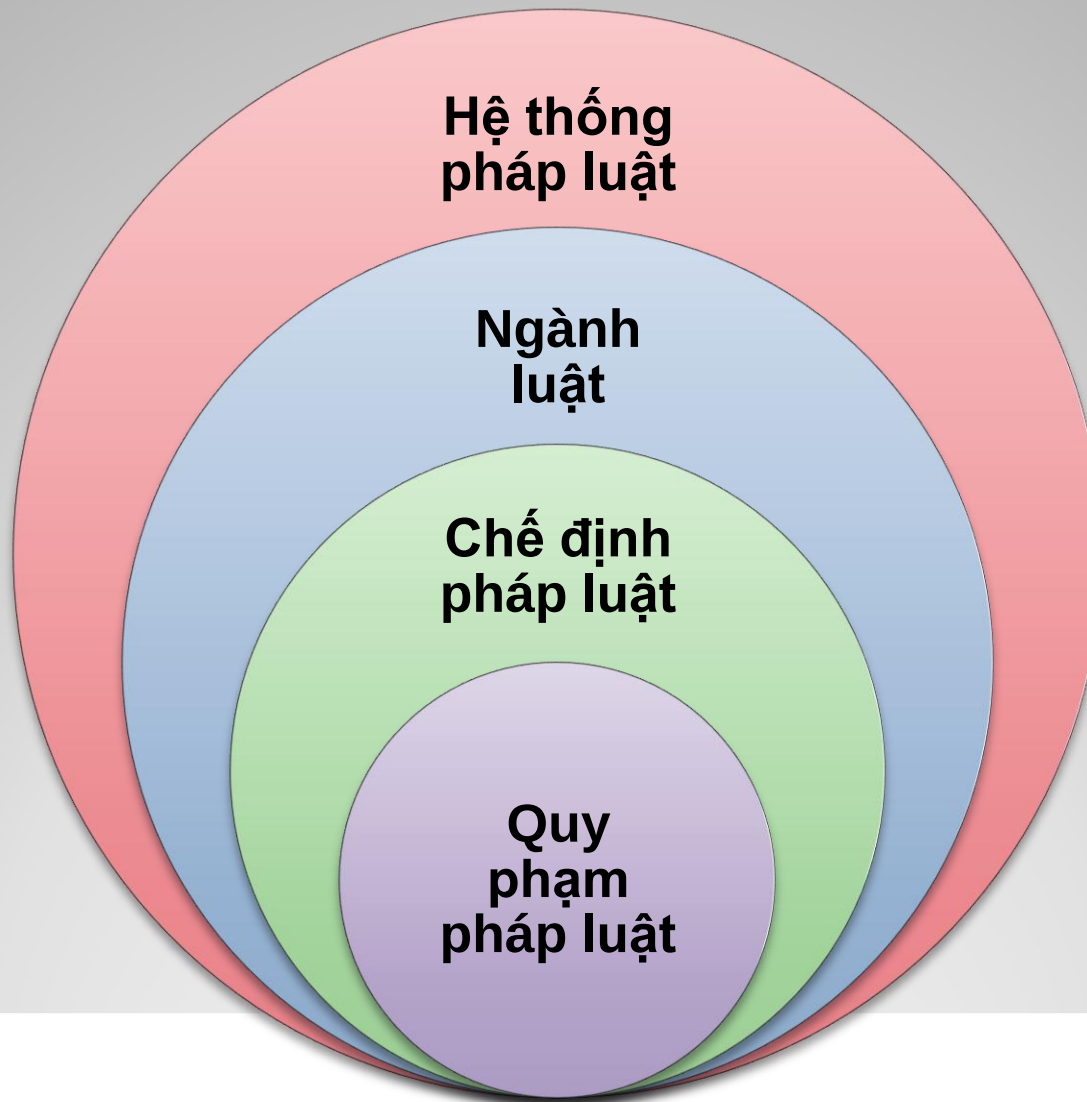
1. Các nguyên tắc pháp luật
2. Cấu trúc pháp luật

- Là sự thể hiện ra bên ngoài, dạng tồn tại trong thực tế của các quy phạm pháp luật

- Bao gồm: Tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản pháp luật

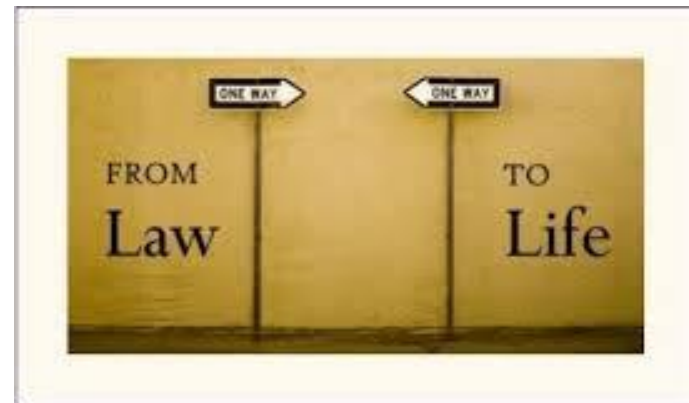
- Ngoài ra: quy phạm tôn giáo (pháp luật đạo Hồi), học thuyết, tư tưởng, quan điểm pháp luật

## 4.6.1 Cấu trúc của pháp luật

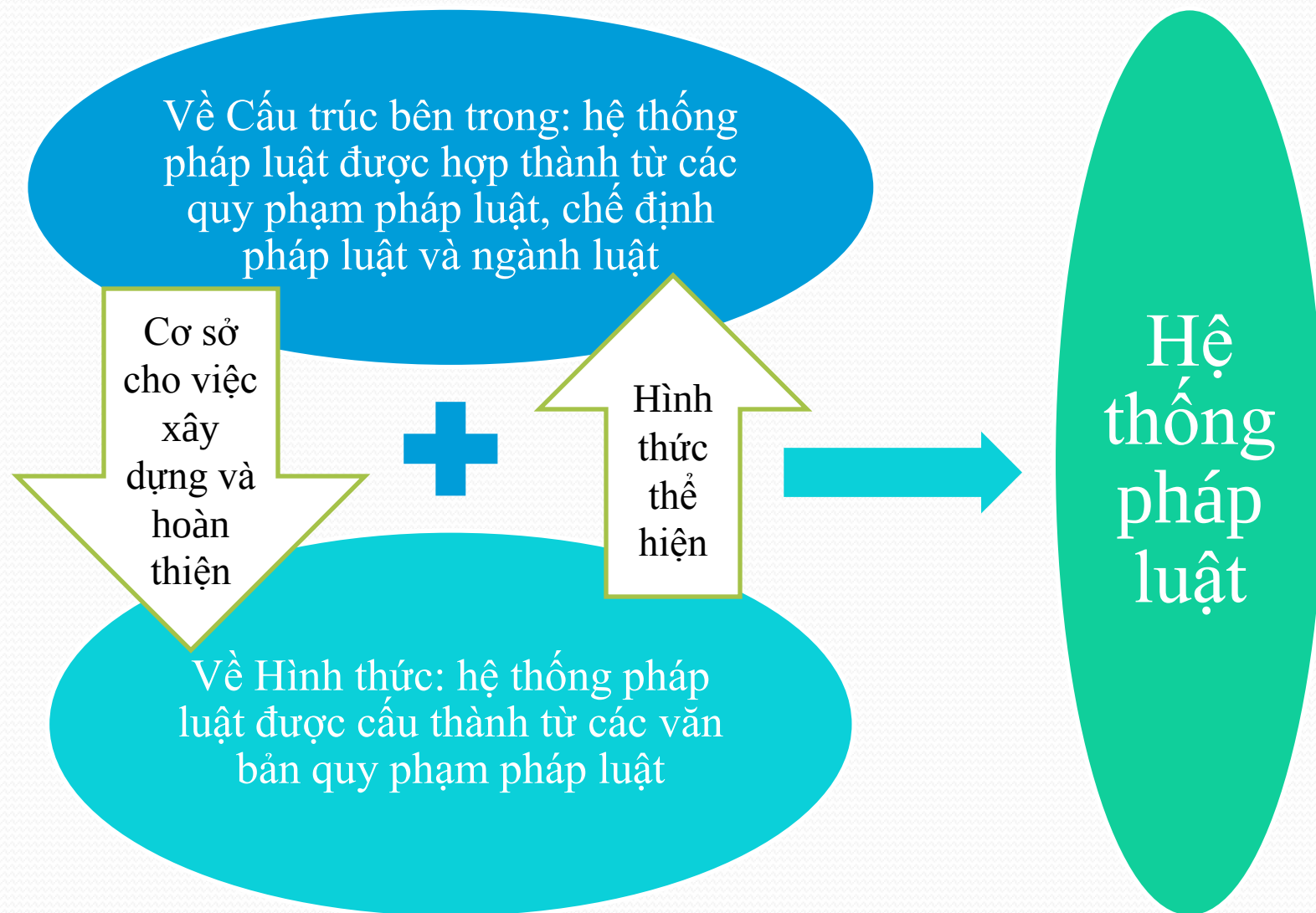


# Hệ thống pháp luật

- Là một chính thể thống nhất cấu thành bởi các ngành luật, các chế định pháp luật khác nhau điều chỉnh những lĩnh vực, nhóm quan hệ xã hội cùng loại (cùng nội dung, đặc điểm, tính chất) đặt trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất của một quốc gia.
- Ví dụ: Hệ thống pháp luật XHCN, tư sản, Common Law, Civil Law,...

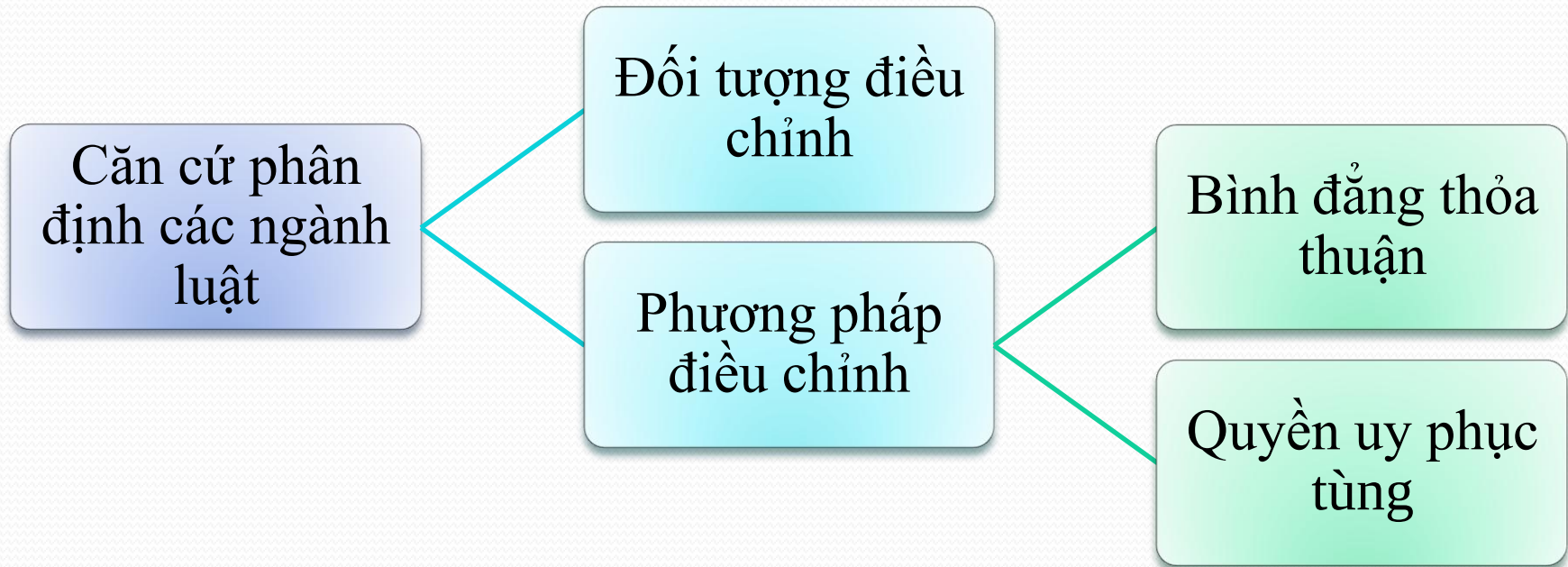


# Hệ thống pháp luật



# Ngành luật

Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định với những phương pháp điều chỉnh nhất định.





## Hệ thống ngành luật Việt Nam (theo cách phân chia truyền thống)

LUẬT NỘI DUNG

PHÁP LUẬT  
QUỐC GIA

LUẬT HÌNH THỨC

|                                    |                          |
|------------------------------------|--------------------------|
| Ngành Luật<br>hiến pháp            | Ngành Luật<br>hành chính |
| Ngành Luật<br>hình sự              | Ngành Luật dân<br>sự     |
| Ngành Luật<br>kinh tế              | Ngành Luật lao<br>động   |
| Ngành Luật<br>Hôn nhân gia<br>đình | Ngành Luật Đất<br>đai    |
| Ngành Luật tài<br>chính            | Ngành Luật<br>ngân hàng  |

Ngành Luật tổ tụng  
dân sự

Ngành Luật tổ tụng  
hình sự

Ngành Luật tổ tụng  
hành chính

Công pháp quốc tế

PHÁP LUẬT  
QUỐC TẾ

Tư pháp quốc tế

# Chế định pháp luật

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại có mối liên hệ mật thiết với nhau trong cùng một ngành luật.
- Ví dụ: Luật hình sự có các chế định như hình phạt, các tội xâm phạm an ninh quốc gia...



## Quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân thủ, được biểu thị bằng hình thức nhất định, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo vệ bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội

# Đặc điểm quy phạm pháp luật

- “tế bào” của pháp luật
- Một dạng quan hệ xã hội

1

- Thể hiện ý chí của nhà nước, là mệnh lệnh của nhà nước

2

- Có tính phổ biến, bắt buộc chung

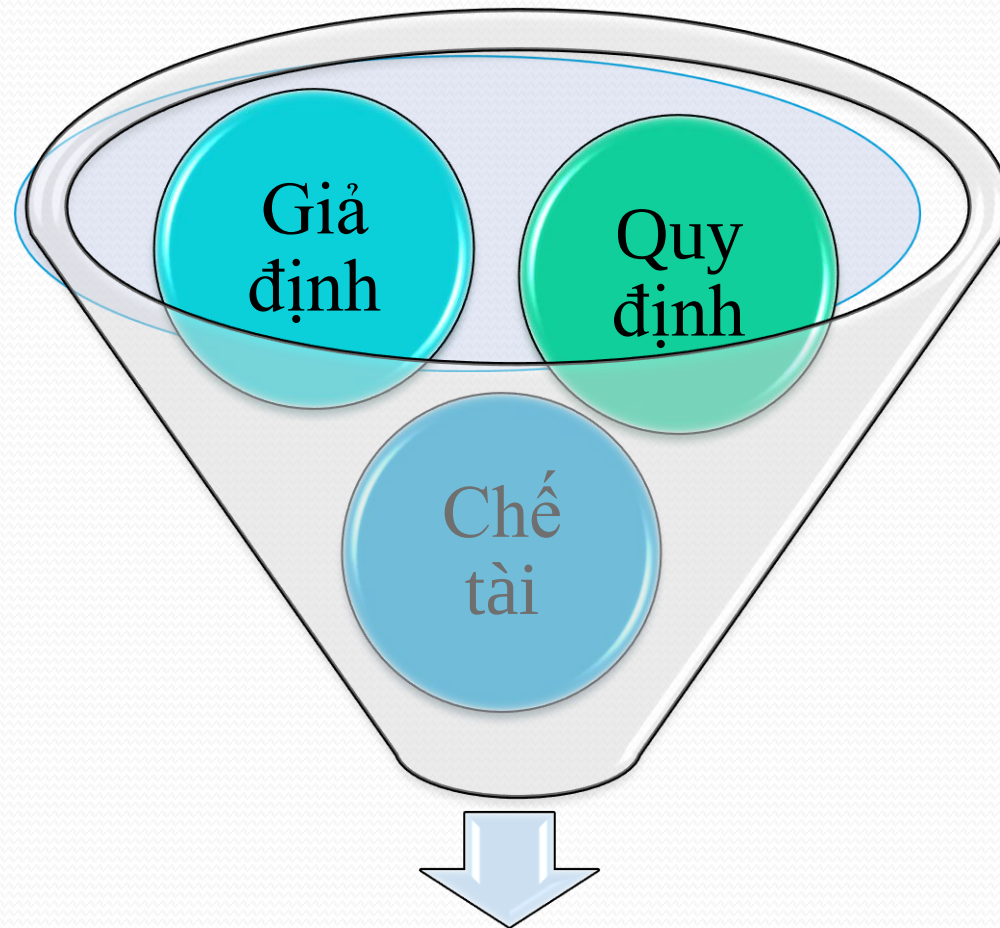
3

- Được thể hiện dưới những hình thức nhất định, đảm bảo tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

4

- Được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện

# Cấu trúc của quy phạm pháp luật



Công thức chung: “Nếu ... thì ... mà khác thì sẽ...”

# Cấu trúc quy phạm pháp luật

## GIẢ ĐỊNH

(Hoàn cảnh áp dụng?)

*Xác định môi trường tác động của QPPL*

*Nêu địa điểm, thời gian, chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh, tình huống thực tế của QPPL*

*Phân loại: Giả định xác định và Giả định tương đối*

## QUY ĐỊNH

(cách xử sự mà nhà nước yêu cầu?)

*Là yếu tố trung tâm của QPPL*

*Nêu quy tắc xử sự mà chủ thể phải tuân theo*

*Phân loại: quy định cấm, quy định bắt buộc, quy định cho phép – giao quyền, quy định tùy nghi*

## CHẾ TÀI

(Hậu quả bất lợi?)

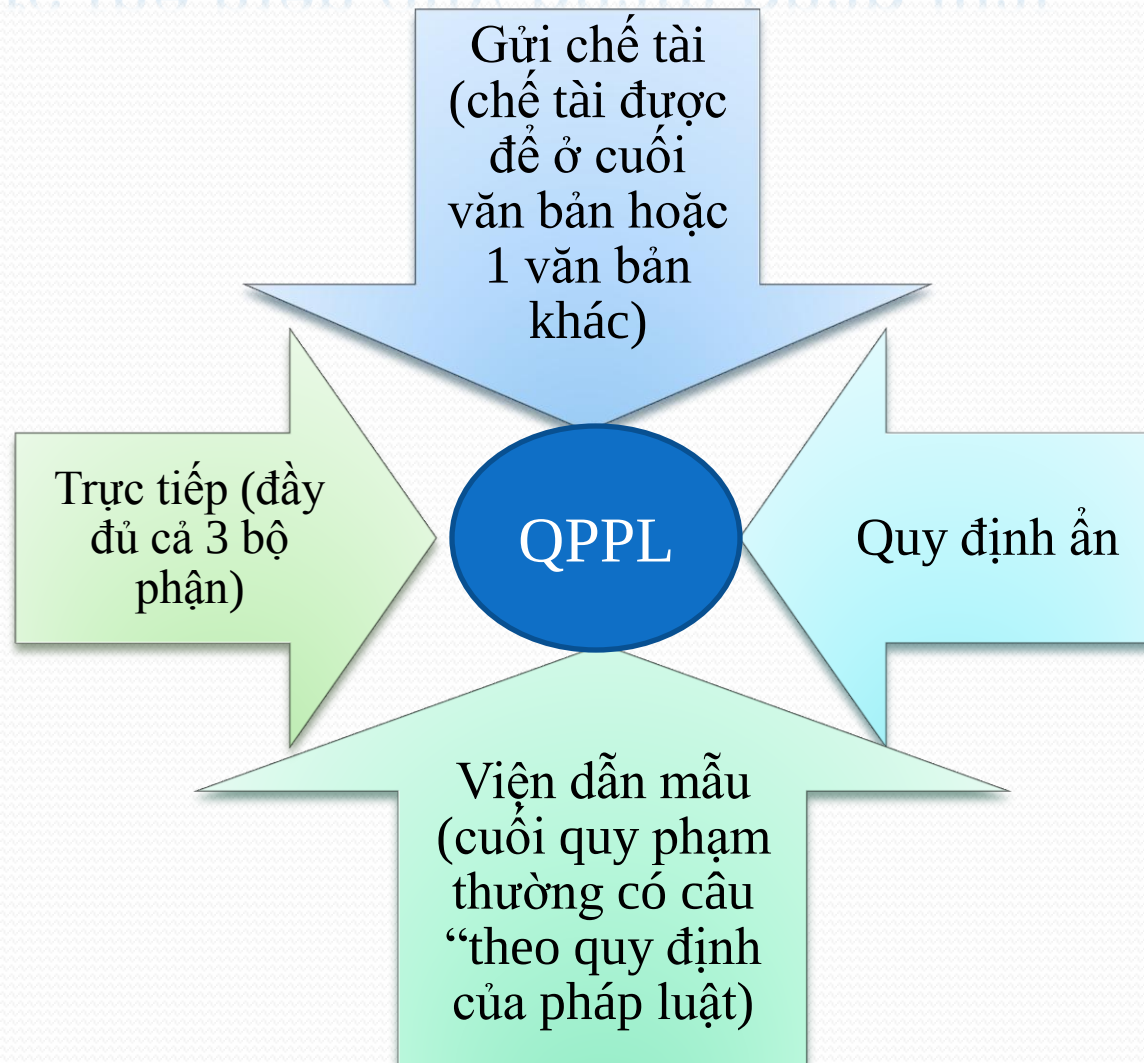
*Là hậu quả bất lợi mà chủ thể phải gánh chịu khi vi phạm pháp luật*

*Nêu những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể không thực hiện đúng phần quy định*

*Phân loại: chế tài hình phạt, khôi phục, phủ định pháp luật, tuyệt đối, tương đối, lựa chọn, hình sự, dân sự, ...*



# Phương thức thể hiện quy phạm pháp luật



Lưu ý: - Phân biệt QPPL và điều luật

# Phân loại quy phạm pháp luật

- Căn cứ vào ngành luật: QPPL ngành luật Hiến pháp, hành chính, hình sự,...
- Căn cứ theo nội dung QPPL:

## QP điều chỉnh

- Quy định quyền, nghĩa vụ của những người tham gia trong các quan hệ xã hội
- Điều chỉnh các hành vi hợp pháp của con người
- Gồm: QP bắt buộc, QP cấm đoán, QP cho phép

## QP bảo vệ

- Là quy phạm xác định các biện pháp cưỡng chế mang tính nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật
- Thể hiện thái độ tiêu cực của nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật

## QP chuyên môn

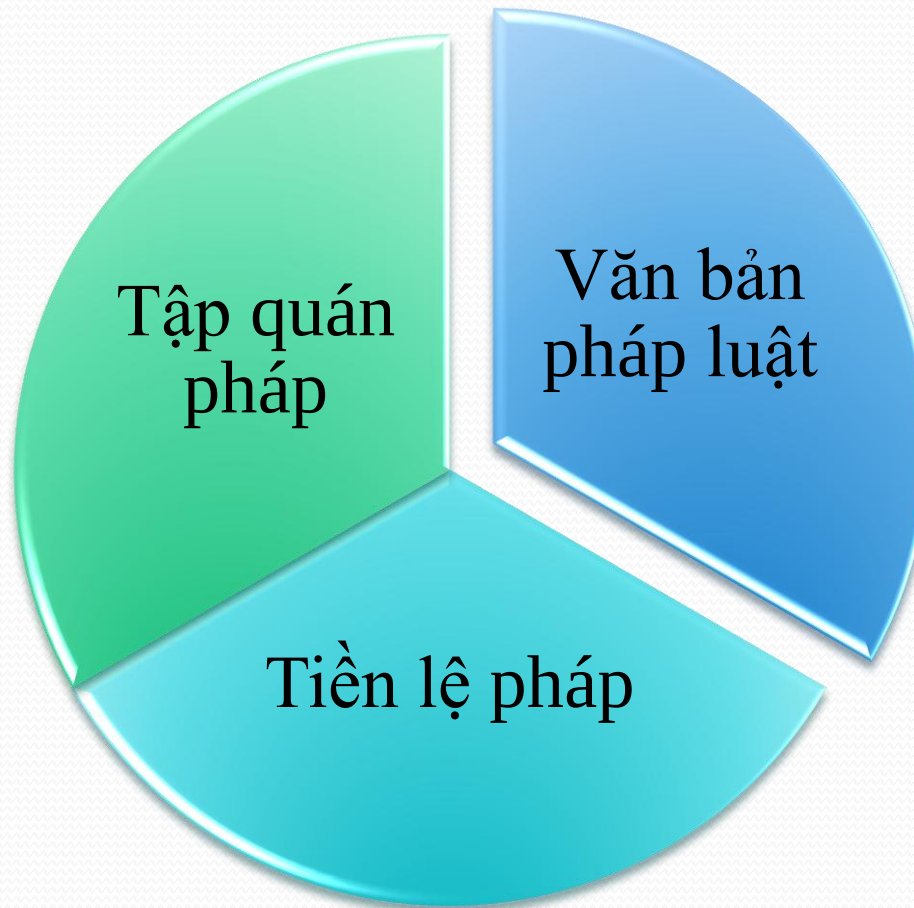
- Là quy phạm mà nội dung của chúng gồm những quy định nhằm bảo vệ hiệu lực của các quy phạm điều chỉnh
- Gồm: QP định nghĩa, QP tuyên bố, QP xung đột

## Xác định các bộ phận của QPPL sau:

1. “Người nào thấy người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng , tuy có điều kiện mà không cứu giúp, dẫn đến hậu quả người đó chết thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm” (Điều 102 BLHS)
2. “Trong trường hợp người được cấp dưỡng một lần lâm vào tình trạng khó khăn trầm trọng do bị tai nạn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo mà người đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng có khả năng thực tế để cấp dưỡng cao hơn, thì phải cấp dưỡng bổ sung theo yêu cầu của người được cấp dưỡng”. (Điều 19 Nghị định 70/2001/NĐ-CP)
3. “Người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước; trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo” (Điều 87, Luật giáo dục 2005)

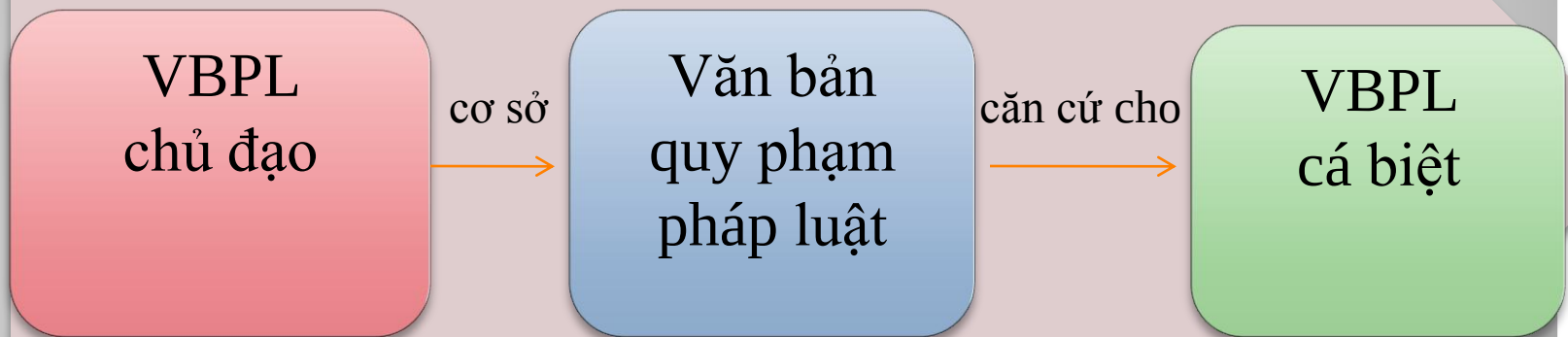
## 4.6.2

## Nguồn của pháp luật



# Văn bản pháp luật

- Là văn bản *do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành* theo những trình tự và thủ tục nhất định
- Văn bản pháp luật gồm 3 dạng:



## VBPL chủ đạo

- Do cơ quan nhà nước ban hành
- Đề ra những đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ lớn có tính chính trị pháp lý của quốc gia và địa phương





## VB áp dụng QPPL (VBPL cá biệt)

- Do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành
- Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật để ban hành và giải quyết những vụ việc cụ thể, trường hợp cụ thể



# Văn bản quy phạm pháp luật

- Định nghĩa

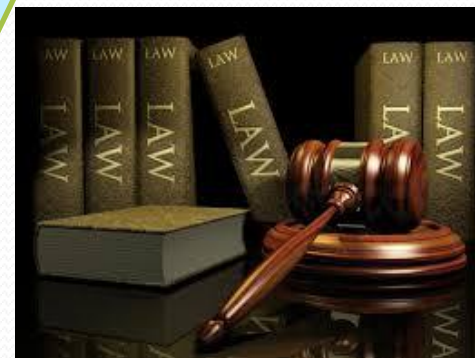
- Là hình thức thể hiện các quyết định pháp luật
  - do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
  - theo trình tự và thủ tục nhất định
  - chứa đựng những quy tắc xử sự chung
  - nhằm điều chỉnh 1 loạt quan hệ xã hội nhất định
  - được áp dụng nhiều lần trong thực tiễn đời sống
- Việc áp dụng không làm chấm dứt hiệu lực của VBQPPL

Văn bản  
quy phạm  
pháp luật

- Phân loại:

- Văn bản luật: do Quốc Hội ban hành, bao gồm: Hiến pháp và các bộ luật
- Văn bản dưới luật: do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

- Các văn bản luôn là VBQPPL: Hiến pháp; Luật; Pháp lệnh; Nghị định; Thông tư



| <b>Cơ quan ban hành</b>              | <b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>        |
|--------------------------------------|------------------------------------------|
| Quốc hội                             | Hiến pháp, đạo luật, bộ luật, nghị quyết |
| UBTVQH                               | Pháp lệnh, nghị quyết                    |
| Chủ tịch nước                        | Lệnh, quyết định                         |
| Chính phủ                            | Nghị định                                |
| Thủ tướng chính phủ                  | Quyết định                               |
| Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB           | Thông tư                                 |
| Hội đồng thẩm phán TANDTC            | Nghị quyết                               |
| Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC | Thông tư                                 |
| Tổng kiểm toán nhà nước              | Quyết định                               |
| Giữa các cơ quan nhà nước            | Nghị quyết liên tịch, thông tư liên tịch |
| Hội đồng nhân dân                    | Nghị quyết                               |
| Ủy ban nhân dân                      | Quyết định, chỉ thị                      |

# Văn bản luật

- là văn bản QPPL do Quốc hội ban hành.
- có giá trị pháp lý cao nhất

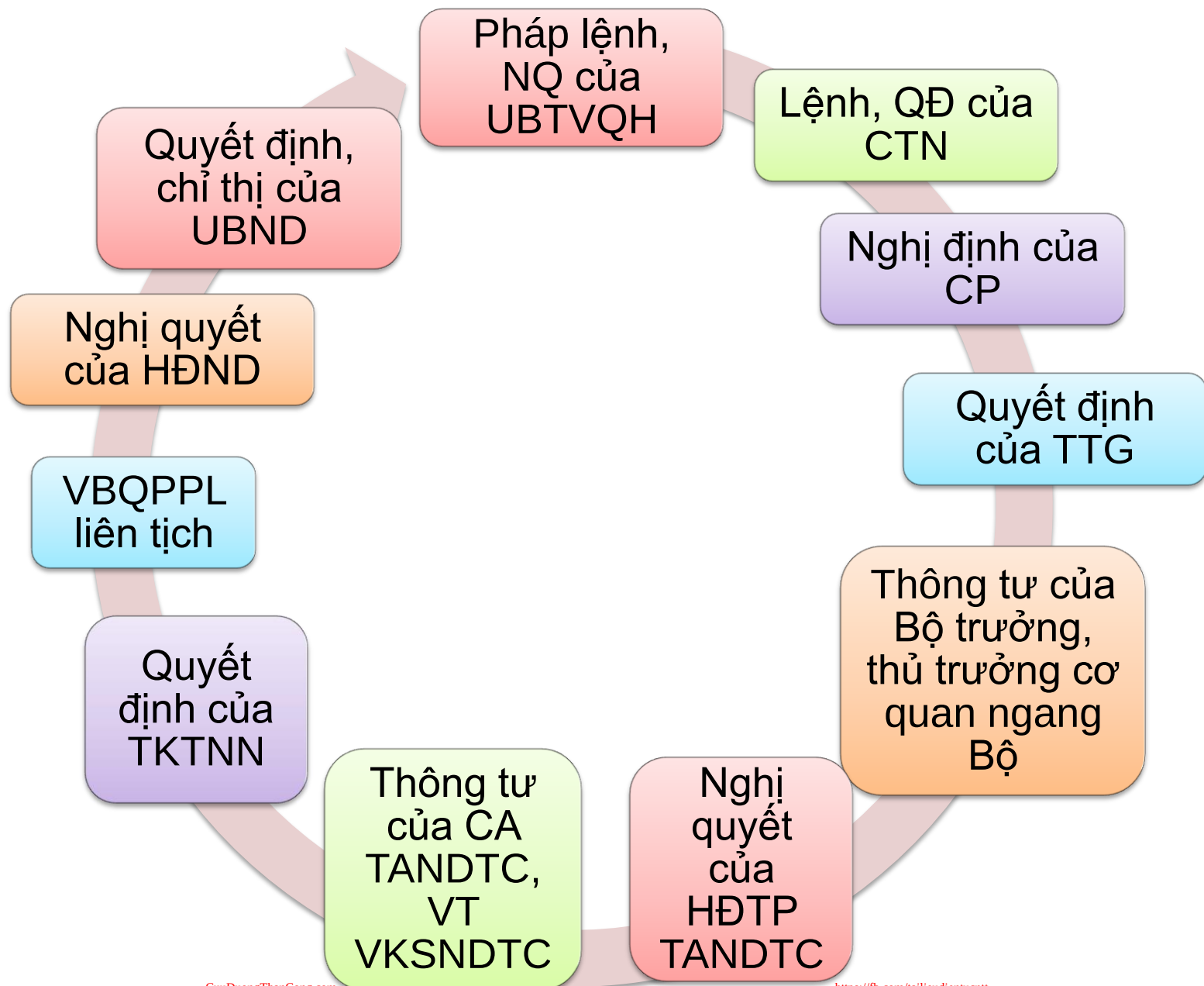
Hiến pháp - có giá trị pháp lý cao nhất

Các đạo luật, bộ luật:

- luật dân sự
- luật doanh nghiệp
- luật thương mại,...

# Văn bản dưới luật

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Viện KT & QL



## Phân loại các dạng văn bản sau:

1. Thẻ sinh viên
2. Nghị quyết của HĐND TP. Hà Nội về phát triển du lịch
3. Hiến pháp 2013
4. Nghị quyết ĐH Đảng IX
5. Quyết định buộc thôi việc đối với anh A
6. Bản án của TAND Tp. HN tuyên án N.V.A
7. Điều lệ Đoàn TNCS HCM
8. Luật HN và GD năm 2000
9. Pháp lệnh người cao tuổi
10. Giấy khen đối với sinh viên A về thành tích học tập





# Hiệu lực của VBQPPL

Là phạm vi tác động của VBPL đó, bao gồm giới hạn về không gian, thời gian và đối tượng pháp luật

**Hiệu lực theo  
thời gian**

**Hiệu lực theo  
không gian**

**Hiệu lực theo  
đối tượng**

(i) Là thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của văn bản

quy phạm pháp luật

(ii) Hiệu lực hồi tố

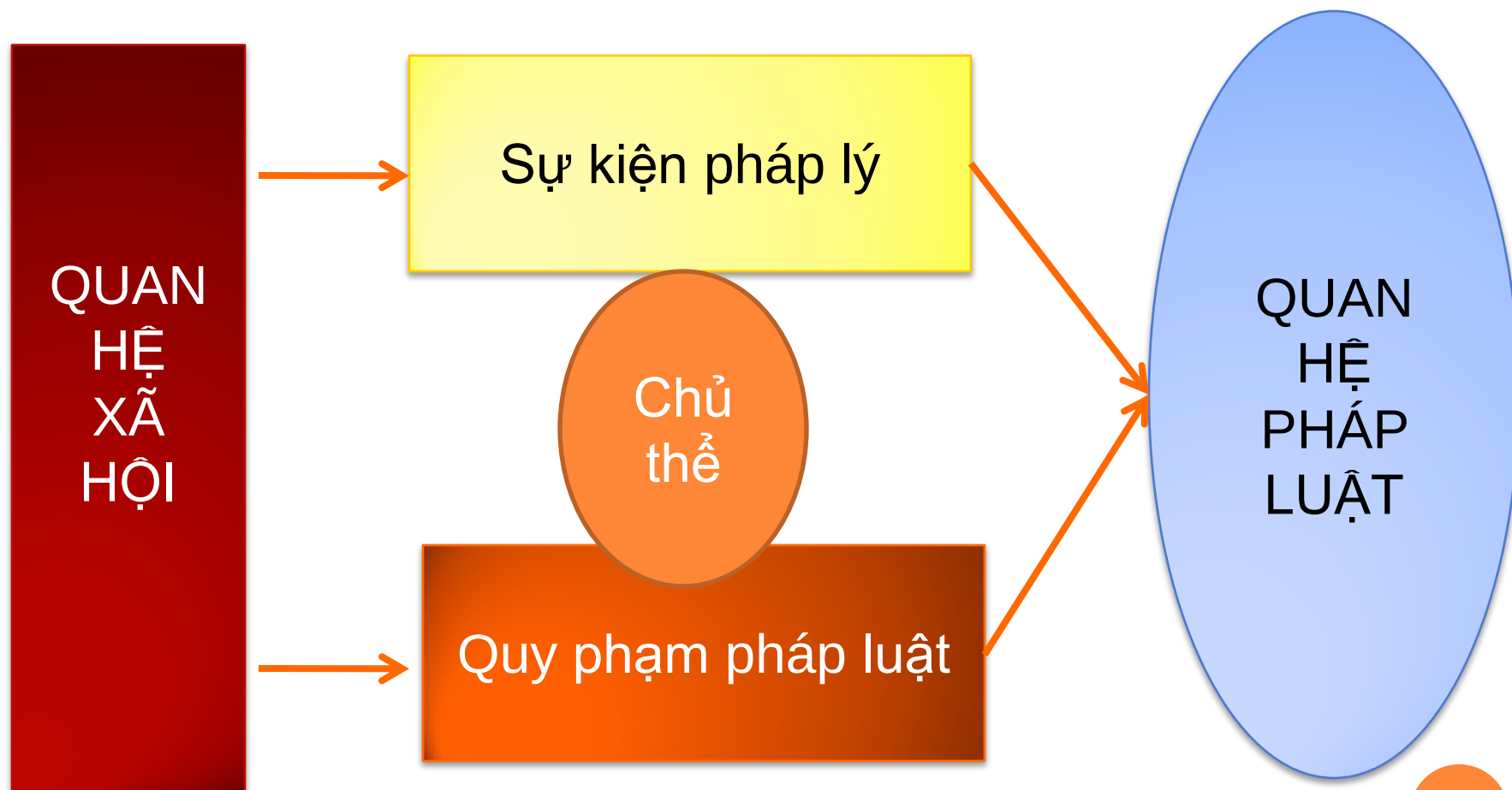
(iii) Nguyên tắc áp dụng

Là giới hạn phạm vi lãnh thổ mà văn bản đó có hiệu lực

Áp dụng đối với tất cả cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của VBQPPL

## 4.7 Quan hệ pháp luật

QHPL là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội, xuất hiện khi các quan hệ xã hội được một quy phạm pháp luật tương ứng điều chỉnh và các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật này đều có những quyền và nghĩa vụ pháp lý đã được quy phạm pháp luật đó dự liệu.



# PHÂN BIỆT QHPL VÀ QHXXH

| Quan hệ xã hội                                  | Quan hệ pháp luật                                                                                                  |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Luôn tồn tại khách quan                         | Thuộc phạm trù chủ quan, xuất hiện trên cơ sở ý chí của nhà làm luật                                               |
| Được nhiều khoa học xã hội khác nhau nghiên cứu | Là đối tượng nghiên cứu của khoa học pháp lý                                                                       |
| Là nội dung vật chất của quan hệ pháp luật      | Là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội, xuất hiện dưới tác động điều chỉnh của các quy phạm pháp luật.            |
|                                                 | Có vai trò quan trọng làm trật tự hóa các quan hệ xã hội, hướng nó phát triển phù hợp với ý định của nhà làm luật. |

## 4.7.1 Đặc điểm của QHPL

Mang tính ý chí

Chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế

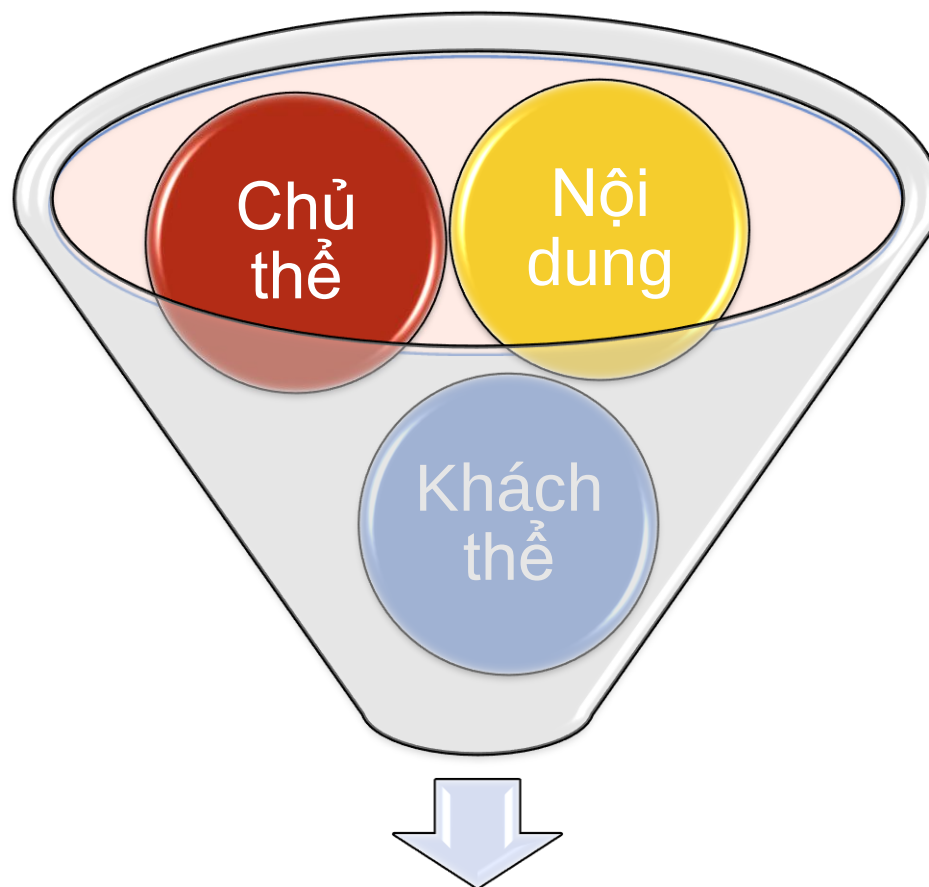
Được hình thành trên cơ sở quy phạm pháp luật

Chủ thể QHPL mang quyền, nghĩa vụ pháp lý  
mà QPPL dự kiến trước

Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước

Mang tính xác định cụ thể

## 4.7.2 Cơ cấu của QHPL



***Quan hệ pháp luật hình thành khi có sự xuất hiện của sự kiện pháp lý***

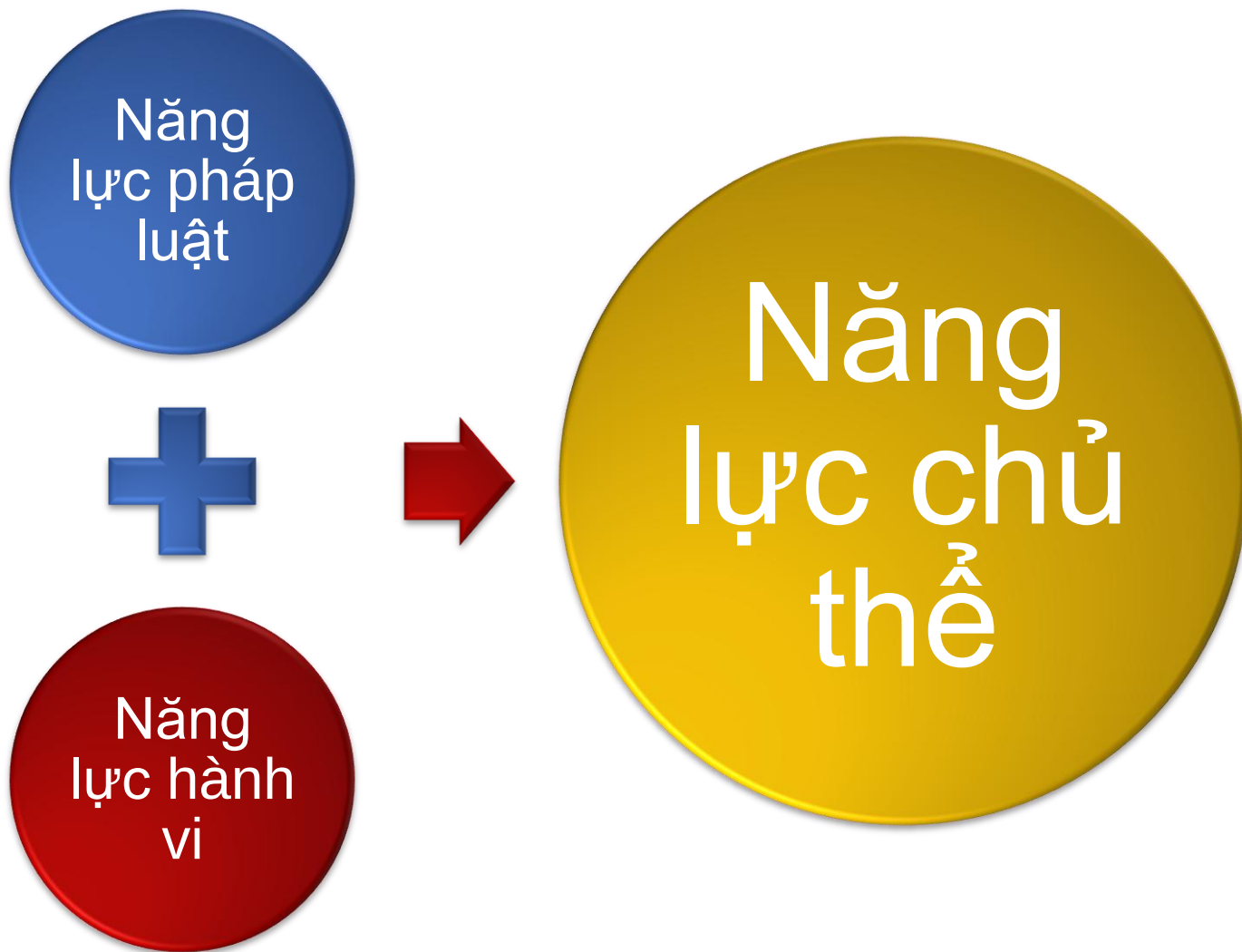


# Chủ thể của QHPL

Chủ thể quan hệ pháp luật là những cá nhân và tổ chức có năng lực chủ thể.

Những cá nhân và tổ chức này là những người có khả năng trở thành các bên tham gia quan hệ pháp luật có được các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý trên cơ sở quy phạm pháp luật.





## Năng lực pháp luật (ĐK cần)

- Là khả năng 1 cá nhân hay tổ chức có được những quyền và nghĩa vụ pháp lý do pháp luật quy định



## Năng lực hành vi (ĐK đủ)

- Là khả năng của cá nhân hoặc tổ chức được nhà nước thừa nhận, bằng hành vi của mình xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý tham gia vào các QHPL, cũng như độc lập chịu trách nhiệm về những hành vi của mình

109

# CHỦ THỂ QHPL

## CÁ NHÂN

- Gồm: công dân nước sở tại, công dân nước ngoài và người ko có quốc tịch đang công tác, làm ăn, sinh sống tại nước sở tại.
- Để trở thành chủ thể QHPL, cá nhân phải có đủ NLPL và NLHV

# CHỦ THỂ QHPL

## TỔ CHỨC

- Năng lực pháp luật và NLHV của tổ chức xuất hiện đồng thời ở thời điểm tổ chức đó được thành lập hợp pháp hoặc được công nhận hợp pháp và mất đi khi tổ chức ấy chấm dứt sự tồn tại trong các trường hợp như giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập
- Nhà nước
- Pháp nhân – Tư cách pháp nhân

## TỔ CHỨC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký, công nhận

Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ

Có tài sản độc lập, chịu trách nhiệm bằng tài sản đó

Nhân danh mình tham gia các QHPL một cách độc lập



# Nội dung của QHPL

Nội dung QHPL chính là quyền và nghĩa vụ của chủ thể khi tham gia QHPL.

# Quyền chủ thể

Quyền chủ thể là khả năng xử sự của chủ thể được pháp luật cho phép trong QHPL

Là khả năng của chủ thể được hành động trong khuôn khổ do pháp luật quy định trước

Khả năng của chủ thể yêu cầu các chủ thể có liên quan thực hiện nghĩa vụ (thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của họ hoặc chấm dứt những hành vi cản trở) nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền chủ thể của mình.

Khả năng của chủ thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình, bằng cách thực hiện sự cưỡng chế cần thiết đối với bên kia để họ thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp quyền của mình bị vi phạm

## Nghĩa vụ pháp lý

Là cách xử sự mà nhà nước bắt buộc chủ thể phải tiến hành theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác

### Đặc điểm của nghĩa vụ pháp lý

- + Chủ thể bắt buộc phải thực hiện những xử sự nhất định do pháp luật quy định
- + Cách xử sự này nhằm đáp ứng quyền của chủ thể kia
- + Được đảm bảo thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước
- + Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ



# Khách thể của QHPL

Khách thể của QHPL là những gì mà QHPL đó hướng tới và các bên tham gia mong muốn đạt được nhằm thỏa mãn các lợi ích và nhu cầu của mình khi tham gia QHPL

Hướng tới: Hành vi của chủ thể  
Lợi ích tinh thần  
Lợi ích vật chất  
Giá trị xã hội

Khách thể của QHPL phản ánh lợi ích của chủ thể. Khách thể là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia QHPL. Sự quan tâm nhiều hay ít của chủ thể QHP đối với khách thể là động lực thúc đẩy sự phát sinh, tồn tại hay chấm dứt QHPL.



### 4.7.3 CĂN CỨ PHÁT SINH QHPL

- QHPL phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt dưới tác động của 3 yếu tố: QPPL, chủ thể, sự kiện pháp lý
- QPPL tác động tới các QHXX nhất định và biến chúng thành QHPL.

QHPL cũng ko thể nảy sinh nếu ko có chủ thể

QPPL cũng chỉ có thể làm nảy sinh QHPL giữa các chủ thể nêu được gắn liền với sự kiện pháp lý

# Sự kiện pháp lý



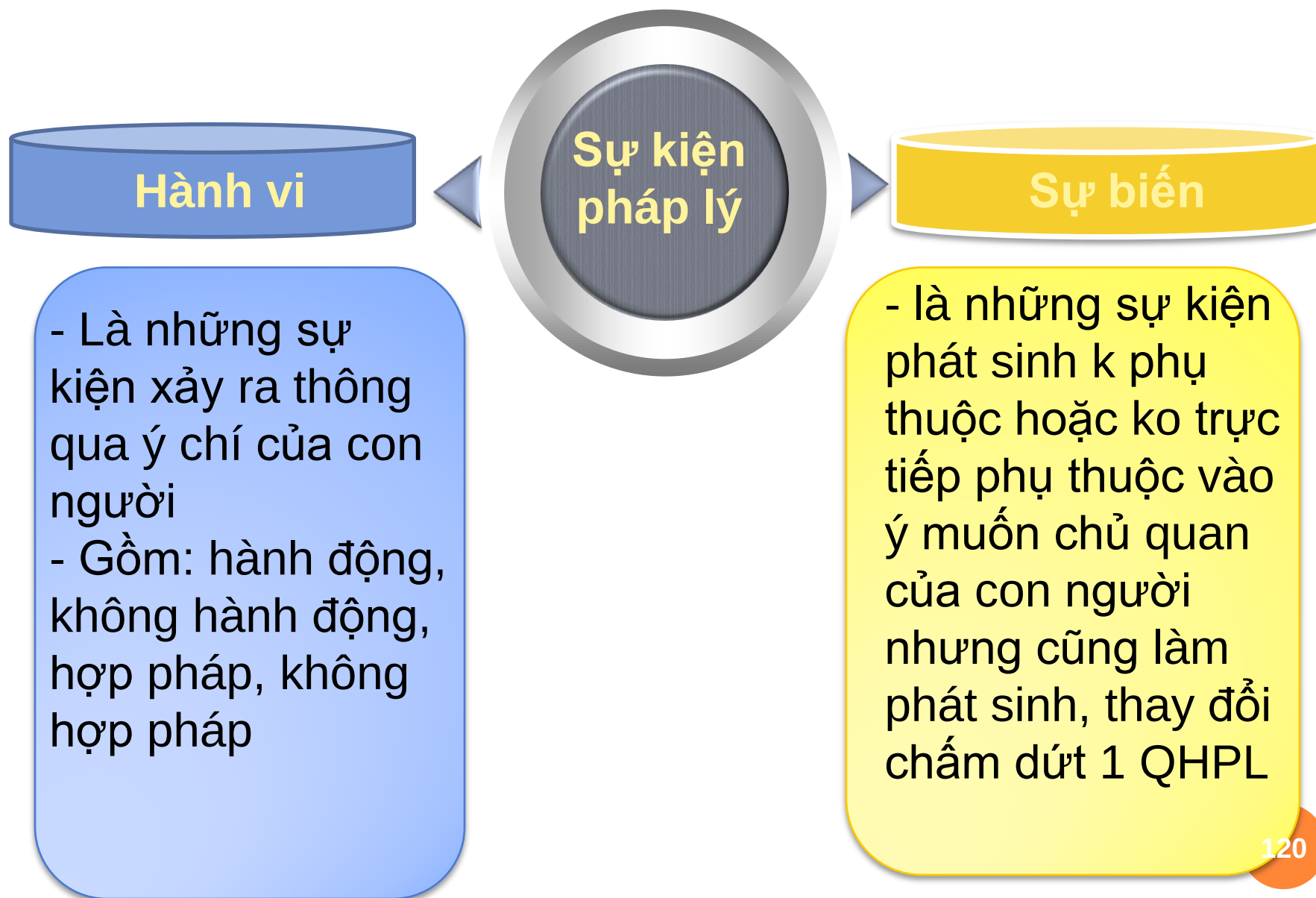
Những sự kiện thực tế (điều kiện, hoàn cảnh, tình huống của đời sống thực tế) mà sự xuất hiện hoặc mất đi của chúng sẽ làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPL

# SỰ KIỆN PHÁP LÝ

## PHÂN LOẠI

- Căn cứ vào số lượng SKPL và mối quan hệ giữa chúng trong việc làm ps, thay đổi, chấm dứt QHPL: Sự kiện pháp lý đơn giản và SKPL phức tạp (đk đơn giản và cần nhiều đk)
- Căn cứ kết quả tác động của SKPL đối với QHPL: SKPL phát sinh– SKPL thay đổi– SKPL chấm dứt
- Phổ biến nhất là cách phân loại căn cứ theo tiêu chuẩn ý chí, SKPL được chia thành sự biến và hành vi.





## 4.8 THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

### 4.8.1 Khái niệm

“Thực hiện”: bằng hoạt động làm cho trở thành sự thật

Thực hiện pháp luật: bằng những hành vi cụ thể làm cho pháp luật (quy định pháp luật) trở thành hiện thực trong cuộc sống



### DẤU HIỆU CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT



Hành vi xác định hay xử sự thực tế



Hành vi hợp pháp



Hành vi của chủ thể có năng lực hành vi



## HÀNH VI NÀO SAU ĐÂY LÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT?

A (18 tuổi) kết hôn với B (17 tuổi)

C nộp thuế thu nhập cá nhân

D không đi vào đường ngược chiều

E cố ý gây thương tích cho G

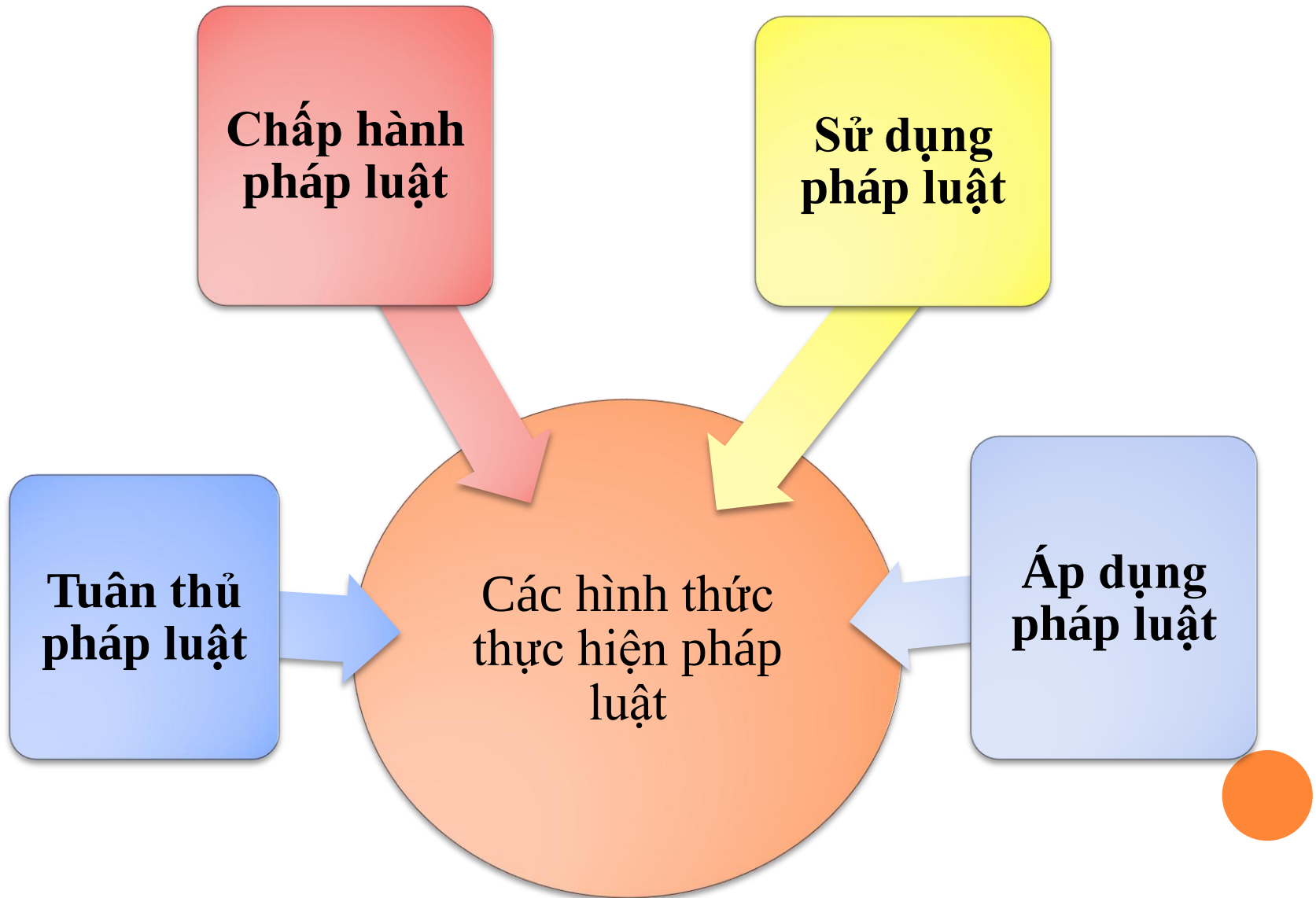
### ĐỊNH NGHĨA



Hành vi thực hiện pháp luật là những xử sự (hành động hoặc không hành động) của các chủ thể pháp luật (các cá nhân, tổ chức) phù hợp với những yêu cầu của các quy phạm pháp luật, có ích cho xã hội, nhà nước và cá nhân.

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có tổ chức mà các chủ thể pháp luật bằng hành vi của mình thực thi các quy định pháp luật trong thực tế đời sống.

## 4.8.2 CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT



### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

- Thực hiện những quy phạm pháp luật mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm

Quy phạm cấm đoán





### SỬ DỤNG PHÁP LUẬT

Thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép

Quy  
phạm  
trao  
quyền



# ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật một cách đầy đủ và nghiêm chỉnh.



# ĐỊNH NGHĨA

Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân có thẩm quyền thực hiện theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa quy phạm pháp luật hiện hành đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức cụ thể trong trường hợp cụ thể



# CÁC TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

## Áp dụng pháp luật

khi quan hệ pháp luật chưa hình thành nếu thiếu sự can thiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

khi có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý mà các chủ thể không tự giải quyết được

khi nhà nước nhận thấy cần kiểm tra hoạt động của các bên tham gia những quan hệ pháp luật quan trọng, liên quan đến lợi ích quốc gia hoặc nhà nước nhận thấy cần thiết phải tham gia vào một số quan hệ pháp luật cụ thể với mục đích kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm đúng đắn của hành vi các chủ thể

Khi có vi phạm pháp luật xảy ra và nhà nước thấy cần áp dụng chế tài (các biện pháp cưỡng chế) đối những cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật

# ĐẶC ĐIỂM CỦA ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

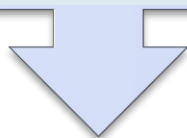
- Chỉ được tiến hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân có thẩm quyền
- Được tiến hành theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định (hình thức, thủ tục áp dụng pháp luật rất chặt chẽ)
- Mang tính quyền lực nhà nước
- Mang tính cá biệt, cụ thể
- Có tính sáng tạo

# TRÌNH TỰ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

## 1. *Xác định đặc trưng pháp lý, tầm quan trọng của những tình tiết cụ thể của sự việc cần giải quyết*

phân tích, làm sáng tỏ những tình tiết của vụ việc, xem xét sự việc có dấu hiệu của hành vi, có phải là sự kiện pháp lý, có cần đến pháp luật để giải quyết hay ko?

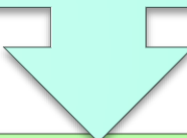
Sau khi xác định được tính chất pháp lý của vụ việc thì chuyển sang giai đoạn thứ hai



## 2. *Lựa chọn quy phạm pháp luật thích hợp để áp dụng và làm sáng tỏ nội dung tư tưởng quy phạm đó*

Xem xét vụ việc xảy ra thuộc đối tượng điều chỉnh của ngành luật nào; lựa chọn quy phạm của ngành luật đó, nghiên cứu phân tích kỹ nội dung quy phạm

đối chiếu nội dung quy phạm với tình tiết, nội dung, thực chất của vụ việc xem đã khớp với nhau chưa, nếu khớp rồi thì chuyển sang giai đoạn 3



## 3. *Soạn thảo và ban hành quyết định áp dụng pháp luật*

Quyết định làm phát sinh quan hệ pháp luật, ấn định quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên tham gia quan hệ pháp luật đó

Quyết định phải được ban hành đúng thẩm quyền, đúng hình thức mà pháp luật đã quy định, nội dung phải rõ ràng, cụ thể, dứt khoát, dễ hiểu



## 4. *Thực hiện quyết định áp dụng pháp luật*

những đối tượng có liên quan được chỉ rõ trong quyết định phải thi hành

Cơ quan ban hành phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện quyết định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng biện pháp cưỡng chế khi cần thiết đối với cá nhân, tổ chức ko tự giác và ko nghiêm chỉnh chấp hành quyết định

# CÁC HÌNH THỨC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TƯƠNG TỰ

## Áp dụng pháp luật tương tự

### Áp dụng tương tự quy phạm pháp luật:

Là việc lựa chọn quy phạm có hiệu lực pháp luật làm căn cứ pháp lý để giải quyết một vụ việc cụ thể nảy sinh chưa được dự kiến trước nhưng có dấu hiệu tương tự với một vụ việc khác được quy phạm pháp luật này trực tiếp điều chỉnh

### Áp dụng tương tự pháp luật (hay tương tự luật):

Là việc sử dụng những nguyên tắc pháp lý và dựa vào ý thức pháp luật để giải quyết một vụ việc cụ thể mà chưa có quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh và cũng ko thể áp dụng tương tự quy phạm pháp luật



# ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TƯƠNG TỰ

## Điều kiện chung

- Vụ việc mang tính chất pháp lý
- ko có quy phạm pháp luật nào trực tiếp điều chỉnh.
- Tìm ra được quy phạm điều chỉnh vụ việc giống với vụ việc đang cần giải quyết hoặc các nguyên tắc cơ bản của pháp luật
- Người áp dụng pháp luật có kiến thức pháp luật, kinh nghiệm sống phong phú

## Điều kiện riêng

Đối với áp dụng tương tự quy phạm pháp luật: phải xác định được quy phạm pháp luật điều chỉnh trong trường hợp đã dự kiến có nội dung gần giống với vụ việc mới nảy sinh

Đối với áp dụng tương tự pháp luật: phải xác định là ko có quy phạm pháp luật điều chỉnh vụ việc tương tự với vụ việc cần giải quyết

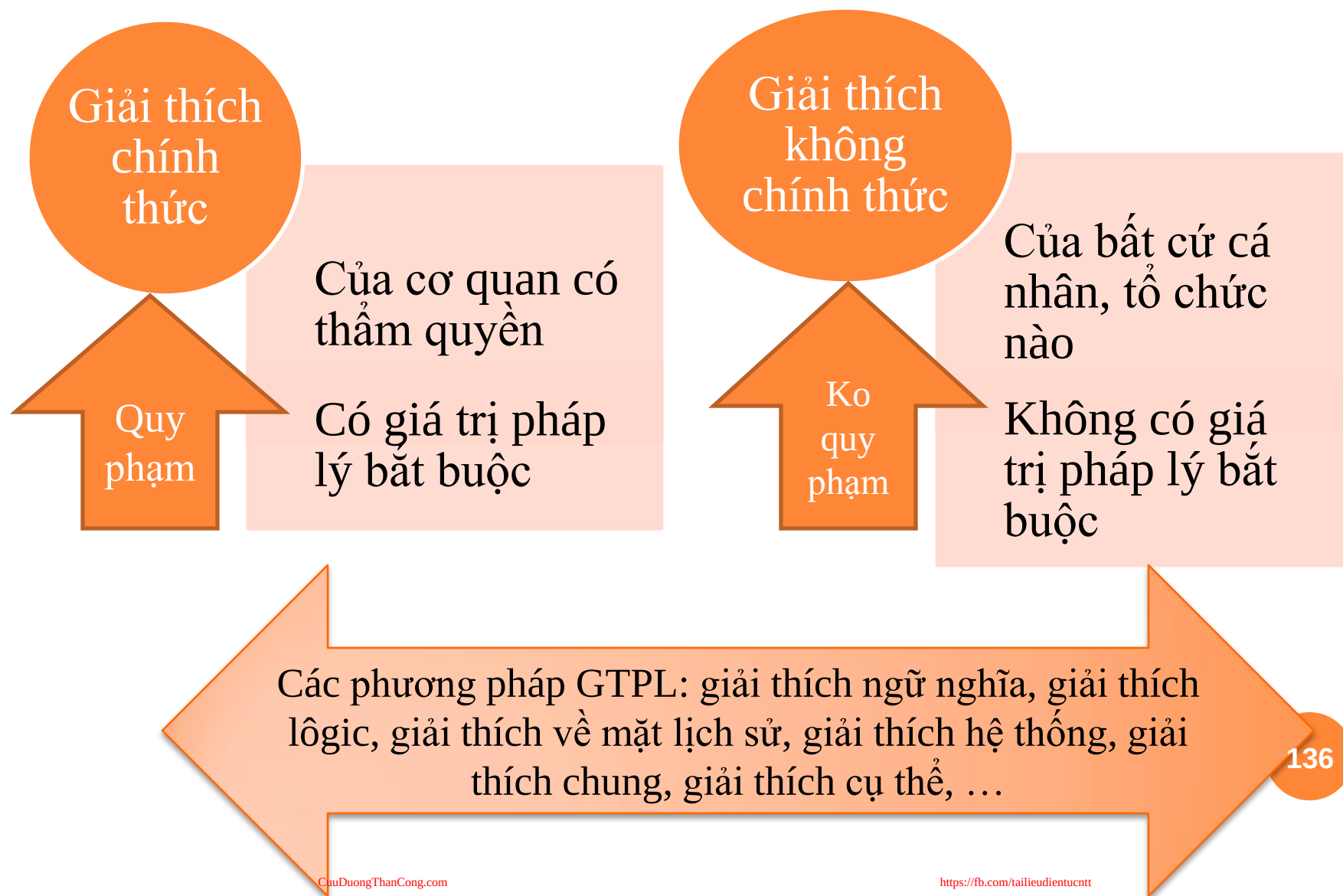
### 4.8.3 GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT

Là làm sáng tỏ nội dung và tư tưởng của các quy phạm pháp luật để mọi người nhận thức pháp luật thống nhất, từ đó thực hiện pháp luật thống nhất

- Gắn với thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản
- Bao hàm việc phải làm rõ các từ ngữ, cách hiểu thống nhất để vận dụng đúng đắn trong khi thi hành pháp luật



# HÌNH THỨC GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT



# THẨM QUYỀN GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT



- UBTVQH là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải thích pháp luật. Giúp việc cho UBTVQH có Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; Ban công tác lập pháp



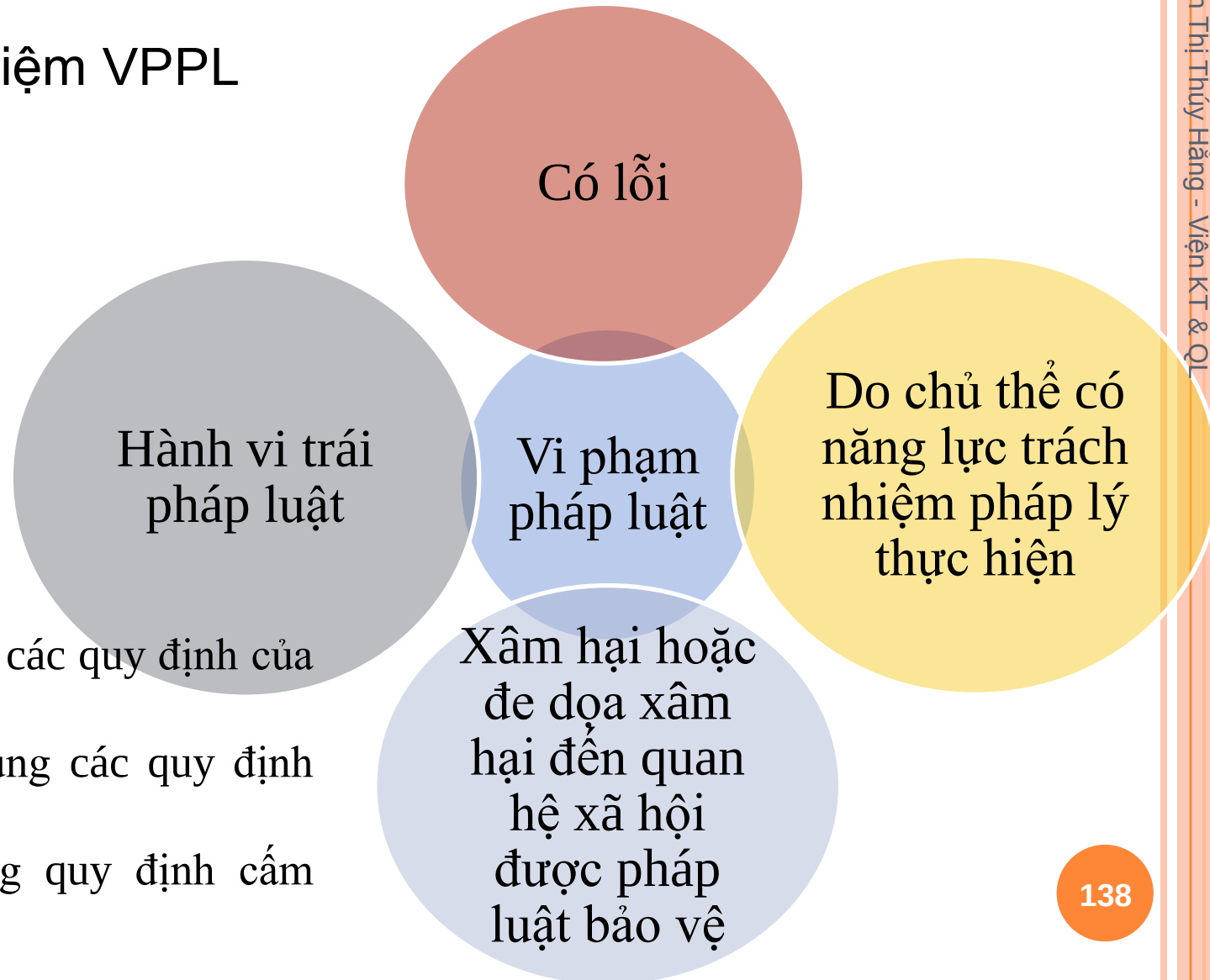
Tòa án

Cơ quan  
ban hành  
VBQPPL



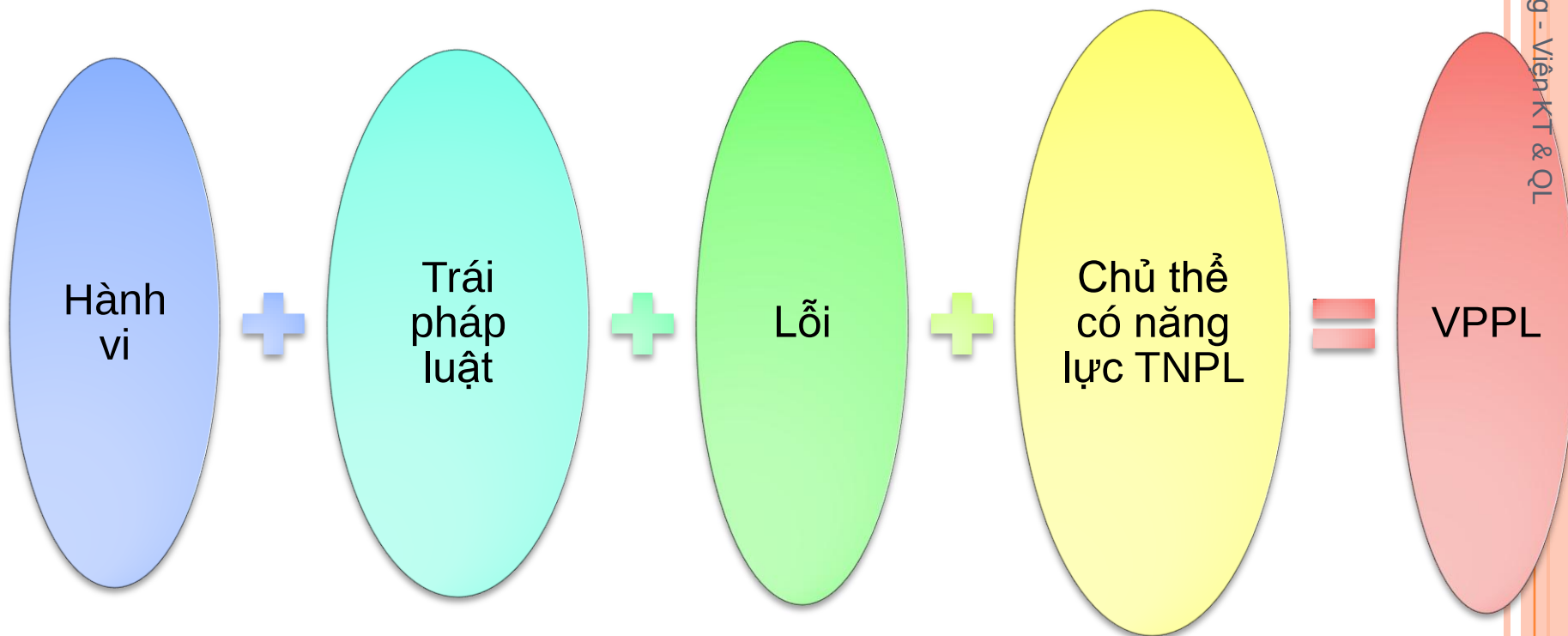
## 4.9 VI PHẠM PHÁP LUẬT & TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

### 4.9.1 Khái niệm VPPL

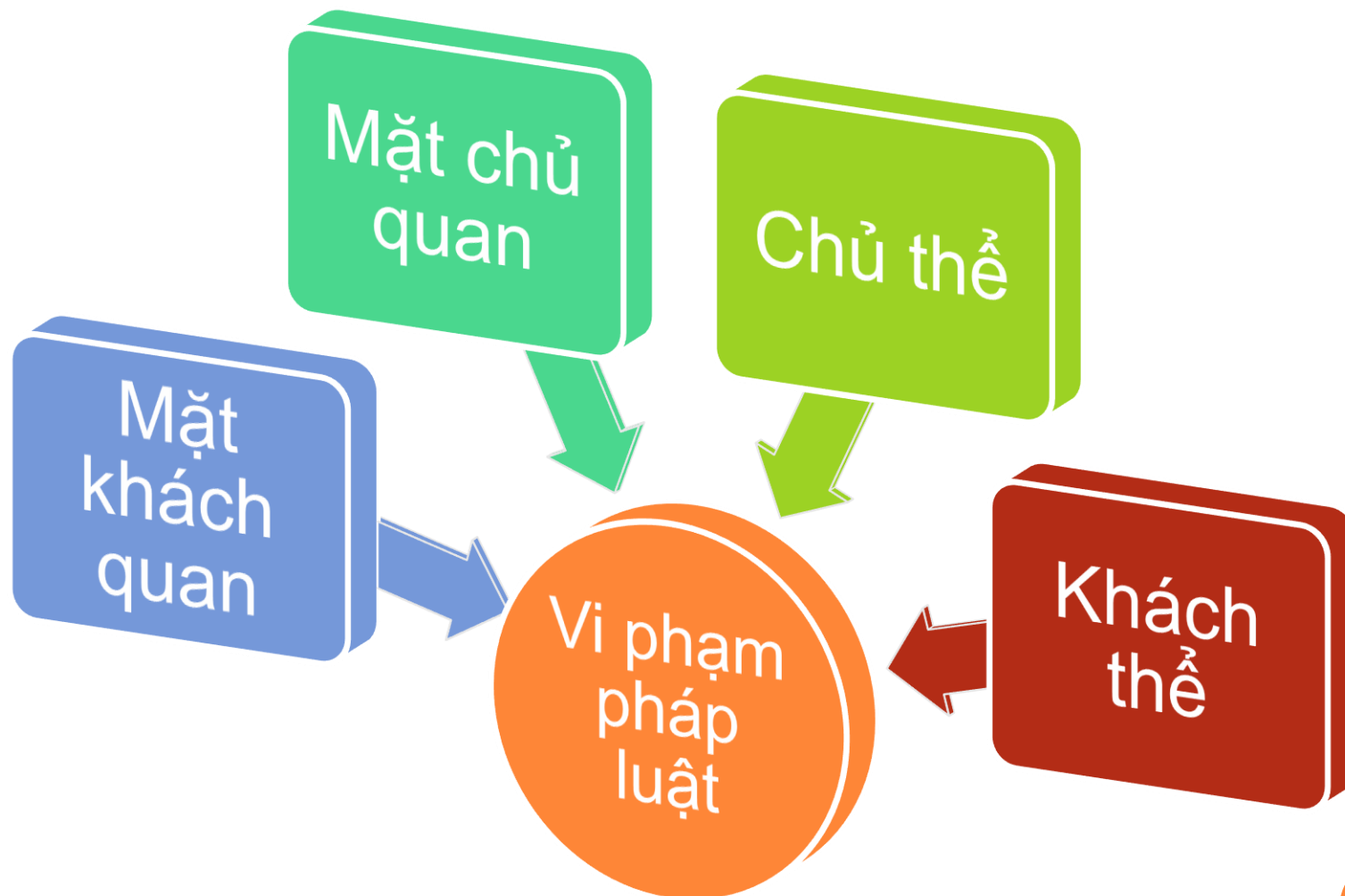


- Không thực hiện các quy định của pháp luật
- Thực hiện không đúng các quy định của pháp luật
- Thực hiện những quy định cấm của pháp luật

# CÁC DẤU HIỆU CỦA VPPL



## 4.9.2 CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VPPL





# MẶT KHÁCH QUAN CỦA VPPL

LÀ NHỮNG BIỂU HIỆN RA BÊN NGOÀI CỦA VPPL MÀ CON NGƯỜI CÓ THỂ NHẬN THỨC ĐƯỢC BẰNG TRỰC QUAN SINH ĐỘNG

## 1. Hành vi

- trái pháp luật,
- thể hiện dưới dạng hành động hoặc ko hành động,
- gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội

## 2. Hậu quả

- sự thiệt hại cho xã hội: là những tổn thất thực tế về mặt vật chất, tinh thần mà xã hội phải gánh chịu
- hoặc nguy cơ tất yếu xảy ra thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần nếu hành vi trái pháp luật ko được ngăn chặn kịp thời

## 3. Quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả

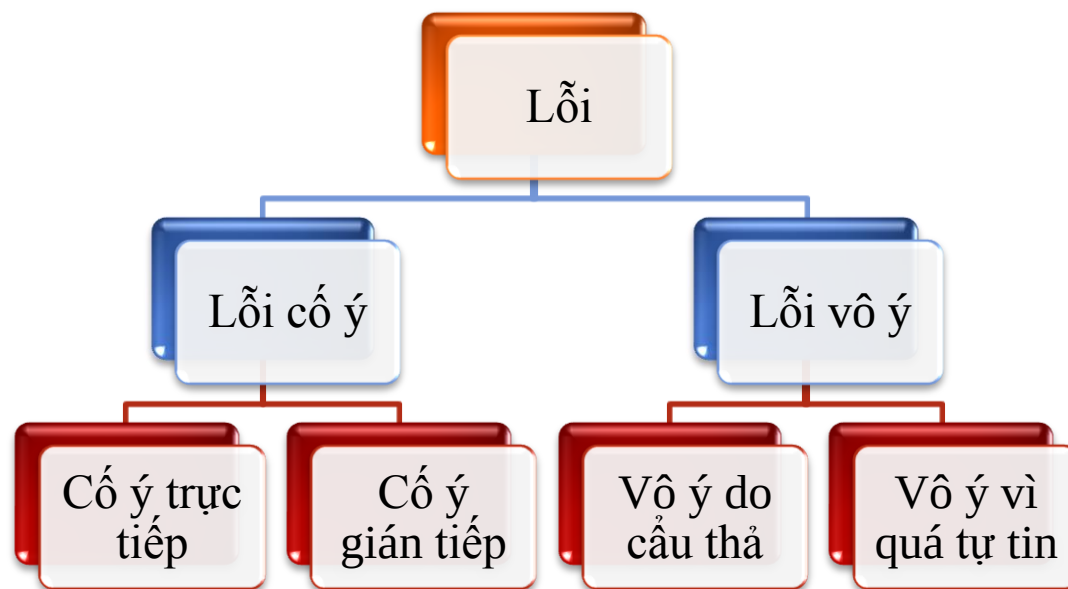
- Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp phát sinh hậu quả, sự thiệt hại của xã hội đóng vai trò là kết quả tất yếu

Ngoài ra: thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm, công cụ thực hiện hành vi vi phạm, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm...

# MẶT CHỦ QUAN CỦA VPPL

## LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÝ BÊN TRONG CỦA CHỦ THỂ VI PHẠM PHÁP LUẬT

1. **Lỗi:** trạng thái tâm lý phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra



2. **Động cơ:** nguyên nhân bên trong thôi thúc chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật
3. **Mục đích:** kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm

## CHỦ THỂ

Cá nhân + tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý

Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước Nhà nước

## KHÁCH THỂ

- Những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại
- Tính chất của khách thể bị xâm hại phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật

Phân biệt khách thể quan hệ pháp luật và khách thể vi phạm pháp luật

CĂN CỨ VÀO TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ NGUY HIỂM CHO XÃ HỘI

| Loại vi phạm                                                                 | Đối tượng bị vi phạm                                                                        | Chủ thể               | Hậu quả                          |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| Vi phạm hình sự<br>(Mức độ nguy hiểm cho xã hội cao)                         | Độc lập, chủ quyền, tính mạng, sức khỏe tài sản...<br>(được quy định trong Bộ luật hình sự) | Cá nhân               | Án tích                          |
| Vi phạm hành chính<br>(mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn so với tội phạm) | Quy tắc quản lý nhà nước<br>(quy định trong pháp luật hành chính)                           | Cá nhân, tổ chức      | Ko phải chịu án tích             |
| Vi phạm dân sự                                                               | Quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân chủ yếu được quy định trong (Bộ luật dân sự)             | Cá nhân, tổ chức      | Thường phải bồi thường thiệt hại |
| Vi phạm kỷ luật                                                              | Quy tắc xác lập trật tự trong các tổ chức                                                   | Cá nhân trong tổ chức | Chịu các hình thức kỷ luật       |

## 4.9.3 TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

### KHÁI NIỆM

Hiểu theo nghĩa tích cực: là bổn phận, nghĩa vụ, thái độ tích cực và vai trò của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện pháp luật

Hiểu theo nghĩa tiêu cực: là sự gánh chịu hậu quả bất lợi về vật chất hoặc tinh thần của chủ thể vi phạm pháp luật do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định đối với chủ thể ấy

Trách nhiệm pháp lý là một loại quan hệ pháp luật đặc biệt phát sinh giữa nhà nước và chủ thể vi phạm pháp luật. trong đó, nhà nước thông qua các chủ thể có thẩm quyền (cơ quan, cá nhân) áp dụng các biện pháp cưỡng chế được quy định ở chế tài của quy phạm pháp luật đối với chủ thể vi phạm pháp luật. Chủ thể này có nghĩa vụ phải gánh chịu những hậu quả bất lợi do hành vi của mình gây ra

# TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

## ĐẶC ĐIỂM

- Cơ sở thực tế là vi phạm pháp luật. Nghĩa là TNPL chỉ áp dụng khi có vi phạm pháp luật xảy ra
- Cơ sở pháp lý là văn bản áp dụng pháp luật có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quyết định do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành trên cơ sở xem xét, giải quyết vụ việc vi phạm đã có hiệu lực pháp luật
- Gắn liền với biện pháp cưỡng chế của Nhà nước: Mang tính chất trừng phạt hoặc khôi phục lại những quyền và lợi ích bị xâm phạm và đồng thời được áp dụng chỉ trên cơ sở những quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền
- Được áp dụng theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định
- Việc áp dụng có mục đích rõ ràng, cụ thể: trừng phạt, giáo dục, răn đe chủ thể vi phạm



## PHÂN LOẠI TNPL

### TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC LOẠI VPPL

| <b>Loại TNPL</b> | <b>Đối tượng áp dụng</b> | <b>Chủ thể áp dụng</b>          | <b>Hình thức</b>                                                                                                                                                        |
|------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TN hình sự       | Tội phạm                 | Tòa án                          | Hình phạt<br>- HP chính: cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất, tử hình,...<br>- HP bổ sung: quản chế, giáo dục...                                                             |
| TN hành chính    | Cá nhân, tổ chức         | Chủ thể có thẩm quyền tiến hành | Xử phạt<br>- XP chính: cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất...<br>- BS: tịch thu tang vật, tịch thu dụng cụ để thực hiện HVVP, quản chế hành chính, giáo dục tại xã phường... |
| TN dân sự        | Cá nhân, tổ chức         | Các bên, tòa án, trọng tài      | Bồi thường, đình chính, xin lỗi                                                                                                                                         |
| TN kỷ luật       | Cá nhân trong tổ chức    | Đại diện hợp pháp của tổ chức   | Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, hạ bậc lương, đình chỉ công tác, thôi việc                                                                                            |

## TÌNH HUỐNG

- - Chị Thanh (40 tuổi, không chồng), có quan hệ với anh Lê Mạnh H (đã có vợ), và sinh được một đứa con (cháu Minh). Sau khi chấm dứt quan hệ với anh H, chị luôn bị một người tên Đỗ Thị Kim Duân (43 tuổi) - vợ của H, gọi điện thoại chửi mắng.
  - Ngày 06/11/2009, Duân đến nhà chị Thanh (Đông Anh, Hà Nội). Tại đây, Duân xin được bế đứa trẻ, chị Thanh đồng ý. Lấy cớ nghe điện thoại, Duân bế cháu xuống bếp và dùng chiếc kim khâu lớp dài 7cm mang theo đâm vào đỉnh thóp đầu cháu. Sợ bị phát hiện, Duân lấy mũ đập vết đâm lại, nhưng máu chảy quá nhiều, cháu khóc thét lên nên bị mọi người phát hiện. Sau khi đưa đi cấp cứu, cháu Minh (40 ngày tuổi) qua đời.
  - Duân (sinh năm 1974, Đông Anh, Hà Nội) không có bệnh về thần kinh, chưa có tiền án, là một người làm ruộng.
- *Câu hỏi:*  
Phân tích cấu thành của VPPL trên?

# DẠNG BÀI TẬP XÁC ĐỊNH CẤU THÀNH TỘI PHẠM

**a. Mặt khách quan:** sinh viên phải chỉ ra được các yếu tố sau:

- Hành vi phạm tội (hành vi khách quan): miêu tả cụ thể hành vi
- Hậu quả của hành vi đó
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi với hậu quả xảy ra: nếu tình huống đã rõ ràng sinh viên chỉ cần nhấn mạnh lại là việc hậu quả xảy ra nêu trên là do hành vi khách quan gây ra...

**b. Mặt chủ quan:** sinh viên phải chỉ ra được các yếu tố sau:

- Lỗi của chủ thể khi thực hiện hành vi: xác định là lỗi (là cố trực tiếp hay cố ý gián tiếp; vô ý vì quá tự tin hay vô ý do cẩu thả). Trường hợp tình tiết đưa ra không đủ để phân tích sâu hơn thì chỉ cần xác định là lỗi cố ý hay vô ý.
- Mục đích, động cơ vi phạm

**c. Chủ thể:** sinh viên phải chỉ ra được các yếu tố sau:

Chủ thể là cá nhân thực hiện hành vi phạm tội ( phải đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định và là người thực hiện hành vi phạm tội)

**d. Khách thể:** sinh viên phải chỉ ra mối quan hệ xã hội mà bị hành vi trái pháp luật xâm hại tới mà được pháp luật hình sự bảo vệ.

## 4.10 Ý THỨC PHÁP LUẬT & PHÁP CHẾ

### ○ 4.10.1 Ý THỨC PHÁP LUẬT

Định nghĩa

YTPL là tổng thể những tư tưởng, tình cảm, thái độ, học thuyết của con người về vấn đề pháp luật trong quá khứ, hiện tại, tương lai cũng như hành vi xử sự của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và mọi công dân

## 4.10.1 Ý THỨC PHÁP LUẬT

### ĐẶC ĐIỂM

#### YTPL có mối quan hệ biện chứng với tồn tại xã hội

- Với tính cách là một hình thái ý thức xã hội, ý thức pháp luật chịu sự quyết định của tồn tại xã hội
- YTPL có tính độc lập tương đối với tồn tại xã hội, cụ thể:
  - - YTPL thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội
  - - Trong những trường hợp nhất định, YTPL thể hiện tính tiên phong của mình hay tính vượt trước so với tồn tại xã hội
  - - Ý thức pháp luật phản ánh tồn tại xã hội có tính kế thừa
- Ý thức pháp luật tác động trở lại đối với tồn tại xã hội., là động lực thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của các sự vật hiện tượng

#### YTPL là hiện tượng mang tính giai cấp

- Mỗi quốc gia chỉ có một hệ thống pháp luật, nhưng tồn tại một số hình thái ý thức pháp luật: Có ý thức pháp luật của giai cấp thống trị, ý thức pháp luật của các giai cấp bị trị, của các tầng lớp trung gian
- hiểu biết, thái độ của các giai cấp đối với pháp luật là khác nhau và thông thường chỉ có ý thức pháp luật của giai cấp cầm quyền mới được phản ánh trong pháp luật

#### YTPL thể hiện tính dân tộc sâu sắc

# CẤU TRÚC CỦA YTPL

Căn cứ vào nội dung, tính chất của các bộ phận hợp thành

## Tư tưởng pháp luật

là tổng thể những tư tưởng, quan điểm, phạm trù, khái niệm, học thuyết về pháp luật, tức là mọi vấn đề lý luận về pháp luật, về thượng tầng kiến trúc pháp lý của xã hội

## Tâm lý pháp luật

được thể hiện qua thái độ, tình cảm, tâm trạng, xúc cảm đối với pháp luật và các hiện tượng pháp lý khác, được hình thành một cách tự phát thông qua giao tiếp và dưới tác động của các hiện tượng pháp lý, phản ứng một cách tự nhiên của con người đối với các hiện tượng đó

Căn cứ vào cấp độ giới hạn của sự nhận thức

## YTPL thông thường

là kinh nghiệm của chủ thể về PL, chỉ phản ánh đc các mối liên hệ bên ngoài của PL mà chưa phản ánh đc bản chất của PL

## YTPL mang tính lý luận

là hệ thống các học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm về PL, phản ánh được mối liên hệ bên trong, bản chất của pháp luật

Căn cứ vào chủ thể

**YTPL xã hội:** là ý thức của bộ phận tiên tiến trong XH, phản ánh xu thế phát triển của XH

**YTPL nhóm:** là YTPL của 1 nhóm người (cùng nghề nghiệp, cùng lợi ích...)

**YTPL cá nhân:** là ý thức pháp luật của mỗi người

# TỰ NGHIÊN CỨU

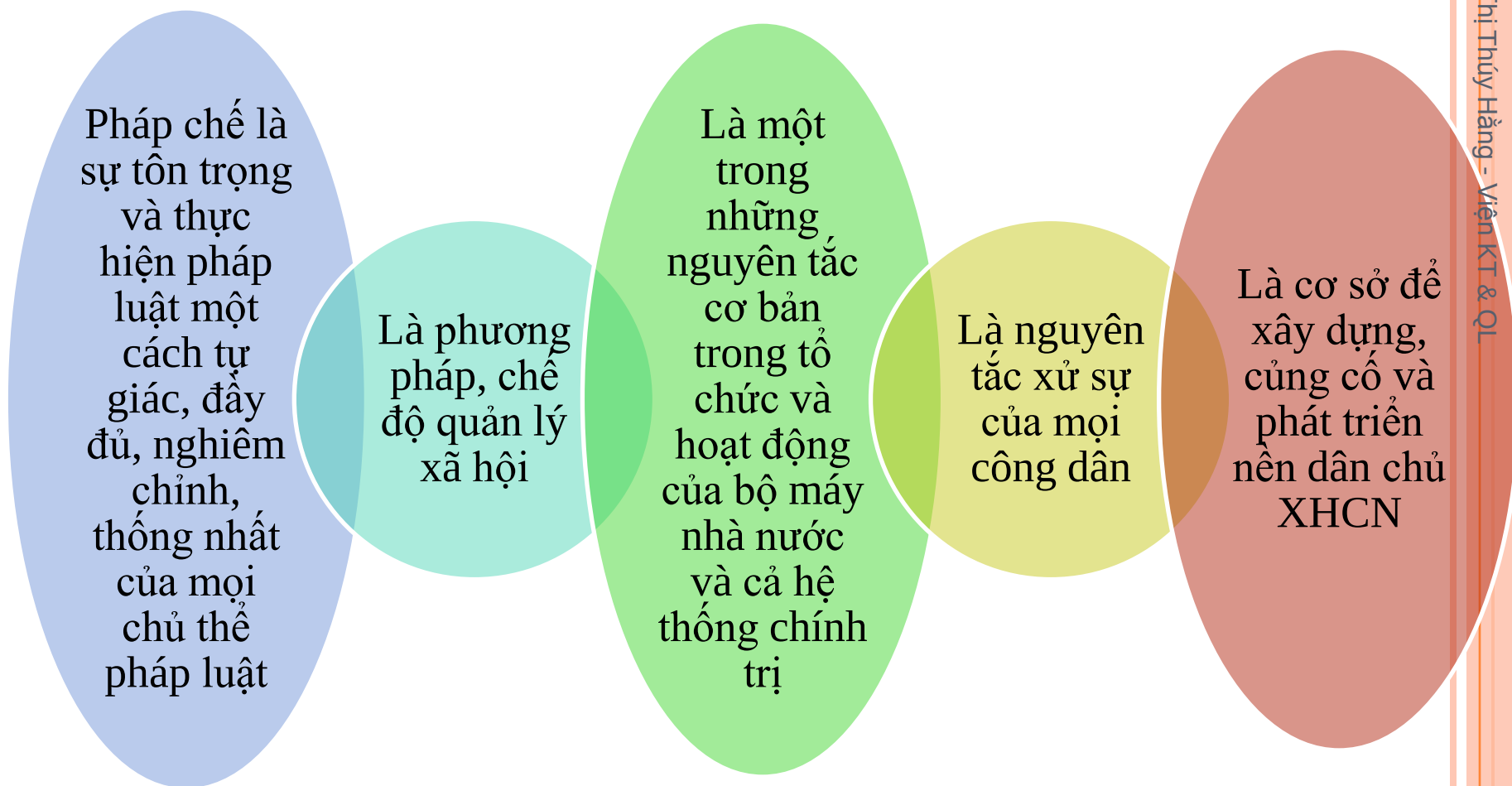
## 1. Mối quan hệ giữa YTPL và pháp luật:

- Sự tác động của YTPL đối với PL:
- ✓ YTPL là tiền đề tư tưởng trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện pháp luật
- ✓ YTPL góp phần nâng cao việc thực hiện pháp luật
- ✓ YTPL là đảm bảo cho hoạt động áp dụng pl đúng đắn, khách quan
- Ngược lại, PL là cơ sở để hình thành, củng cố và nâng cao YTPL.

## 2. Các biện pháp giáo dục nâng cao ý thức pháp luật



## 4.10.2 PHÁP CHẾ



**có pháp luật rồi mới có pháp chế - pháp luật là tiền đề của pháp chế.**

# CÁC NGUYÊN TẮC CỦA PHÁP CHẾ

1

- Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế, tính tối cao của hiến pháp và các đạo luật

2

- Mọi chủ thể đều có nghĩa vụ phải chấp hành pháp luật, bình đẳng trước pháp luật

3

- Phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nhanh chóng, công minh mọi vi phạm pháp luật... tức là pháp chế phải nghiêm minh

4

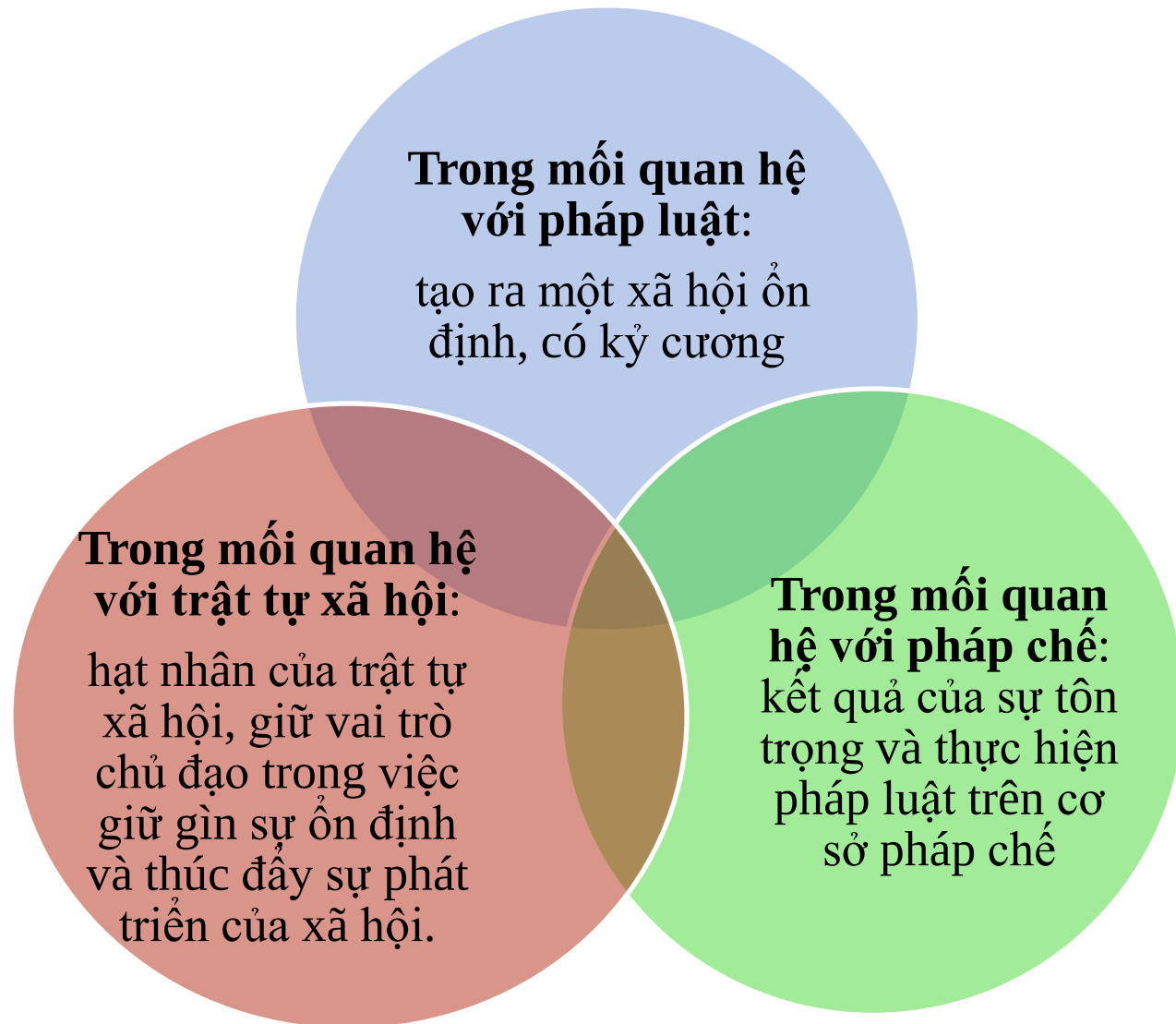
- Thiết lập cơ chế để công dân thực hiện các quyền tự do đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ các quyền tự do đó trước các vi phạm

5

- Tính thống nhất của pháp chế phù hợp hài hoà với tính hợp lý

### 4.10.3

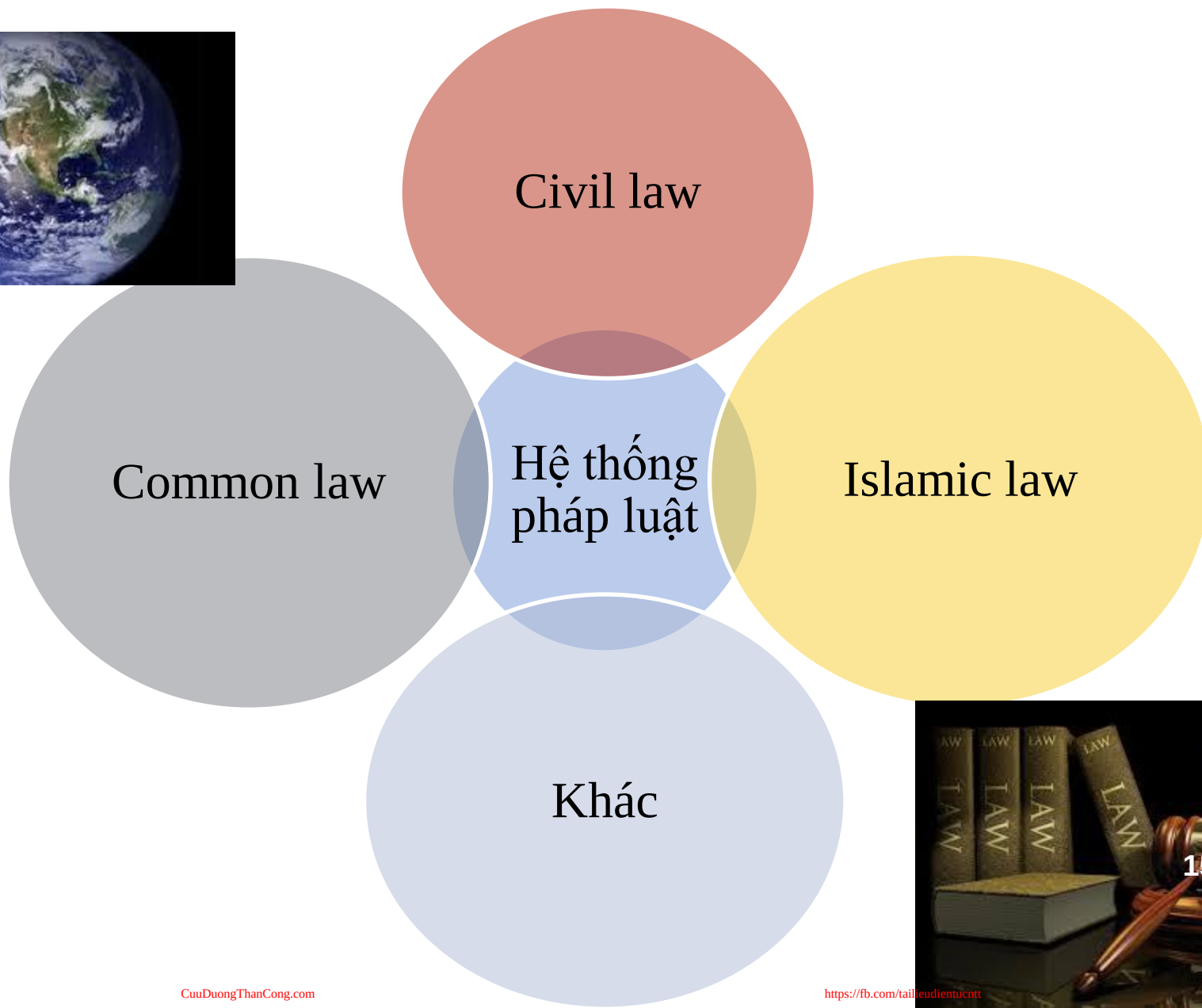
## TRẬT TỰ PHÁP LUẬT



## CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

- Các hệ thống pháp luật trên thế giới
- Hệ thống pháp luật Việt Nam

## 5.1 CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI



# CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI



Dân luật



Thông luật



Luật Hồi giáo



Hỗn hợp giữa dân luật và thông luật

## 5.1.1. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ANH – MỸ (THÔNG LUẬT/ LUẬT CHUNG - COMMON LAW)

- Ra đời ở Anh, sau phát triển ở Mỹ và những nước là thuộc địa của Anh, Mỹ trước đây
- Hệ thống pháp luật phát triển từ tập quán, coi trọng tiền lệ.





# NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH

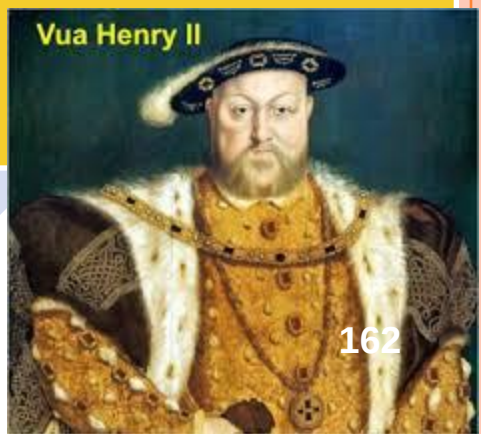


1066  
khi người  
Normans  
xâm chiếm  
Anh quốc

Hoàng đế William  
bắt đầu tập trung  
quyền lực vào tay  
triều đình mới

Thuật ngữ  
“Common  
Law” xuất  
hiện

Sưu tầm, chọn lọc án lệ  
dưới thời vua Henry II

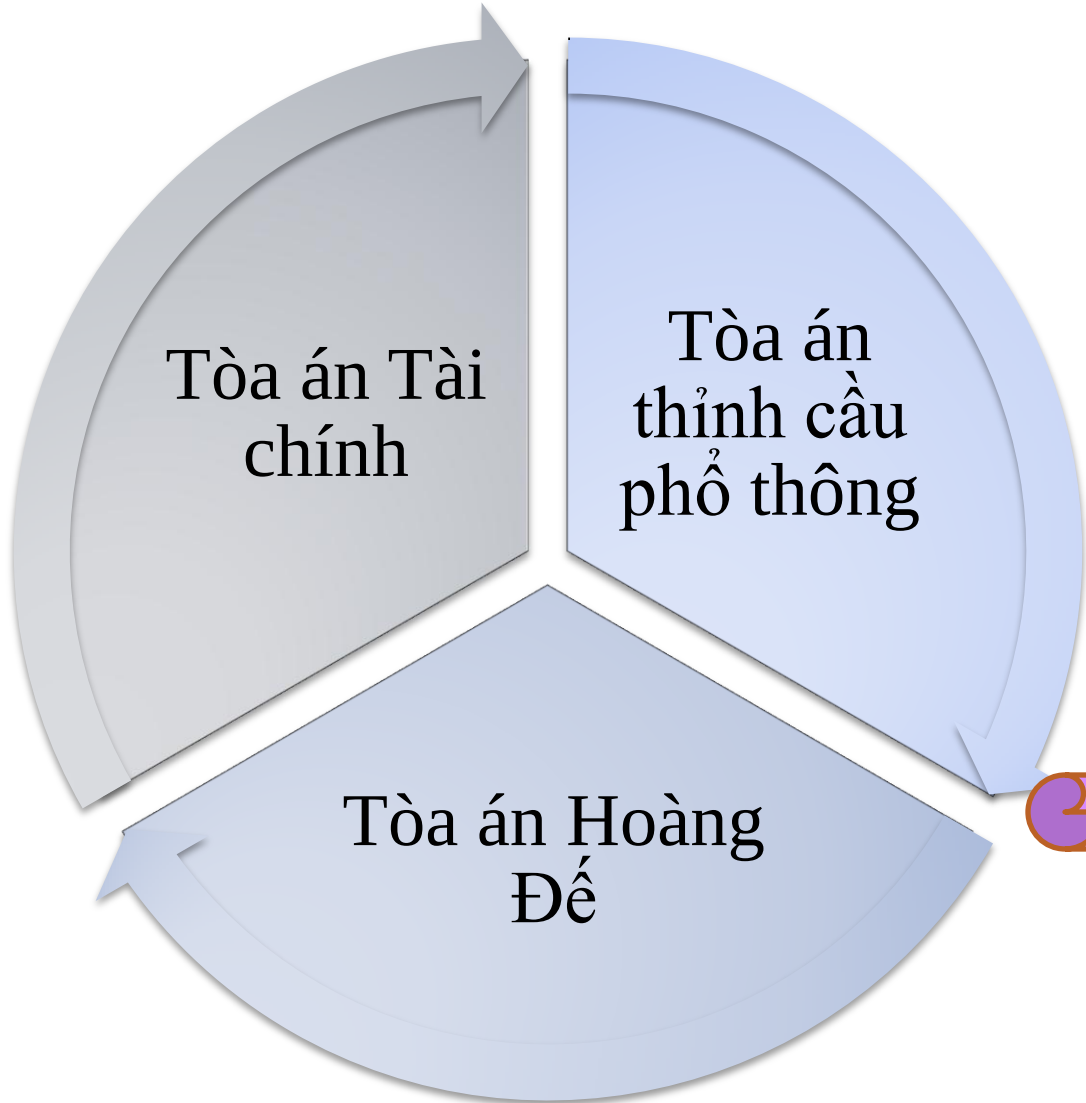


Duy trì tập  
quán pháp  
của Anh

Tòa án là  
những người  
dân được  
triệu tập

Phương  
pháp  
thủ tội

CÁC NGUYÊN TẮC BỀN VỮNG CỦA LUẬT CHUNG ĐÃ ĐƯỢC TẠO RA BỞI  
BA TÒA ÁN ĐƯỢC VUA HENRY II THÀNH LẬP



Lưu ý:  
Nguyên tắc  
căn bản của  
luật chung: sự  
tối thượng của  
pháp luật!

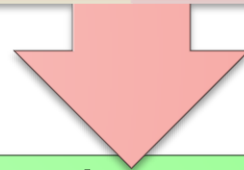


# EQUITY LAW

Common law cứng rắn, kém linh hoạt do quá phụ thuộc vào án lệ

Không thích nghi được với những tình huống phức tạp mới mẻ

Cách giải quyết chưa thỏa đáng



Thế kỷ XV

Xuất hiện hệ thống pháp luật công bằng/ lẽ công bằng tự nhiên (Equity law)

Áp dụng khi Common law ko có

Thiết chế Tòa công bằng



Thế kỷ XIX

Ban hành Bộ luật tố tụng dân sự Mỹ (1848) và Đạo luật Tư pháp ở Anh (1873)

Thủ tục kiện tụng chung

Kết hợp Common law với Equity law

# NGUỒN LUẬT

Án lệ - nguồn chính

Lẽ phải – nguồn đặc thù

Luật thành văn

Các loại nguồn khác: tập quán pháp, học thuyết pháp lý....



# COMMON LAW

- Hiểu theo 3 nghĩa:

Một hệ thống pháp luật lớn trên thế giới dựa trên truyền thống hệ thống pháp luật của Anh

Trên phương diện nguồn luật, án lệ (Case law) của Common Law được tạo ra bởi tòa án, phân biệt với đạo luật của Nghị viên

Trên phương diện hệ thống Tòa án, Tòa án và các án lệ của Common Law cũng khác biệt với Tòa án và các án lệ của Equity Law

## 5.1.2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÂU ÂU LỤC ĐỊA (DÂN LUẬT – CIVIL LAW)

Hình thành và  
phát triển:  
thế kỷ XIII -  
XVIII

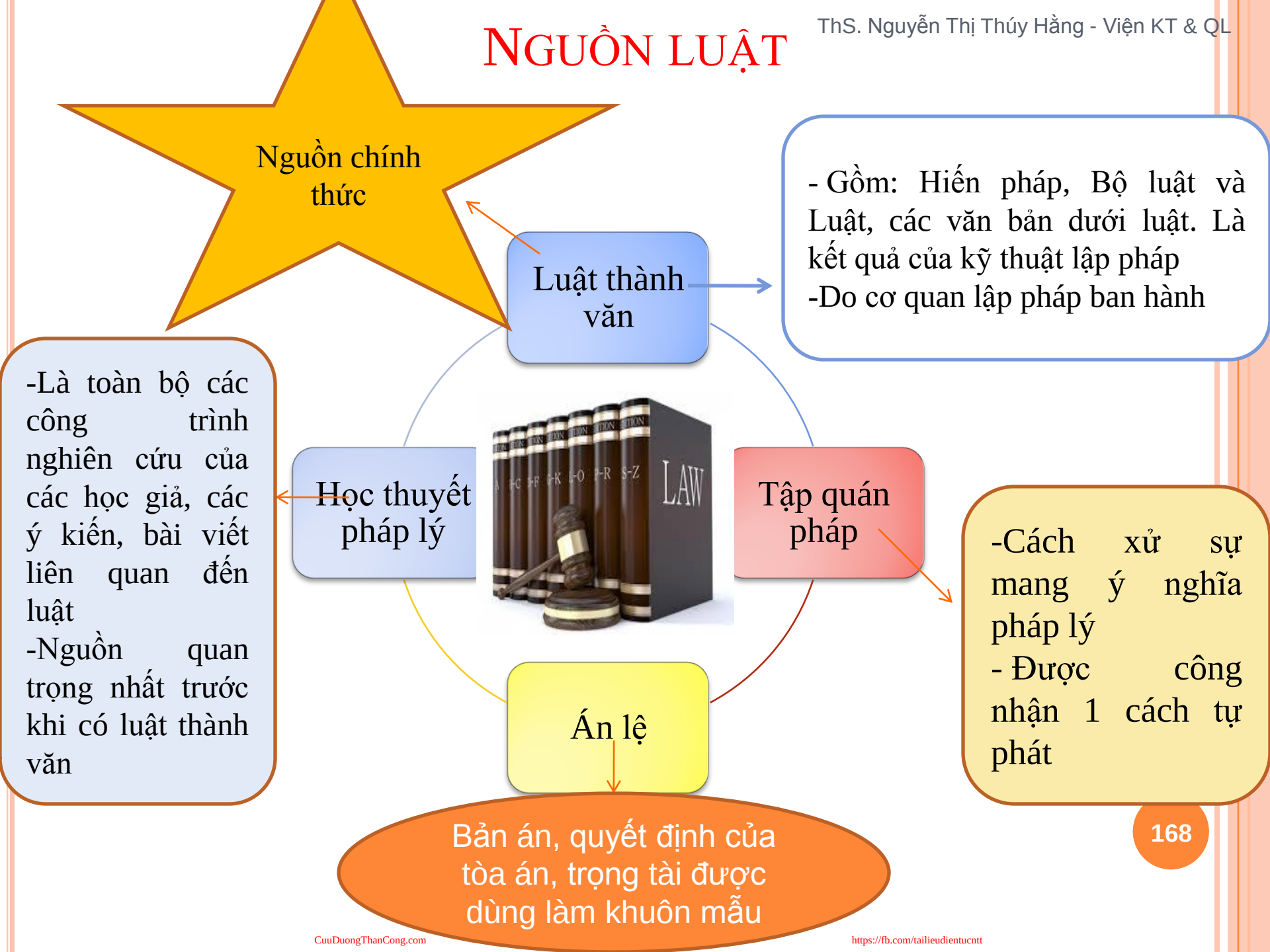
- Luật La Mã được thay thế bằng luật bộ tộc Đức. Tuy nhiên Luật La Mã vẫn được duy trì
- Giải thích, hiện đại hóa những nội dung của Bộ dân luật Corpus Juris Civilis
- Truyền bá và đào tạo luật

Pháp điển hóa:  
thế kỷ XIX

- Thời kỳ cuối cùng hình thành pháp luật chung
- Điều kiện: có 1 thể chế chính trị chung ở 1 nước lớn; người cầm đầu có tư tưởng tiên bộ và bành trướng
- Pháp: Bộ luật Dân sự năm 1804 (BLDS Napoleon); Bộ luật tổ tụng dân sự 1806, Bộ luật thương mại 1807,...
- Đức: Pháp điển hóa chậm và không trọn vẹn.: Bộ luật dân sự được thông qua năm 1896

# NGUỒN LUẬT

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Viện KT & QL





# PHÂN LOẠI PHÁP LUẬT

## Luật công

- Điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước với công dân hoặc giữa các cơ quan nhà nước với nhau trong quá trình thực hiện công quyền, hướng đến lợi ích công
- Luật Hiến pháp, Luật hành chính

## Luật tư

- Điều chỉnh mối quan hệ giữa các tư nhân, hướng đến lợi ích tư
- Luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật thương mại, Luật lao động,...



# PHÂN BIỆT COMMON LAW VÀ CIVIL LAW

| Tiêu chí                     | Common law                                                                                                                                                                                        | Civil law                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguồn luật                   | Chủ yếu là án lệ                                                                                                                                                                                  | Chủ yếu là luật thành văn                                                                                                                                                                  |
| Tính chất pháp điển hóa      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan niệm: luật pháp được hình thành từ tục lệ</li> <li>- Cụ thể, phù hợp với sự phát triển các quan hệ xã hội</li> <li>- Khó phân chia</li> </ul>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan niệm: luật pháp phải từ các chế định cụ thể</li> <li>- Khái quát hóa, ổn định cao</li> <li>- Chia thành luật công và luật tư</li> </ul>      |
| Thủ tục tố tụng              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ tụng tranh tụng</li> <li>- Tòa án được coi là cơ quan làm luật lần thứ hai, sáng tạo ra án lệ</li> </ul>                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ tụng thẩm vấn/ tố tụng viết</li> <li>- Chỉ có Nghị viện mới có quyền lập pháp, Tòa án chỉ là cơ quan áp dụng pháp luật</li> </ul>              |
| Vai trò luật sư và thẩm phán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sư, thẩm phán rất được coi trọng</li> <li>- Thẩm phán hầu hết được chọn từ những luật sư danh tiếng, được quyền sáng tạo luật khi xét xử</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sư ít được coi trọng</li> <li>- Thẩm phán được đào tạo theo một quy trình riêng, chỉ tiến hành xét xử mà không được sáng tạo luật</li> </ul> |

## 5.1.3 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HỒI GIÁO (ISLAMIC LAW)

- Đạo Hồi là 1 trong 3 tôn giáo lớn nhất trên thế giới
- Một quốc gia thuộc hệ thống luật hồi giáo phải thỏa mãn:
  - ✓ Đạo Hồi là quốc đạo của quốc gia
  - ✓ Quốc gia lấy các quy định trong Kinh thánh của Đạo Hồi làm luật
- Hệ thống pháp luật Islamic được gọi là Shari'ah, theo tiếng Ả Rập có nghĩa là “con đường đúng” hoặc là “sự hướng dẫn”

# HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HỒI GIÁO

## NGUỒN PHÁP LUẬT

Kinh Koran

Sunnah (các lời dạy của Tiên tri Muhammad)

Các bài viết của học giả Islamic giải thích và rút ra các quy định từ trong kinh Koran và Sunnah

Các điều được cộng đồng thừa nhận về mặt Pháp lý

## ĐẶC ĐIỂM

1

- Không có sự phân biệt giữa tín điều tôn giáo và quy tắc xử sự của đời sống thực tế

2

- Bao gồm nhiều quy định khó áp dụng vì đã được ghi nhận chủ yếu trong kinh Koran

3

- Rất khó khăn khi giải thích pháp luật

4

- Bao gồm nhiều quy định nghiêm khắc và phân biệt đối xử, đặc biệt là phân biệt giới tính

5

- Không phân chia thành các ngành luật độc lập mà chủ yếu ghi nhận trong Kinh Koran

# NỘI DUNG

## Luật Hình sự

- Tội phạm có thể trả bằng tiền và Tội phạm phải trả bằng thân thể hoặc cuộc sống của mình. Lưu ý các tội chống lại Chúa là tội phạm nặng nhất.

## Luật Dân sự

- Phát triển luật nghĩa vụ. Nghĩa vụ xuất phát từ hợp đồng chia làm 2 loại trên cơ sở có hay không sự chuyển giao (là đối tượng hợp đồng)

## Luật Hôn nhân và gia đình

- Coi người đàn ông có uy thế tuyệt đối trong gia đình

## Luật tố tụng (hình sự và dân sự)

- Tòa án Hồi giáo truyền thống giải quyết các vụ án hình sự và dân sự

## Luật Nhà nước

- Nhà vua nắm trong tay quyền lực chính trị và chỉ bị hạn chế bởi các quy định của Kinh Koran

## BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Nêu khái niệm và phân biệt giữa các ngành luật?
2. Những nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam?



## 5.2 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- **Hệ thống pháp luật** là cơ cấu bên trong của pháp luật, thể hiện sự thống nhất nội tại của các **quy phạm pháp luật** và sự phân chia một cách khách quan các quy phạm pháp luật trong hệ thống ấy thành các **ngành luật** và **chế định pháp luật** phù hợp với tính chất, đặc điểm của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.
- Hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các ngành luật cụ thể.

## 5.2.1 NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

Hiến pháp là một đạo luật cơ bản do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành, quy định việc tổ chức nhà nước, cơ cấu, thẩm quyền các cơ quan nhà nước trung ương và quyền cơ bản của con người. Mọi cơ quan và tổ chức có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp.

Hiến pháp 1946 (9/11/1946) : gồm 7 chương, 70 điều

HP 1959 (HP sửa đổi – 31/12/1959): 10 chương, 112 điều

HP 1980 (18/12/1980): 12 chương, 147 điều

HP 1992 (14/4/1992 – sửa đổi bổ sung 2001): 12 chương, 147 điều

HP 2013 (28/11/2013 – có hiệu lực 1/1/2014): 11 chương, 120 điều

# NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

## ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Đối tượng điều chỉnh: những quan hệ xã hội quan trọng liên quan đến việc tổ chức quyền lực nhà nước.  
Qua việc tổ chức quyền lực nhà nước này mà pháp luật xác lập nên chế độ chính trị.

Phương pháp điều chỉnh:  
Định nghĩa, bắt buộc, quyền uy

# NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

## CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### Chế độ chính trị

- Là hệ thống những nguyên tắc thực hiện quyền lực nhà nước
- Là chế định của Hiến pháp, làm nền tảng cho các chương sau của Hiến pháp như bản chất nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản...

### Chế độ kinh tế

- Những quan hệ kinh tế chủ yếu tạo thành cơ sở kinh tế của nhà nước
- Bao gồm: chính sách phát triển kinh tế, quan hệ về sở hữu, quan hệ sản xuất, quan hệ về tổ chức quản lý nền kinh tế quốc dân....

### Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Quyền: trong lĩnh vực chính trị, tự do cá nhân, trong lĩnh vực văn hóa xã hội
- Nghĩa vụ: bảo vệ tổ quốc, đóng thuế cho nhà nước, tôn trọng hiến pháp và pháp luật

Bộ máy nhà nước; văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ; bảo vệ Tổ quốc

## 5.2.2 NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

Luật Hành chính là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành điều chỉnh những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội khi nhà nước trao quyền thực hiện các chức năng quản lý nhà nước

### Đối tượng điều chỉnh

- Những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động của nhà nước

### Phương pháp điều chỉnh

- mệnh lệnh – phục tùng
- Có thể sử dụng phương pháp thỏa thuận trong 1 số trường hợp

# NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

## CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### Cơ quan hành chính

- Là những bộ phận hợp thành của bộ máy quản lý
- Được thành lập để chuyên thực hiện chức năng quản lý nhà nước (hoạt động chấp hành và điều hành, hoạt động hành pháp)

### Cán bộ công chức

- Làm việc trong cơ quan nhà nước
- Do tuyển dụng, bầu hoặc bổ nhiệm
- Giữ một nghĩa vụ nhất định hoặc tiến hành những hoạt động cụ thể nào đó để phục vụ việc thực hiện 1 chức vụ nhất định
- Do Nhà nước trả lương theo chức vụ hoặc loại hoạt động đó

### Vi phạm hành chính

- Là những hành vi trái pháp luật do các chủ thể của luật hành chính thực hiện 1 cách cố ý hoặc vô ý xâm hại tới các quan hệ xã hội do luật hành chính bảo vệ và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính
- Các hình thức xử lý vi phạm hành chính
- Đối tượng và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính



### 5.2.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

Luật dân sự là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân nhất định trong xã hội

## ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

### Đối tượng điều chỉnh

Quan hệ tài sản: là những quan hệ xã hội gắn liền và thông qua 1 tài sản dưới dạng 1 tư liệu sản xuất, 1 tư liệu tiêu dùng hoặc dịch vụ tạo ra 1 tài sản nhất định

#### Quan hệ nhân thân:

- là những quan hệ xã hội phát sinh từ một giá trị tinh thần (giá trị nhân thân) của 1 cá nhân hay 1 tổ chức và luôn luôn gắn liền với một chủ thể nhất định. Quyền này k dịch chuyển được
- Gồm: liên quan đến tài sản và ko liên quan đến tài sản

### Phương pháp điều chỉnh

Bình đẳng, thỏa thuận

Tự chịu trách nhiệm bằng tài sản

# NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

## NGUỒN VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

### Nguồn

- Hiến pháp 1992
- Bộ luật dân sự 2005
- Các đạo luật và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do các cơ quan nhà nước trung ương ban hành như Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000
- Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
- Một số tập quán quốc tế

### Hệ thống

- **Phần chung** là phần quy định về nhiệm vụ, những nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, xác định địa vị pháp lý của các loại chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự và những vấn đề chung nhất của luật dân sự như vấn đề thời hạn, thời hiệu.
- **Phần riêng** bao gồm những quy phạm pháp luật được sắp xếp thành các chế định pháp luật điều chỉnh từng mặt, từng lĩnh vực cụ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

# NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

## CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### 1. Tài sản và Quyền sở hữu

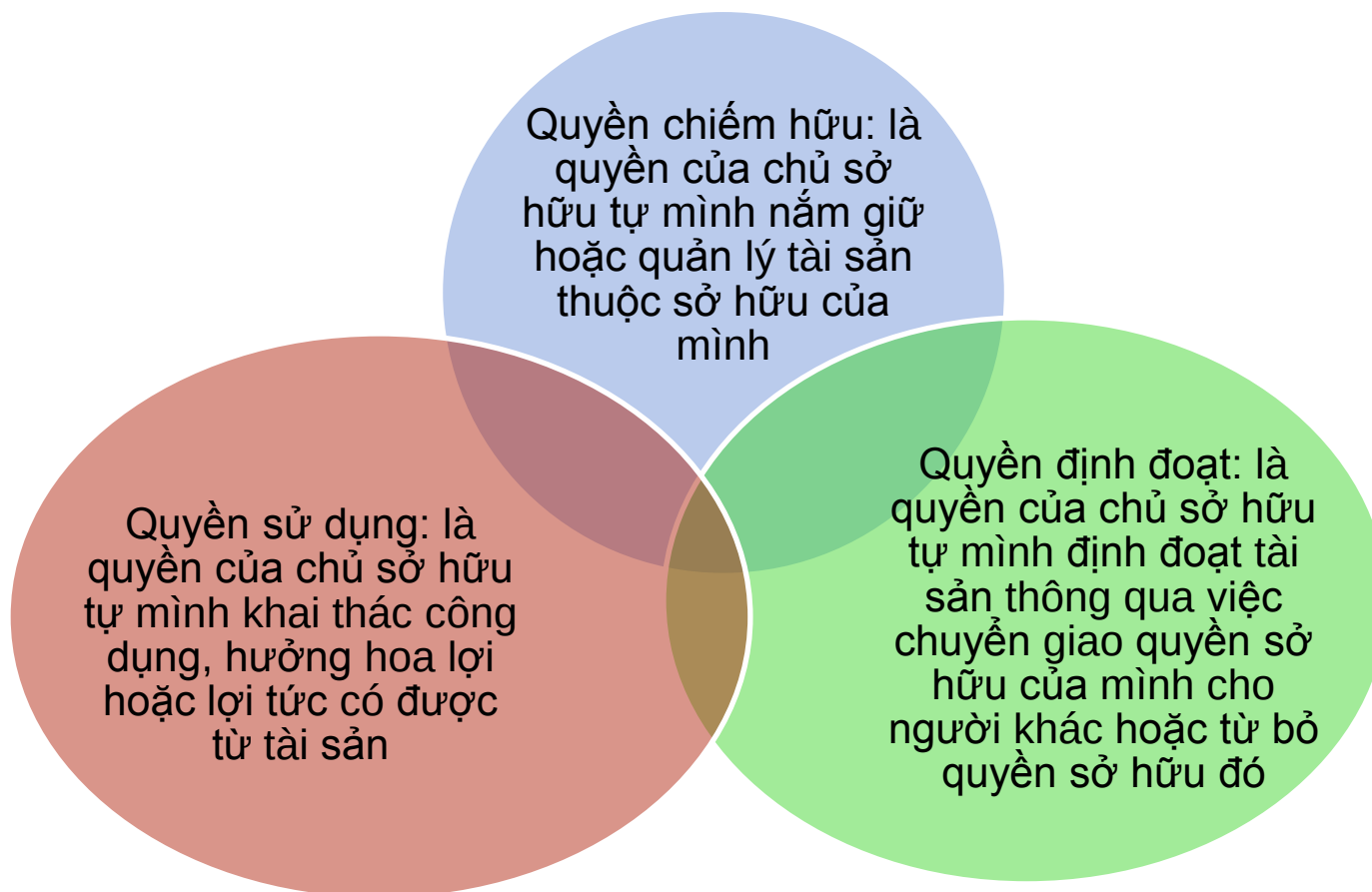
- Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.
- Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ.
- Phân loại tài sản: **Bất động sản** là các tài sản không di, dời được trong không gian bao gồm:
  - Đất đai
  - Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó;
  - Các tài sản khác gắn liền với đất đai;
  - Các loại tài sản khác do pháp luật quy định
- **Động sản** là những tài sản không phải là bất động sản

# NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

## CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### 1. Tài sản và Quyền sở hữu (tiếp)

**Quyền sở hữu** là biểu hiện về mặt pháp lý của các quan hệ sở hữu. Đó là những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân hay các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản



# NGÀNH LUẬT DÂN SỰ - CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

## 2. Thừa kế

**Thừa kế là quan hệ xã hội về việc chuyển giao di sản của người chết cho những người sống**

### Người để lại di sản thừa kế

- Là người mà sau khi chết có tài sản để lại cho người khác theo trình tự thừa kế

### Di sản thừa kế

- Bao gồm những tài sản riêng và phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung đối với người khác trong đó bao gồm cả những quyền về tài sản của người chết

### Người thừa kế

- Cá nhân: còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết
- Tổ chức: tồn tại vào thời điểm mở thừa kế
- Người thừa kế nhận di sản của người chết thì phải thực hiện những nghĩa vụ của người chết để lại

### Thời điểm mở thừa kế

- Thời điểm người có tài sản để lại chết

### Địa điểm mở thừa kế

- - Nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản
- - Hoặc nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản thừa kế nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng

# CHẾ ĐỊNH THỪA KẾ (TIẾP)

## Thừa kế theo di chúc

- là việc chuyển di sản của người chết cho người sống bằng chính sự định đoạt của người có di sản theo di chúc được lập ra khi họ còn sống.
- **Di chúc** là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết
- Di chúc hợp pháp phải đảm bảo các điều kiện về:
  - Người lập di chúc
  - Nội dung di chúc
  - Hình thức di chúc

## Thừa kế theo pháp luật

- là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.
- Áp dụng trong trường hợp:
  - Ko có di chúc hoặc di chúc ko có hiệu lực
  - Người được chỉ định hưởng thừa kế trong di chúc chết trước, bị tước quyền thừa kế hoặc khước từ hưởng thừa kế
- **Diện thừa kế** là phạm vi những người có quyền hưởng thừa kế xác định theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người thừa kế với người để lại thừa kế.
- **Hàng thừa kế** thể hiện thứ tự được hưởng di sản của những người thừa kế được pháp luật quy định thành 3 hàng.
  - Hàng thứ nhất: vợ, chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi
  - Hàng thứ 2: Ông bà nội ngoại, anh chị em ruột, cháu ruột nếu người chết là ông bà nội ngoại
  - Hàng thứ 3: cụ nội ngoại, bác, chú, cô dì, cậu, cháu ruột, chất ruột

## CHẾ ĐỊNH THỪA KẾ (TIẾP) - MỘT SỐ LƯU Ý

Nguyên tắc chia di sản (thừa kế theo pháp luật)

- Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau
- Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu ko còn ai ở hàng thừa kế trước, ko có quyền hưởng di sản. bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản

Thừa kế thế vị

- Được áp dụng trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống

Thừa kế ko phụ thuộc di chúc

- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con đã thành niên nhưng ko có khả năng lao động của người lập di chúc được hưởng phần di sản bằng  $\frac{2}{3}$  suất của 1 người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật trong trường hợp họ ko được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ được hưởng phần di sản ít hơn  $\frac{2}{3}$  suất đó.



# DẠNG BÀI TẬP THỪA KẾ

- **1. Thời điểm mở thừa kế:** sinh viên phải trình bày chính xác theo dữ kiện đề bài nêu ra như ngày tháng năm thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có di sản để lại chết.
- **2. Chia di sản thừa kế**
- **a. Trình tự:** Trong một tình huống thì nếu có cả chia di sản theo di chúc và theo pháp luật thì chia theo di chúc trước, còn lại mới chia theo pháp luật.
- **b. Xác định di sản thừa kế:** là phần tài sản riêng của người chết và tài sản nằm trong khối tài sản chung (cách xác định tài sản riêng hay di sản thừa kế đã có hướng dẫn trong đề cương ôn tập rồi). Nếu là di sản chung sinh viên phải thực hiện phép chia cụ thể và có lập luận cụ thể (ví dụ tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung nên khi chấm dứt hôn nhân được chia mỗi người một nửa...) nếu người để lại di sản thừa kế có nghĩa vụ trong việc trả nợ hay nghĩa vụ tài chính khác thì phải trừ các khoản tiền này trước khi chia (tiền nợ, chi phí chung trong việc bảo quản sửa chữa tài sản chung, chi phí mai táng...).
- **c. Chia theo di chúc:** ưu tiên lấy di sản thừa kế chia theo di chúc trước. Trường hợp chia di sản cho những người không phụ thuộc vào nội dung di chúc: nếu phát hiện có trường hợp này thì cần chia cho những người này trước theo đúng quy định sau đó còn lại bao nhiêu mới chia theo di chúc
- **d. Chia theo pháp luật:** phải xác định những người cùng hàng thừa kế được nhận di sản (số lượng người được hưởng và lập luận vì sao?)
- **Kết luận:** số tài sản mỗi người nhận được từ người chết theo đề bài đưa ra (cộng số tiền chia theo di chúc với số tiền chia theo pháp luật nếu có). Sinh viên thường nhầm lẫn, ở đây chỉ yêu cầu xác định số tài sản nhận từ người chết chứ không bao gồm số tài sản đương nhiên của họ.

## NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### 3. Chế định Hợp đồng dân sự và nghĩa vụ dân sự (tự nghiên cứu)

## NGÀNH LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

- Khái niệm: là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án dân sự
- Các chế định cơ bản  
(tự nghiên cứu)

## 5.2.4 NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ

### ○ Khái niệm

Luật hình sự là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, đồng thời quy định những hình phạt tương ứng và điều kiện áp dụng các hình phạt đó

# NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ

## ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Đối tượng điều chỉnh: các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội, khi người đó thực hiện hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm

Phương pháp điều chỉnh: quyền uy

# NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ - CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

## 1. Tội phạm

là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa

Tội phạm ít nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại ko lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù

Tội phạm Nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù

Tội phạm rất nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 15 năm tù

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

## 2. Hình phạt

là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội

Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo ko giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình

Hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi ko áp dụng hình phạt chính; trục xuất, khi ko áp dụng hình phạt chính.

# NGÀNH LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

- Khái niệm: là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự
- Các chế định cơ bản (tự nghiên cứu)



# END!

199

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Viện KT & QL